



Hội nghị luật nhân đạo
quốc tế và VN • Hoa lục
sau Quốc dân Đại • hội
1975 • Vương Hồng Sển và Phạm
Duy Khiêm • Cúp tóc trong Phong
trào Duy tân ở Miền Nam • Dở
lại trang sử Cẩn vương • Tư tưởng
Việt • nam • Nhân loại lâm nguy
• Lá thư Trần Văn Khê

D^{..}
IV^oXXIV

4 2 4

BACH KHOA

LA I PH Ầ M

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

2.300đ.

MỘT NĂM

4.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay một năm : 600đ (mỗi số 25đ.)

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 1.560đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 22-7-74, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 90đ.		
— Ai-lao	: 90đ.	— Âu-châu, Bắc Phi	
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 140đ.	Trung Đông, Đại-dương-châu	
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 190đ.	Úc, Tân-Tây-Lan v.v...	: 365đ
		— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 440đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan Đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

oOo

1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	10.000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5.000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4.000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3.000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

D**:

PHẠM LƯƠNG GIANG <i>Việt-nam tham dự Luật nhân-dân quốc tế kỳ I và kỳ II (Genève 1974 và 1975)</i>	05
ĐẶNG TRẦN HUÂN <i>Hoa-lục sau Quốc-dân Đại-hội 1975</i>	13
VƯƠNG HỒNG SÈN <i>nhớ tiếc Phạm Duy Khiêm</i>	18
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>chúng ta phải làm gì? (Nhân loại tâm nguyện)</i>	23
TRẦN NGỌC NINH <i>tư-tưởng Việt-nam</i>	31
NGUYỄN SINH DUY <i>đề góp vào Sử Căn vương: Những bức thư của Đế đốc Lê-Trúc trả lời Quan ba Mouteaux</i>	39
PHẠM LONG ĐIỀN <i>cúp tóc trong Phong trào Duy tân tại Miền Nam.</i>	47
TRẦN TIẾN <i>đọc «Cơ cấu Việt ngữ» của Trần Ngọc Ninh</i>	55
TRẦN VĂN KHÊ <i>lá thư Ba-lê: Nối lại đường tơ</i>	61
TRẦN BÍCH TIÊN <i>nói với em lớp sáu (thơ)</i>	64
VĂN ĐỨC HOÀI TRINH <i>em về ôm quê hương mình (thơ)</i>	65
TRẦN TRINH <i>tiếng đàn bầu (thơ)</i>	66
TRẦN TU ĐỊNH <i>bữa rượu cuối năm (thơ)</i>	68
TRẦN MIỄN TƯỜNG <i>đêm giao thừa của gã giang hồ (truyện)</i>	69
VĂN ĐỨC HOÀI TRINH <i>lá thư Vị Ương Tết Ất Mão</i>	74

SINH HOẠT

NGUYỄN HIẾN LÊ <i>cảm tưởng vụn ngày xuân</i>	78
LÊ PHƯƠNG CHI <i>tâm sự cuối năm của một số văn nghệ-sĩ: Bạch Tuyết, Bích Thủy, Vương Hữu Bột, Phạm Việt Tuyền, Võ Phiến</i>	79
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	83
VĂN THANH <i>trình bày bìa («Chiều về» ảnh của nhiếp-ảnh-gia VĂN KÍNH)</i>	

Chủ trương: LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ: 160, Phan Đình Phùng Saigon 3
Điện thoại: 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon 3
GIÁ: 200\$ Công sở: 400\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

*Bài học của một
thắng lợi sát nút*

VNCH tham dự Hội-nghị Luật Nhân-đạo Quốc-tế I và II (Genève 74 và 75)

Có thể nói: trong bối-cảnh quốc-gia hiện-tại, chỉ văn kỳ thanh dân-tộc Việt-Nam sau 30 năm tang-tóc cũng đủ cảm thấy muốn tha-thiết đặt rất nhiều hy-vọng nơi Luật Nhân-đạo quốc-tế đang được hình-thành. Tuy-nhiên, khi được tin là phái-đoàn ta vừa thắng-lợi sát nút tại Genève, nhân dịp Hội-nghị họp đầu tháng

2-1975 không chấp-nhận cho CPCMV tham-dự, dù chỉ là với tư-cách quan-sát viên, người dân trung-bình đi ngoài đường phố không mấy ai hiểu rõ Luật Nhân-đạo quốc-tế là gì, bắt nguồn từ đâu, và VNCH đã thắng-lợi ở điểm hoặc ở những điểm nào?

I.— Một chút lịch-sử

Hạ-bán thế-kỷ thứ 19, tình-trạng bi-đát các quân-sĩ bị thương nhân trận chiến Solférino năm 1859, đã khiến các nhà từ-tâm bắt tay nhau đặt nền-tảng cho Hội Hồng-Thập-Tự Quốc-tế, năm 1863. Sáng-kiến kỳ-thủy là do Henri Dunant (1), một công-dân Thụy-sĩ. Ông sinh năm 1828, mất năm 1910, xuất-thân là một nhà văn có tâm-hồn vị-tha tế nhị và tiến-bộ. Tính như vậy, khi đưa ra ý-kiến, ông mới 35 tuổi. Đây quả là một trong số các trường-hợp hiếm có, tài không đợi tuổi...

Từ đó, ý-kiến được khai-thác và phát-triển, thiết-thực và khoa-học. Ta có thể chia thành nhiều giai-đoạn:

A.— Năm 1864. Do Henri Dunant phát-động, Ủy-ban Trung-ương Quốc-tế Hồng-Thập-Tự nghiên-cứu các biện-p pháp nhằm xoa dịu số-phận

các « binh sĩ bị thương ».

B.— Năm 1929. Thảm-trạng đê-nhất thế-chiến 1914-18 và các trận chiến khác xảy ra sau này, bé nhỏ, có tính-cách địa-phương, kém quan-trọng nhưng không kém phần tàn-khốc, đã cung-cấp cơ-hội cho các nhà chuyên-môn nghiên-cứu, mở rộng phạm-vi, đề-cập tới số-phận các « tù-nhân chiến-tranh ».

C.— Năm 1949. Một Hội-nghị được triệu-tập ngày 12-08, và 4 qui-ước được ra đời, nhằm xoa dịu số-phận của:

— « các binh-sĩ bị thương, lâm bệnh hay lâm nạn, trong khi giao-chiến trên mặt đất »;

— « các binh-sĩ bị thương, lâm bệnh hay lâm nạn, trong khi giao-chiến trên mặt biển »;

(1) Xin coi Tạp-chí Bách-Khoa, số 277 và 278 ngày 15-7 và 01-8-1968.

— « các tù-nhân chiến-tranh » ;

— « các thường - dân nạn - nhân trong thời chiến. »

Chánh-phủ Liên-bang Thụy-sĩ quản-lý các qui-ước, do 63 quốc-gia ký-kết : các quốc-gia sau này tán-thành qui-ước, có thể xin gia-nhập dễ-dàng. Ngoài ra, ta nhận thấy đối-tượng được nói rộng tới các thường-dân ; vì khoa-học tiến-bộ (!) khiến các thường-dân không còn thể được coi như an-toàn sống ngoài vòng binh-lửa...

Sự-trạng lại càng bi-đát vô-nhân với công-thức chiến-tranh du-kích. Chúng ta không còn chỉ có những vụ đụng-độ giữa các quân-sĩ chính-qui, với hàng-ngũ có sắp-xếp đàng-hoàng ; mà trái lại, đối-phương gặp đâu đánh đó, với quan-niệm kết-quả chứng-minh cho phương-tiện ! Do đó, không tránh và không tha bất cứ cái gì và bất cứ ai, mà chỉ nhằm gây khủng-bố tàn-sát trong dân-chúng đồng-thời gây áp-lực bằng đủ mọi cách. Vì vậy và mĩa-mai thay, chiến-tranh mà nạn-nhân lại thường là các

người dân chất-phác, không phân-biệt già, trẻ, lớn, bé...

Trên đây có nói : các quốc-gia sau này nếu tán-thành qui-ước, có thể gia-nhập dễ-dàng. Đó là một ưu-điểm, đồng-thời một nhược-điểm. Ưu-điểm vì qui-ước mở rộng cửa đón nhận các thiện-chí từ khắp các phương trời ; còn nhược-điểm là vì các phong-trào khủng-bố, các đoàn-thề phản hòa-bình, không hẳn là chánh-phủ, không đủ yếu-tố cấu-thành một quốc-gia, cũng có thể chủ-quan ngợ-nhận cho là mình có khả-năng gia-nhập ; vì không hề có điều-khoản nào ấn-định minh-bạch cơ-chế cứu-xét chấp-nhận đơn. Kẽ hở đã khiến Việt-Cộng xin gia-nhập, và chánh-phủ Thụy-sĩ phò-biến đơn này tự-động như một « hộp thư ». Mặc-dù phe Cộng-sản đã khéo biết lợi-dụng thời cơ đề tạo tiếng vang nhưng đơn của CPCM cũng không có hiệu-lực gì, vì qui-ước minh-định : phải là một quốc-gia mới được gia-nhập, (và đó cũng là quan-điểm của phái-đoàn VNCH).

II.— Hội nghị Genève 1974 bàn về Luật nhân đạo quốc - tế

Hội nghị nhằm mục đích cải thiện qui-ước Genève năm 1949 về bảo vệ các nạn nhân chiến tranh. Vì vậy, đa số quan niệm tất cả các phe tham chiến có bốn phần hay ít ra cũng có thể góp phần vào việc sửa đổi qui-ước cho thích hợp với hiện trạng. Dựa vào tánh-cách nhân đạo đó, khối Cộng-sản và thân Cộng-sản đã cố

gắng lung lạc một số quốc gia ủng hộ cho Việt-Cộng tham dự Hội-nghị với toàn quyền tham gia đầu phiếu quyết định.

Vấn đề được đưa ra biểu quyết ngày 28-02-1974. Có 37 phiếu tán thành mời ; — 38 phiếu phản đối mời ; — 33 phiếu trắng ; — và 25 phái-đoàn vắng mặt không biểu quyết. Nghĩa là

VNCH thắng sát nút, chỉ hơn đối phương có 1 phiếu. Nói lối khác, nếu hôm đó có một hay hai quốc gia lưng chừng chống đối ta vào giờ chót, thì kết quả lại khác hẳn...

Dẫu sao, phải khách quan công-nhận thắng lợi (dù sát nút) là vì về phía ta đã hoạt động tích cực có phương pháp từ nhiều tháng trước. Từ hơn một năm nay, áp lực của phe Cộng-sản đối với khối phi liên kết đã bị ta hóa giải phần nào, bằng một chiến thuật làm thân với một số quốc gia mà từ trước ta vẫn có thái-độ thờ-ơ, hay có định kiến cho là bất khả cải hóa...

Ngay từ buổi đầu, cuộc tranh luận đã không thiếu phần gay-go hào hứng. Ủy ban kiểm soát tính cách hợp lệ của toàn quyền thư các phái đoàn đã lạm dụng thẩm quyền của mình. Phái đoàn Tiệp-khắc tuyên bố: "Đáng lẽ ra, "đại-diện của cơ-quan

hành chánh Saigon» (l'Administration de Saigon) không có quyền hiện diện tại đây, mà chỗ đó phải dành cho «CPCMLTMNVN» (Gouvernement Révolutionnaire Provisoire du Việt-Nam du Sud) ».

Lẽ dĩ nhiên VNCH phản đối và được các phái đoàn Úc, Hoa-kỳ và Nicaragua hậu thuẫn. Các phái đoàn bạn đó phát biểu ý-kiến :

— Rất tiếc vì một số phái-đoàn đã vượt thẩm-quyền của mình ; đồng-thời than phiền về một số danh-từ đã được sử-dụng không thích-hợp ;

— Không thể ngộ-nhận hai vấn-đề hoàn-toàn khác-biệt : Hội-nghị có hay không mời CPCM tham-dự ; trong khi Ủy-ban chỉ có một nhiệm-vụ hạn-chế là kiểm-soát các toàn-quyền thư có hợp lệ không ? (1)

III. — Hội-nghị Genève 1975 bàn về Luật Nhân - đạo Quốc - tế

Ở đây, thiên-nghĩ căn-sơ-lược về vấn-đề nội-qui và thủ-tục biểu-quyết, đề-nhận-chân-những cố-gắng về phần ta. Tính-cách nhân-đạo khiến một số quốc-gia nặng phần lý-tưởng, có thể ngộ-nhận và do đó không đề-ý đến hậu-quả về chánh-trị. Ấy là chưa kể còn một số quốc-gia thuộc phe Cộng-sản, kiên-trì ủng-hộ Việt-Cộng vì tình đồng-đội, đã không bỏ lỡ một cơ-hội nào để gây tiếng vang.

Phái-đoàn VNCH quan-niệm và tỏ-bày quan-niệm với các phái-đoàn bạn : "Nếu phái-đoàn Algérie muốn

đặt lại vấn-đề có mời Tổ-chức mệnh-danh là CPCMLTMNVN hay không, thì về phương-diện thủ-tục phải áp-dụng điều 32 ; vì vấn-đề đã bị bác-khước và được giải-quyết rồi..."

Có hai điều-khoản được áp-dụng khi có vấn-đề biểu-quyết. Vấn-đề đã được giải-quyết rồi mà nay đem ra

(1). — Tài-liệu Liên-Hiệp-Quốc : Conférence diplomatique sur la réaffirmation et le développement du droit international humanitaire applicable dans les conflits armés. CDDH/Rev. I. Genève. Commission de vérification des pouvoirs. Rapport.

cứu-xét lại, phải áp-dụng điều 32 (đòi hỏi 2/3 số phiếu đề được chấp-thuận). Trái lại, nếu vấn-đề được đem ra đầu phiếu lần đầu, thì áp-dụng điều 35 (chỉ đòi hỏi đa-số tương-đối).

Khi Chủ-tịch Hội-nghị yêu cầu biểu quyết về việc áp dụng điều 32 hay 35, thì kết quả là 41 phiếu ủng-hộ điều 32 và 41 phiếu ủng-hộ điều 35.

Chủ-tịch Hội-nghị lại yêu-cầu biểu-quyết xem những phái-đoàn nào ủng-hộ điều 35, và phái-đoàn nào chống điều 35. Kết-quả cuộc biểu-quyết lại là 41 chống 41.

Trước 2 cuộc biểu-quyết trên, Chủ-tịch Hội-nghị phải lãnh trọng-trách quyết-định. Dựa vào một điều của nội-quy ấn-định rằng khi một đề-nghị đưa ra biểu-quyết mà chỉ đạt được số phiếu bằng nhau, thì đề-nghị này xem là bị bác-bỏ. Chủ-tịch Hội-nghị giải-thích : đề-nghị áp-dụng điều 35 đã bị bác bỏ, như vậy ông

quyết-định áp-dụng điều 32.

Quyết-định này của Chủ-tịch Hội-nghị là một thắng-lợi cho Việt-Nam Cộng-Hòa. Phái-đoàn Nga-Sô lập tức kháng cáo quyết-định của Chủ-tịch Hội-nghị. Nhưng bằng đa-số 48 chống 43, Hội-nghị bác bỏ sự kháng-cáo của Nga-Sô.

Nhận thấy không còn hy-vọng đưa được Việt-Cộng vào Hội-nghị với tư-cách thành-viên, phái-đoàn Algérie nghĩ đến biện-pháp đề-nghị mời Việt-Cộng tham-dự với tư-cách quan-sát viên. Chủ-tịch Hội-nghị lại quyết định ngay với trường-hợp này, điều 32 nội-quy vẫn được áp-dụng.

Phái-đoàn Nga-sô một lần nữa kháng-cáo quyết-định của Chủ-tịch, nhưng bằng đa-số 44 chống 40, Hội-nghị lại bác sự kháng-cáo của Nga-sô.

Trước thất-bại này, Algérie đành rút-lại đề-nghị mời Việt-cộng làm quan-sát viên, cũng như đã từng rút-lại đề-nghị mời Việt-cộng làm thành-viên.

IV.— Một kinh-nghiệm, hay bài học của một thắng-lợi sát nút.

Như thế là VNCH đã thắng-lợi, mặc-dù là sát nút. Có thể cho « sát nút » như vậy là « yếu », nhưng thiên-nghĩ đầu sao thì cũng vẫn là thắng-lợi. Hơn nữa, tính-cách sát nút càng nói lên bối-cảnh gay-go cùng là những trở-ngại mà phái-đoàn ta đã gặp trong khi tranh-đấu.

Phải công-nhận phái-đoàn đi dự

Hội-nghị đã nắm vững vấn-đề, đã chuẩn-bị chu-đáo từ nhiều tháng trước, với sự nỗ lực của toàn-thể ngành ngoại-giao nói chung. Có thể nói có những yếu-tố thành-công thắng-lợi đã được khơi mào hay thực-hiện từ cả năm trước.

Trong số các phái-đoàn nồng-nhiệt ủng-hộ Việt-nam Cộng-hòa, bên các bạn đồng-minh cố-hữu như Hoa-kỳ

Đại-hàn, Phi-luật-tân, Anh, Thái-lan, Mã-lai..., phải kể và đáng kể nhất là phiêu của Arabie Séoudite, Gambie, Tchad Cộng-hòa Trung-Phi, Jordanie... là những bạn mới, hay mới thân-thiết, của chúng ta, từ hơn một năm nay, đa-số là Á-Rập và Phi-châu Hắc-chủng...

Hoặc giả ta có thể khiêm-cung nghĩ rằng ta đã gặp may. Tỷ-dụ nhân vụ tranh-chấp quan-trọng như vậy, mà có lần Cộng-hòa Nhân-dân Trung-quốc và Albanie là những quốc-gia đỡ đầu rất "nặng kí" của Việt-Cộng, đã vắng mặt! Nhưng mặt khác, tại sao ta lại không thể nghĩ rằng mọi sự đã an-bài, thất-bại có quá nhiều phần nằm trong tay, nên các bậc

đàn anh "nặng kí" đó đã cảm thấy không cần hay không nên ra mắt?...

Điều mong-mỏi là ta không nên say-sưa với hũ rượu mạnh thành công tự-ái. Trái lại, cần phải tiếp-tục dốc hết khả-năng và thiện-chí cho các cuộc so tài độ sức trong tương-lai.

Các cơ-hội không hiếm đang chờ đợi. Và thắng-lợi trong tình-trạng như hiện-tại của nước nhà, không phải chỉ là một vấn-đề nâng cao uy-tín, không những chỉ là một vấn-đề củng-cố vị-trí, mà thường khi còn là một vấn-đề sinh-tử...

PHẠM LƯƠNG GIANG

17-02-1965

đã phát hành

CHỦ ĐÍCH NAM PHONG

của gs Nguyễn Văn Trung

nhà xuất bản TRÍ ĐĂNG

đã phát hành

VĂN HỌC SỬ THỜI KHÁNG PHÁP

LÊ VĂN SIÊU biên khảo

theo lập trường dân tộc

phụng sự Dòng sông Vĩnh cửu chung
cần thiết cho Văn nghệ sĩ, Chính trị gia,
Giáo sư, Sinh viên

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

Chính tình Hoa-lục sau Quốc - dân Đại - hội 1975

Vai trò Chu Ân Lai lãnh tụ phe ôn hòa

Đã mười năm qua Quốc hội Trung Cộng không hề nhóm họp lần nào.

Mãi tới đầu năm 1975 khóa họp thứ nhất của Quốc hội thứ tư Trung Cộng mới được tổ chức tại Bắc-kinh trong sự bảo vệ an ninh tuyệt đối qui tụ 2864 đại biểu toàn quốc. Khóa họp tối mật kéo dài từ ngày 13 tới 17/1/75 không một chi tiết nào được tiết lộ mà phải chờ tới chiều 18-1, khi Thiên-an-môn bỗng rực sáng, quân đội và cảnh sát bố trí chặt chẽ các ngã ra vào trước khi các nhân vật quan trọng của Hoa lục ra mắt, kết quả khóa họp mới được chính thức công bố.

Không có mặt Mao Trạch Đông trong Quốc dân Đại-hội kỳ này cũng như ông đã vắng mặt trong cuộc họp khoáng đại Trung ương Đảng trước đây.

Sau 5 ngày hội họp, Quốc dân Đại hội Hoa-lục đã quyết định hai việc quan trọng là công bố một tân hiến-pháp và chỉ định tân chính phủ do Chu-Ân-Lai lãnh đạo.

Chu-Ân-Lai, vị lãnh tụ ôn hòa của Trung Cộng tưởng như đã bị thanh trừng trong những năm qua, sau các chiến dịch bôi nhọ ông, sau khi phải vào nhà thương điều trị bệnh tim,

đột nhiên đã trở lại điều khiển khóa họp Quốc-dân Đại-hội 1975, nổi bật tại chính trường Trung Cộng khi chính phủ của ông được chấp thuận ngày 17-1.

Tân chính phủ do Chu-Ân-Lai lãnh đạo là một chính phủ đông đảo. Ngoài Thủ tướng còn có 12 phó Thủ-tướng và 28 Tổng-trưởng đa số đều thuộc phe ôn hòa của Chu-Ân-Lai. Trong 28 bộ này có 11 bộ lo về kỹ nghệ (riêng kỹ nghệ cơ giới đã có đến 7 bộ !)

Những chức vụ then chốt trong Chính phủ đều do phe Chu-Ân-Lai nắm giữ. Đặng Tiểu Bình, người đã từng bị hạ nhục trong cuộc Cách-mạng Văn-hóa, do vệ-binh đỏ thừa hành, nay trở thành đệ nhất Phó Thủ tướng trong khi Diệp-Kiểm-Anh nắm giữ Bộ Quốc-phòng.

Riêng Thủ tướng Chu Ân Lai không những đã ở trong Chính quyền 25 năm nay, từ khi Trung Cộng tuyên cáo cầm quyền Hoa-lục ngày 1-10-49, mà còn là Ủy viên Bộ Chính-trị tại ban chấp-hành Trung Ương Đảng cho tới nay đã 47 năm, một chức vụ liên tục lâu hơn cả Mao Trạch Đông.

Đặng-Tiểu Bình, đệ nhất Phó Thủ tướng là Phó Chủ-tịch Trung Ương đảng và các Phó Thủ-tướng khác đều có chức vụ cao trong đảng.

Trong khi đó phe cấp tiến của Mao Trạch Đông đã hầu hết đều bị gạt ra khỏi chính quyền. Những nhân vật cực tả quá khích, mà các nhà quan sát Tây phương gọi là Mafia Thượng-hải, như Vương Hồng Văn, Nghiêu Văn Nguyên đã không được nhắc nhở tới. Chính Giang Thanh, vợ Mao Trạch Đông dường như cũng mất chức vai trò trọng tài văn hóa mà bà nắm giữ không chính thức từ trước tới nay.

Trường hợp Mao Trạch Đông người ta vẫn còn nghe ngóng chưa rõ vai trò thực sự của ông ra sao sau khi bản tân hiến pháp đã bỏ chức vụ Chủ tịch nhà nước.

Trong quá khứ, ông đã rời bỏ chức vụ Chủ tịch nhà nước một lần vào năm 1958 và Lưu Thiểu Kỳ nắm giữ chức vụ này năm 1959. Trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa Mao đã thành công trong việc loại trừ hai đối thủ lợi hại là Lưu Thiểu Kỳ và Lâm Bưu.

Ngày nay căn cứ vào những sự việc Mao vắng mặt trong Đại-hội Đảng, vắng mặt trong Quốc dân Đại hội, không còn giữ chức vụ Chủ tịch nhà nước, nhiều quan sát viên Tây phương cho rằng ông đã rời xa chính trường. Tuy nhiên, theo quan điểm của Alain Peyrefitte, một dân biểu Pháp đã từng du hành quan sát Trung Cộng một thời gian khá lâu và là tác giả cuốn *« Quand la Chine s'éveillera... »* (Khi Trung Hoa vùng dậy) có thời kỳ bán chạy nhất nước Pháp từ hơn một năm nay, thì sự kiện Mao rời khỏi chính quyền công

khai không hẳn là ông mất quyền hành.

Trên thế giới hầu hết các quốc gia cộng sản đều có hai hệ thống chỉ huy song song là chính quyền và Đảng. Chính quyền là hệ thống nổi, hệ thống bề mặt có đầy đủ các cơ cấu hành pháp, lập pháp, tư pháp, có vẻ mặt dân chủ, còn hệ thống Đảng là hệ thống chìm ngấm ngấm nhưng nắm quyền hành thật sự.

Trường hợp Trung Cộng với bản tân hiến-pháp, cái hệ thống bề mặt che dấu đã được miễn trừ một cách vui vẻ. Khỏi cần chính quyền mà chỉ cần Đảng. Ở địa phương đã có cơ sở đảng địa phương, ở Trung-ương thì đã có các cán bộ lãnh đạo đảng của Trung-ương.

Sự loại bỏ chức vụ Chủ tịch nhà nước chỉ là kết quả của kinh nghiệm tranh chấp quyền hành giữa hai Chủ tịch nhà nước và Chủ tịch Đảng thời Lưu Thiểu Kỳ và sự kiêm nhiệm chức vụ Tổng tư lệnh quân lực của Chủ tịch Đảng cũng rút từ kinh nghiệm về tham vọng đề quân đội lãnh át Đảng của Lâm Bưu.

Dù địa vị của họ Mao, trên công khai hoặc trong bí mật, có thay đổi ra sao tại chính trường Trung Cộng thì đường lối hòa hoãn của họ Chu có thể vẫn được tiếp tục. Và chẳng ngay khi Mao còn nắm giữ chính quyền thì tại dưới trường, Thủ tướng Chu Ân Lai đã thực hiện đường lối hòa hoãn rồi, và khi Chu niếm nở đón tiếp các lãnh tụ Tây phương — trong số này có những

người là kẻ thù cũ của Trung Cộng như Tổng Thống Nixon — thì Mao cũng sốt sắng không kém trong các cuộc tiếp xúc đó. Nếu đường lối hòa hoãn này không được cả Mao lẫn Chu chủ trương thì bức màn sắt hẳn chưa được kéo lên để ngày nay Trung Cộng có thể thiết lập liên lạc ngoại giao với 100 quốc-gia và liên lạc thương-mại với gần 150 nước.

Phải chăng chính vì chính sách Cách-mạng Văn-hóa do Mao chủ xướng đã thất bại, phải chăng việc đưa sinh viên về nông thôn chỉ gây thêm nhiều vụ tìm tự do qua ngã Hương Cảng nên Mao đã thức tỉnh và từ bỏ chính sách cứng rắn?

Nền kinh tế Trung Cộng trong những năm qua tuy có tiến bộ (nông nghiệp thu hoạch khá, dầu lửa từ tình trạng nhập cảng nay đã có thể xuất cảng) nhưng Trung Cộng hàng năm phải nuôi thêm 16 triệu miệng ăn do sự kiểm soát sinh sản không thực hiện nổi tại lục địa và những phong trào bạo động dù có hạ được một hai đối thủ nhưng cũng lại gây khá nhiều rối loạn trong các cơ sở kinh tế như xưởng máy hay nông trường.

Phải chăng đó cũng là những lý do khiến Quốc-dân Đại-hội Trung Cộng chấp thuận cho Chu Ân Lai tiếp tục thí nghiệm đường lối ôn hòa.

Những điểm chính yếu trong tân hiến-pháp Trung-Cộng

Bản hiến-pháp được Quốc - dân Đại-hội Trung Cộng công bố ngày

18-1 tuy dựa vào hiến-pháp 1954 tu chỉnh lại, nhưng cũng có thể coi như một tân hiến-pháp vì nó giản lược gọn ghẽ hơn bất cứ một bản hiến-pháp nào.

Hiến-pháp 1954 gồm 106 điều, nay các nhà lập-pháp cộng-sản Hoa-lục rút gọn lại còn có 30 điều, gọn hơn cả những sắc-lệnh hay nghị-định rườm rà.

Tuy ngắn gọn, nhưng nội dung hiến-pháp nổi bật tính chất đảng-trị và độc-tài hơn bao giờ hết.

Ngay trong điều I, hiến-pháp Trung Cộng đã khẳng định « Cộng-hòa Nhân-dân Trung-quốc là một quốc-gia xã-hội, vô sản chuyên chính, điều khiển bởi giai-cấp công-nhân, dựa trên sự liên kết công nông. »

Chức vụ Chủ-tịch nhà nước được bãi bỏ. Hiến-pháp phân chia các quyền hạn cũ của Mao-Trạch-Đông cho nhiều bộ phận khác nhau.

Chủ-tịch Trung-ương đảng là Tổng-tư-lệnh quân-lực.

Điều 16 quy-định cơ-quan quyền-lực tối-cao của quốc-gia là Quốc-hội nhân-dân được bầu mỗi nhiệm kỳ 5 năm và mỗi năm họp một lần, nhưng cơ quan tối cao này đặt dưới, sự điều khiển của Đảng Cộng sản Trung-hoa. Như vậy là hơn 2.000 đại-diện dân-cử được bầu bán bằng những phương-thức thường lệ của Cộng-sản sẽ nằm dưới quyền lãnh đạo của một số lãnh tụ Cộng sản trong Bộ Chính-trị Trung ương đảng.

Đề củng cố cho quyền lực đảng

hiến-pháp qui định « Đảng là hạt nhân điều khiển toàn thể dân-tộc Trung-hoa ». Rồi như sợ dân-chúng quên, điều 26 lại phải khẳng định « Bồn phận và quyền lợi căn bản của mọi công dân là phải ủng-hộ sự điều-khiển của đảng Cộng sản Trung-hoa... »

Có lẽ các nhà lập pháp nhớ lại thời kỳ 1959-1966 khi Lưu Thiểu Kỳ làm Chủ-tịch nhà nước đã lấn át quyền của Đảng nên nay phải nhấn mạnh trong hiến pháp rằng đảng là tối cao để tránh vết xe cũ.

Về quyền tự do ngôn luận điều 13 bản tân hiến-pháp quy định nhân dân có quyền phát biểu ý kiến, có quyền tranh luận, có quyền dùng những bích chương chữ lớn (hiến pháp gọn mà lo chi tiết quá !) nhưng chỉ với mục đích ủng hộ cách mạng xã hội. Nghĩa là ủng hộ chính quyền, ủng hộ đảng mà thôi. Chớ đại dốt nói lên ý kiến chống đối hay phê bình xây dựng.

Chỉ liếc qua vài điểm chính trong tân hiến-pháp Trung Cộng, ta cũng thấy người dân Trung hoa lục địa chẳng còn quyền gì ngoài quyền nai lưng ra làm việc và hoan hô Đảng.

Thành ra tuy ngôn từ vẫn gọi là hiến-pháp cho đẹp nhưng thực ra nó có giá trị không hơn gì thông cáo ban hành lệnh giới nghiêm của một ông Tổng trấn.

Ai sẽ thay thế Mao, Chu
đã quá già nua ?

Cứ trong tình trạng hiện tại, với

tuổi 81 già nua đã chìm dần vào bóng tối, người ta không tin Mao-Trạch Đông sẽ trở lại chính quyền.

Nhưng với Chu-Ân-Lai, chỉ trẻ hơn Mao có 5 tuổi, thì dù bây giờ ông có lên tới tuyệt đỉnh quyền hành, người ta cũng vẫn thì thầm bàn tán tới người kế vị ông khi ông bất ngờ nằm xuống như Tổng-Thống Péron của Á căn Đình.

Nhân vật hiện được nhắc nhở nhiều nhất là Đệ-nhất Phó Thủ-tướng Đặng Tiểu Bình, không trẻ bao nhiêu vì cũng đã quá thất tuần.

Đặng Tiểu Bình trước khi được chỉ định vào chức Phó Thủ tướng một tuần đã được bầu chức vụ Phó Chủ tịch Cộng-đảng Trung-hoa, sau khi nhận chức Phó Thủ-tướng lại được giao phó thêm chức vụ Tổng Tham-mưu-trưởng Quân-lực, một chức vụ vẫn không có ai đảm nhiệm từ năm 1971.

Là một chiến sĩ trong cuộc chiến tranh Quốc Cộng Trung hoa, Đặng Tiểu Bình, năm 1954 đã giữ chức Phó Thủ tướng. Bên cạnh Lưu Thiểu Kỳ và Chu Ân Lai, Đặng-tiểu-Bình là một trong những người chịu trách nhiệm về chính sách của chính phủ. Đã từng tham dự Đại-hội Cộng đảng Nga năm 1956, Đại-hội các Cộng đảng năm 1957, 1960, Đặng Tiểu Bình được báo chí kêu là chiến hữu của Mao Trạch Đông. Nhưng sau khi Mao hạ được Lưu Thiểu Kỳ, Đặng Tiểu Bình trở thành một người bị thất sủng. Trong cuộc Cách-mạng Văn-hóa, Đặng bị lên án là theo tư

bản, phản cách-mạng và là một kẻ phản đảng.

Mãi tới năm 1973 Đặng mới trở lại chính trường mặc dầu Mao chống đối. Và tới nay thì ông đã trở thành một người có chức vụ cao nhất sau Chu Ân Lai và sẽ kế vị Chu Ân Lai thực thi chính sách hòa hoãn của họ Chu.

Tuy nhiên theo quan điểm của Đài-Bắc thì người kế vị Chu-Ân Lai sẽ không phải là Đặng Tiểu Bình và đường lối cấp tiến — vốn là chủ trương cố hữu của Mao Trạch Đông — lại có nguy vươn lên, vì bộ ba quyền hành hiện nay là Chu-Ân-Lai, Đặng Tiểu Bình, Diệp Kiếm Anh đều đã già rồi.

Giám đốc các hoạt động lục-địa của Quốc-Dân-Đảng, ông Hứa Chính Luân, cho rằng phe của Giang Thanh đã thắng lợi nhiều trong tân chính-phủ vì bà đã có 5 đồng-minh thuộc phe cấp-tiến nắm giữ chức vụ Phó Thủ-tướng là Trương Xuân Kiêu, Cơ Đăng Khuê, Oa Quốc Phong, Trần Vĩnh Quý và Ngô Quế Hiên.

Theo ông, Thủ-tướng chỉ định thực sự kế nghiệp đường lối Mao-Trạch-Đông sẽ là Trương Xuân Kiêu vì nếu Chu-Ân-Lai chết, Đặng Tiểu Bình sẽ chỉ nắm quyền chuyển tiếp trong một thời gian rất ngắn.

Trương Xuân Kiêu hiện là Bí-thư đảng tại Thượng Hải chính là người có đường lối cứng rắn đã được cuộc Cách-mạng Văn-hóa đưa lên tột đỉnh. Sau khi được mời làm Phó Thủ-tướng trong tân chính-phủ, Trương Xuân Kiêu được trao thêm chức Tổng Chính-ủy trong quân lực Trung quốc, một chức vụ trước kia do chính Mao Trạch Đông đảm nhận và đã bỏ trống từ năm 1973.

Ngoài ra, mặc dù đã 64, Trương Xuân Kiêu là vẫn người trẻ tuổi nhất trong những lãnh tụ cao cấp tại Trung Cộng hiện nay.

Một sự thực hiển nhiên không ai thể chối cãi là 64 trẻ hơn 71 (Đặng Tiểu Bình), 71 trẻ hơn 76 (Chu Ân Lai) 76 trẻ hơn 81 (Mao).

Và với quá trình lịch sử Trung Cộng những năm gần đây, Cộng đảng tuy có ngần ngại trước những người lãnh đạo quá già nhưng chưa bao giờ chấp nhận những người quá trẻ, hung hăng, thiếu kinh nghiệm nên ở Hoa-lục sẽ không thể có trường hợp hi hữu như ông Đại-tá Gadaffi lên làm Tổng-Thống xứ Libye khi mới vừa 28 tuổi.

ĐẶNG TRẦN HUÂN

Đã phát hành

TÌM HIỂU MỘT TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG

của NGUYỄN Q. THĂNG

Với một cái nhìn bao quát về một tác phẩm văn chương, cũng như công việc của người sáng tác và kẻ thưởng ngoạn một tác phẩm văn nghệ.

Sách dày 200 trang Giá 650đ.

Nhớ tiếc Phạm-Duy-Khiêm

Tôi quen với ông tại Sóc-trăng, trong một bữa tiệc tổ chức đãi tại tư dinh ông cầm đầu quận châu thành, ngày 10-11-1944. Chủ và tân khách, sáu người. Trong số, có một chủ nhà in địa phương, không ngọt tâng ông liền miệng *"trạng nọ trạng kia"*. Như vậy chưa đủ, khi rượu mềm môi, còn hỏi ông : *agrégé*, dịch là *ông trạng*, được chứ ?

Khiêm, khiêm tốn trả lời : *Agrégé*, đừng dịch là *Trạng*, nghe ngọt ngọt, Chỉ là một *thầy đồ*. Tôi chỉ là một *thầy đồ* thôi ! Mấy tiếng sau, chính ông hôm đó thốt ra, tôi nay còn nhớ.

Mãn tiệc, tôi mời ông nếu tiện, xin chiều mai ghé nhà. Tôi có sách và đồ cổ muốn trình ông xem. Chiều ngày sau, ông không đến, nhưng gởi tôi một danh thiếp vòn vẹn ghi :

PHAM DUY KHIÊM

AGRÉGÉ DE L'UNIVERSITÉ

ANCIEN ÉLÈVE DE L'ÉCOLE NORMALE SUPÉRIEURE

*avec ses remerciements, ses félicitations
et ses regrets de passer trop vite,
sans vous revoir, sans admirer
votre collection*

16, BOULEVARD CARREAU, HANOI

thêm có mấy hàng viết tay, chữ rất đẹp : *"avec ses remerciements, ses félicitations et ses regrets de passer trop vite, sans vous revoir, sans admirer votre collection"*. Dịch : Phạm Duy Khiêm, thạc-sĩ đại-học-viện, cựu sinh viên trường cao đẳng sư phạm Paris. Nên nhớ buổi ấy danh từ *thạc-sĩ* chưa có. Còn lối xưng *"cựu sinh viên trường cao đẳng sư-phạm Paris"*, là một lối khiêm mà xấc, chính người Pháp cũng khó được tuyên vô học trường này, nên họ thường đề trên danh thiếp như vậy. Câu viết tay, tôi dịch thoát : *"Xin có lời mừng và đa tạ. Tiếc vì quá vội vàng, không kịp diện kiến tôn nhan và thưởng lãm bộ môn sưu tập"*.

Tiếp theo đó, độ chừng giữa năm 1954, tôi gặp lại ông lần nữa, tại nhà tổng ngân khố Sài-Gòn. Sau cái bắt tay, tôi mừng ông : *"về cộng tác với ông Diệm, mong ông thi thố sở trường"*. Ông siết tay gởi lại ba tiếng

mẹ đẻ : *"Sau sẽ biết"*.

Nay xem Bách-Khoa số 420 (T), hay tin ông đã mãn phần. Hai cái bắt tay, kiếp ông đã khóa sò, kiếp tôi sống thừa đến chừng nào ? Ngày giờ qua quá mau nhỉ !

Nguyên tôi có một quyển giấy tốt « *Légendes des Terres Sereines* » (Chuyện cổ-tích vùng đất thanh tĩnh) của một bạn thân để tặng. Hôm đi dự tiệc, tôi mang theo, thừa dịp trình ông xin để cho một câu và cho một chữ ký. Ông cười, bảo tôi để lại đó ông còn suy nghĩ, hứa hôm sau sẽ mang đến tận nhà. Nhưng như đã nói, ông không đến được. Quyển sách cho người mang lại, ông ghi : « *en souvenir du 10 novembre 1944* » KHIÊM (nhớ kỷ niệm ngày 10-10-1944). Sách đã để tặng rồi, còn viết gì nữa? Tôi thật ngớ ngẩn.

Trong bữa tiệc, tôi được sắp ngồi gần ông. Tôi hỏi : « Muốn viết văn Pháp, phải viết cách nào ? »

Ông cười, đáp gọn : « Phải đừng bắt chước tôi ! Và lại tôi gàn lắm. Đâu bằng cao, tôi giữ nguyên tắc trường dạy : « *Sujet-verbe-complément* » (chủ từ - động từ - bổ sung từ). Văn tôi tuy cô đọng mà khô ». Đừng bắt chước tôi, ông lặp lại.

Tôi hỏi với câu nhí : « Tại sao ông chọn viết chuyện cổ-tích Việt-Nam ? »

Ông đáp : Pháp có chuyện cổ tích Pháp. Đức, Nga có chuyện cổ tích Đức, Nga. Tôi chọn viết bằng Pháp-ngữ cho Tây-phương họ biết chuyện cổ tích Việt-Nam.

Tôi hỏi câu chót : « Trong các chuyện ông viết, chuyện nào ông ưng ý nhất ? »

Ông đáp lẹ ; « Ông về lấy quyển « *Le jeuse femme de Nam-Xương* » (Thiếu phụ Nam-Xương) (1). Ông

tìm xem nơi mấy trang chót, bài « *Cơi trầu của bà nội tôi* ». Tôi ưng ý bài đó, một lẽ vì tâm sự chứa đựng trong đó.

Nay ông đã ra đi vĩnh viễn. Cuốn sách còn đây. Nhưng dịch đây là dịch tạm, vì luôn luôn nhớ ông là người khó, rủi không đúng ý, tuy ông không còn, nhưng lòng tâm đầu để tôi yên. Để viết bài này, tôi lấy sách ra đọc. Chuyện nhắc cảnh lúc ấu thời, nhà hàn vi, ông được học nội trú, mỗi chúa nhứt ra thăm nhà, ông phải hồi hã trở vô trường trước bữa cơm tối, để đỡ tốn cho gia đình và để nhin phần ăn cho em. Trong nhà có một cơi trầu, bà nội ông cứ dở lên dở xuống, tiếc lá trầu ngon, vắng người thưởng thức, (bởi của tiền hết, bạn hữu đều lánh mặt). Câu thúc kết, nguyên văn chữ Pháp mới thật là lâm ly, thống thiết : « *Pauvre grand' mère !* »

« *Ma mère, ta bru, a conservé la « vieille boîte ronde, mais elle ne sait « pas tout ce que celle-ci représente « pour moi. Puisse-t-elle n'avoir « jamais, pour sa part, à la refermer « avec le même cri et la même dou- « leur que toi ! Je promets d' y « veiller, et c'est un des prétextes « que j'aurais pour continuer, dans « un monde sans intérêt, cette exis- « tence sans raison. Mais jusqu'à « mon dernier soupir, je n'oublierai « jamais — o ! non, nul humain* »

1. — La jeune femme de Nam-Xương, nhà in Taupin Ha-noi, in năm 1944. Chuyện cái cơi trầu đăng nơi trang 193-198, nhan là « *la boîte de bétel de ma grand' mère* ».

xu trong quỹ đen thời ông Diêm. Tôi làm không được việc ấy. Và trong khi ông nói chuyện bóng gió với cô ả nhân tình Pháp, ông vẫn không quên tình nhà túng rỗi và không quên ông là người anh cả phải hy sinh cho gia đình. Bên hiếu bên tình, ông chọn báo hiếu, nhưng cách ông trả hiếu, người trong thân và chính người mẹ của ông có hiếu nổi ông không?

Cũng trong *Nam et Sy'vie*, trang 122, ông ghi ông có bệnh mất ngủ. Chứng bệnh này đã khiến ông, buổi ngày tàn bóng xế, đành dứt nợ trần.

Đọc quyển *Mélanges*, tôi càng kính phục nghề viết của ông. Văn ông thật là trong trẻo như pha-ly, đúng như câu "ngọc thốt vàng reo". Trong bài tựa quyển *Mélanges*, cố ân sư tôi, ông Bernard Bourotte, ký biệt danh Jacques Méry, đã khen một cách kín đáo và không quá đáng: "rep endre « des articles publiés au cours des dix dernières années, les réunir en un volume sans en rien renier, sans que se fût imposée la rectification d'une seule phrase, combien d'écrivains « d'Asie pourraient en faire autant? » (tr. IX) (in lại những bài đăng từ mười năm trước, tom góp lại thành tập thề mà không bôi xóa sửa chữa một câu văn nhỏ nào, xin hỏi các văn-nhân Á-Đông có làm như thế được chăng? (préface *Mélanges*, tr. IX).

Tôi thấy mỗi lần ông viết lại bài nào đều có phần hay gọn hơn trước:

— trong *Mélanges*, trang 105, ông viết *chuyện gã chèo đò và nàng My-Nương* Nơi trang 135, ông viết *chuyện Từ-Thức tu tiên*. Trong *Légendes des Terres Sereines*, ông viết lại hai bài và đẽo gọt thúc gọn hơn nữa. Ai làm được vậy. Lo chạy gạo không kịp thở?

Kề về tài viết văn Pháp, bài khéo nhứt, tỷ mỷ và thấu thoát nhứt, theo tôi, là bài ông viết về *phim Back Street* (Hà-nội 1937). Bài này đăng trong *Mélanges* từ trang 19 đến trang 83. Ông lấy lại sự tích Mỹ và trình bày theo phương pháp của ông đã học. Câu chuyện trở nên linh động như chuyện xảy ra trước mắt, rất hấp dẫn và hay hơn cốt chuyện của tác giả *John Stahl* bội phần. Ông nhìn nhận ông xem phim trên mười lần mà chưa thỏa mãn. Trên đường hồi hương, tàu ghé Marseille, ông không kịp xem lại vì tàu không chờ; Về đến Hà-nội, ông dự lăm một phen nữa rồi mới hạ bút viết thành văn. Chúng tôi không làm sao bắt chước cách ấy được. Và thảo nào văn ông không xuất chúng?

Trang 87 trong *Mélanges*, bài diễn văn nhơn lễ phát thưởng (discours de distribution des prix, lycée Albert Sarraut, 11-6-1937) mới là độc đáo. Ông nhắc chuyện tâm tình khi học trường này. Bài diễn văn của ông rất khác các bài chiếu lệ của các giáo sư diễn giả Pháp từ trước, và thật là đặc sắc. Jacques Méry đã khen: "ah, ce discours de distribution « des prix ! Il arrive d'en écouter « d'élégants, d'ingénieux, dans la

« meilleure tradition universitaire. L'amour-propre de l'orateur y est souvent la grande affaire; mais en vingt ans d'Indochine, M. Pham-Duy-Khiem est bien le seul qu'on entendit évoquer cette matière vivante, essentielle on en conviendra : un écolier annamite avec ses joies, ses craintes, ses efforts et ses secrets ». (tr. XIV). (à ! bài diễn văn đọc nhưn lễ phát thưởng của ông Khiêm mới là độc đáo ! Chúng ta đã từng nghe nhiều bài chải chuốt, thần tình soạn theo cò tục trong trường. Thuở nay, phần đông diễn giả lo diễn tả lòng tự tôn của mình, duy một ông Khiêm từ hai mươi năm nay, là người duy nhứt, biết nhắc lại cảnh linh động khàn yếu và bất ngờ : tâm tình một thư sinh Việt với bao nhiêu nỗi vui mừng, âu lo, tận lực và nỗi niềm tâm sự riêng của đứa trẻ học trò Việt ấy).

Quả thật, tài ông viết văn Pháp là hiếm có. Nhưng tại sao ông không chịu về đây truyền nghề cho đoàn em trẻ đang khao khát thầy hay ? Pháp đã có sâm-banh ngon sẵn. Có chút mỹ tửu, sao không ban bố cho đám dân quèn Việt ?

Trần Ích Tắc, và Lê Tắc, sau này có mấy ai khen ? Nhưng dân ta sẵn lòng tha thứ. Dem so sánh ông với hai người này, tôi mắc tội và oan cho ông. Nhưng tôi muốn nói những người giỏi ngoại ngữ thường quên

quê hương. Một ngày kia nhóm thanh niên có máu nóng, sẽ bạc đầu như tôi và sẽ tội nghiệp và hết giận. Ông là một đại diện xứng đáng, tuy không ai mời làm nghề này. Ông chứng tỏ con trẻ Việt-Nam cho học chữ nước nào, đều lỗi lạc và cổ khiêu. Duy học với hành văn khác. Đến đây tôi không dám nói nhiều, và lại nói bao giờ cho hết ? Một nhận xét nhỏ : ông là một nhà văn phạm Pháp thuần túy Pháp, hấp thụ và lĩnh hội nhiều lẽ lối Pháp. Đến đổi tên họ cha mẹ đặt ra, ba chữ *Phạm-Duy-Khiêm*, ông cũng thấy lướt buột. Về sau ông đẽo gọt, giữ lại một chữ duy nhứt : *Khiêm* (Bách-Khoa số T. 420, trang 67, danh hiệu đề trên giấy viết thư). Phải chăng như vậy mới đúng : « chính xác » (précis), « gọn gàng » (concis), theo văn phạm (grammaire) muốn ? Cũng như một người bào đệ ở Sài-Gòn, bỏ tên tộc, giữ lại họ và chữ lót, còn lại *Phạm-Duy*, như vậy mới đúng phương pháp « dân ca » !

Nhớ ông, khóc ông, muốn thấy dung nhan người xấu số, họa may tìm « ông ở Sài-Gòn ». Khi nghiêm nét mặt, phảng phất gương mặt hiền lành của ông, nhưng vẫn thiếu cặp kính trắng của nhà học giả.

Trên đường đời, người em này thực tế hơn anh.

VƯƠNG HỒNG SẼN

6-02-1975

Chúng ta phải làm gì?

Trong cuốn « Những vấn đề của thời đại » (1974) trang 10, khi xét những hậu quả tai hại của sự phát triển quá mạnh về cơ giới, tôi đã đặt những câu hỏi này : « Có ai dám « tốp » khoa học lại không ? Có ai dám đề nghị : môn năng lực hạch tâm, môn điện tử, môn sinh vật học... đã tiến tới mức đó là đủ rồi, quá đủ rồi, thôi đừng nghiên cứu, phát triển nữa không ?... Thành thử khoa học... cứ lôi kéo ta hoài, ta hồn hèn chạy theo nó mà không sao ngừng lại được. Cả những khi thấy tai họa ngay trước mắt ».

Bây giờ, đọc những hàng dưới đây trong bài phân tích bản Báo cáo thứ nhì của Nhóm La Mã, tôi mừng như gặp người tri kỉ :

« Thế giới đứng trước một quyết định cực kì khó khăn. Lần đầu trong lịch sử, người ta yêu cầu con người đừng làm một việc có thể làm được, hãm sự tiến bộ kinh tế và kĩ thuật lại. Hoặc ít nhất cũng phải hướng sự tiến bộ theo một chiều khác, chia xẻ sự giàu có của mình cho những kẻ khốn khổ không phải vì lòng nhận từ mà vì chính cái lợi của mình ».

Vì nếu không vậy thì toàn thể thế giới sẽ lâm nguy, kẻ nghèo cũng như kẻ giàu. Các đại cường không được yên ổn hưởng thụ đâu khi hai phần ba thế giới sẽ đói. Và lại, tài nguyên

cạn lã, còn gì đâu mà hưởng thụ ; ngay đến sinh mệnh cũng vì tất đã an toàn khi địa cầu không còn thể ở được do nạn nhiễm uế. Các nhà bác học Âu Mỹ sợ dĩ phải lên tiếng vì lẽ đó, vì nguy cơ chung của mọi dân tộc, ohừ đâu phải vì nhận tiền của các tài phiệt. Không thể nghi ngờ rằng bảy chục nhà bác học thuộc nhiều quốc tịch : Ý, Đức, Mi, Anh, Pháp, Nhật... đều làm tay sai cho tài phiệt, cho thực dân hết. Nếu họ vì ăn tiền mà đưa ra những báo cáo láo thì còn cả ngàn nhà bác học khắp thế giới vạch mặt chỉ tên họ ra, mặt sát họ kịch liệt chứ. Trên tôi đã nói bản Báo cáo thứ nhì, khi thảo xong, đã được trình một hội nghị ở Đức, một hội nghị nữa ở Nga và không ai tỏ ý nghi ngờ rằng công việc nghiên cứu đó không đứng đắn.

Cuộc khủng hoảng của nhân loại lần này không phải chỉ là nhất thời mà có tính cách cực kì nghiêm trọng. Nó sẽ làm đảo lộn cả hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội của chúng ta, nó sẽ làm thay đổi cả nhân sinh quan, lối sống của chúng ta. Nó đánh dấu một khúc quẹo trong lịch sử nhân loại.

Mà chúng ta phải giải quyết gấp, phải chuyển hướng ngay từ bây giờ. Chúng ta nên nhớ rằng quyết định ngay bây giờ thì cũng phải hai mươi năm sau mới có kết quả. Nếu không

thì chỉ tới cuối thế kỉ này thì riêng Đông Nam Á cũng thiếu 30% thực phẩm rồi. Để trễ thêm hai mươi lăm năm nữa thì sẽ vô phương cứu vãn.

Bản Báo cáo số 2 cũng khuyên như bản số 1 rằng cả 154 quốc gia trên thế giới phải dừng tranh giành, xung đột nhau nữa mà cùng hợp tác với nhau để định một chiến lược liên hiệp, một biện pháp quốc tế, giải quyết vấn đề một cách toàn thể. Phải bỏ tính ích kỉ, kéo mền về mình đi, góp chung tất cả các tài nguyên của nhau mà lập một kế hoạch chung. Các nước giàu có, phát triển mạnh phải dùng số tiền chế tạo vũ khí để giúp các nước kém phát triển một cách bất vị lợi; hơn nữa phải hi sinh một số quyền lợi của họ: tiêu xài bớt đi, không có lí gì một tờ báo ở Mỹ dùng một số lượng giấy trong một ngày bằng số lượng giấy in sách giáo khoa trong một năm của một nước kém phát triển; không có lí gì họ ăn uống phê phỡn tới chán mửa ra khi một phần ba nhân loại đói, ăn cơm độn khoai, hoặc bữa cơm bữa cháo; (1) không có lí gì họ dùng những chiếc xe hơi du lịch nuốt bốn chục lít xăng một giờ khi một nửa thế giới thiếu dầu chạy máy.

Bản báo cáo số 2 tiến hơn bản số 1 ở điểm có sáng kiến chia thế giới làm 10 khu vực, khuyên mỗi khu vực phải tìm một lối phát triển hợp với tài nguyên, nhân lực của mình; mà các nước giàu có phải biết hy sinh dành một số kỹ nghệ nào đó cho những nước kém phát triển, chứ

đừng tranh hết kỹ nghệ và thị trường của họ.

Như vậy là cả thế giới đều phải xét lại vấn đề, thay đổi giá trị và mục tiêu, tìm một nhân sinh quan mới, một triết lí mới.

Tôi chưa thấy lời cảnh cáo nào của người phương Tây mà thành thực, tha thiết, nghiêm trọng và sáng suốt, công bình như bản Báo cáo đó. Cuốn *Mankind at the turning point* chắc sẽ được dịch ra rất nhiều thứ tiếng (2). Khắp thế giới chắc sẽ có hằng triệu người đọc và rất nhiều người sẽ phải suy gẫm. Nhưng tôi không tin rằng các nước kỹ nghệ Âu Mỹ biết lắng tai nghe mà thay đổi chính sách của họ. Dân chúng các nước đó có rất nhiều người tốt, nhưng nhà cầm quyền của họ thì không đáng cho ta tin. Ngay những người tốt khi lên cầm quyền rồi cũng hóa xấu — quyền uy, lợi lộc làm hư hỏng họ — huống hồ là bọn chính khách nhà nghề dựa vào thế lực của

(1) Trong cuốn *Một niềm tin* — 1965 — tôi đã viết: Một héc-ta trồng lúa thế kỉ 18 nuôi được 2,7 người; nếu trồng cỏ để nuôi bò sữa thì sữa chỉ đủ nuôi được 0,6 người nếu trồng cỏ để nuôi bò thịt thì thịt chỉ đủ nuôi 0,2 người. Vì vậy Alfred Sauvy trong cuốn *Théorie générale de la population* bảo thời đó « ai ăn thịt là kẻ ấy ăn thịt người », vì ăn thịt là tranh mất phần lúa của ba bốn người khác; còn André Piatier trong cuốn *Vie internationale* cũng bảo người nghèo có một bao tử (họ ăn nhiều lúa), mà người giàu có tới bốn bao tử (vì họ ăn nhiều thịt). Hễ còn người nghèo và người giàu thì lời đó vẫn đúng.

(2) Tôi đã hỏi mua bản tiếng Pháp, nếu có thể được, tôi cũng sẽ dịch.

đảng, của đồng tiền để tranh được địa vị. Từ nay tới 1980, 1985, tôi chắc sẽ không có sự thay đổi gì trong chính sách của các nước Âu Mĩ theo cái hướng Nhóm La-Mã đã vạch ra đâu.

Các nước trong thế giới thứ ba phải đoàn kết nhau lại đòi quyền sống, đòi được đối xử một cách công bình. Có người bảo sự « giải thực » (décolonisation) thực sự bắt đầu từ khi có tổ chức OPEP (Organisation des pays producteurs de pétrole : Tổ chức các nước sản xuất dầu lửa). Từ trước bọn thực dân làm giàu bằng xương máu của chúng ta, ngày nay họ phải nhả bớt một số quyền lợi ra. Nhóm La-Mã bảo hợp tác luôn luôn có lợi hơn là tranh đấu, lợi cho cả hai bên. Chúng ta muốn hợp tác lắm, nhưng người ta không muốn cho chúng ta hợp tác thì chúng ta đành phải tranh đấu, tranh đấu để được hợp tác. Mà đã tranh đấu thì đừng xin xỏ gì họ hết, đừng nhờ cậy gì họ hết. Hễ còn nhận tiền của họ, thì như một kinh tế gia Đức đã nói mấy năm trước trong một buổi họp các nhà kinh doanh lớn ở Sài-gon : « Vô phương. Kinh tế của nước ông sẽ không sao khá được. » Chúng ta chỉ nên trông cậy ở sức mình thôi, nên theo đề nghị của Nhóm La-Mã hợp thành từng khối : Nam và Đông Nam Á, Bắc Phi và Tây Nam Á, Phi Châu ở nhiệt đới, Châu Mĩ La-tinh... rần rần túc càng nhiều càng tốt, thay đổi giá trị, mục tiêu, lối sống, chính sách phát triển v.v... Và lại bây giờ thực dân lo tự cứu

họ chưa xong, mong gì họ giúp ta được.

oOo

Riêng Việt-Nam chúng ta, chúng tôi nghĩ phải *chấm dứt chiến tranh* này nội trong năm nay, khi chấm dứt rồi thì giảm binh số, vũ khí tới mức tối thiểu, vừa đủ để giữ trật tự trong nước thôi. Rồi xét lại hết mọi vấn đề từ nhân sinh quan tới giáo dục, kinh tế, xã hội, chính trị...

Dưới đây là một số điểm chúng tôi nêu ra để gợi ý độc giả.

1— Đừng nhất thiết cái gì cũng bắt chước Âu Mĩ, đừng theo đúng con đường họ đi nữa. Mười năm trước, trong cuốn *Một niềm tin*, chúng tôi đã nói :

« Ta phải tùy hoàn cảnh, tài nguyên thiên nhiên, mức tiến hóa của xã hội, khu vực ảnh hưởng của nước mình... mà tạo lập một nền kinh tế thích hợp với nước mình, chứ không nên bắt chước Âu, Mĩ... »

«... dân tộc mình nghèo, thì phải sống theo lối nghèo, đừng đua đòi Âu Mĩ. Trong giai đoạn hiện tại chúng ta chỉ nên nhắm mục tiêu này : làm cho dân chúng đừng đói rét, đau có đủ thuốc uống, và đồng thời làm sao giảm lần lần được sự bất công trong xã hội. Muốn vậy, phải rút bớt mọi sự tiêu pha không cần thiết... »

Tôi mừng rằng Nhóm La-Mã cũng khuyên chúng ta đại ý như vậy khi họ bảo cái hố phân cách giữa các nước phát triển và các nước kém

phát triển không thể nào lấp được, chỉ mỗi ngày mỗi sâu thêm thôi, và các nước kém phát triển phải tìm một lối phát triển riêng mà vẫn giữ được những nét riêng của mình.

Vậy là ta phải xét lại nền canh nông, kĩ nghệ, chính sách kinh tế của ta, (nên cấm nhập cảng những gì, ưu tiên sản xuất những gì, có nên phân tán những cơ sở kĩ nghệ sao cho dân số các thành thị khỏi đông quá không, thiếu ngoại tệ mua phân bón thì tìm giải pháp nào...)

— nền giáo dục (có nên xây cất những trường đồ sộ, tẹp đẽ bề ngoài, chương trình có thiết thực không, có nên tốn ngoại tệ cho nhiều học sinh mới có tú tài đi học ngoại quốc không...)

— nền y tế (có thiếu nhiều y tá hơn là y sĩ không, có chú trọng tới sự ngừa bệnh cho dân quê không, có phục vụ cho người giàu hơn là cho người nghèo không, làm sao cho số tiền tiền vào y tế có lợi nhiều nhất cho đa số, có cần cất những đường đường lớn nhất nhì Đông Nam Á không...)

— chế độ chính trị (lối bầu bán bây giờ có tổn ngân sách của quốc gia và tổn tiền dân không, mà có ích lợi gì không)

mười viện mà đầy những kẻ vô liêm sỉ, buôn lậu, thì có lợi gì không, có nên dẹp bỏ những Hội đồng cổ vấn không, nếu không thêm đề ý đến những lời khuyến cáo của họ).

— Vấn đề xã hội còn cấp thiết hơn nữa: Mới từ hai chục năm nay,

từ khi Mĩ kim đồ vào Việt-nam, cái hố cách biệt người giàu và người nghèo mỗi ngày một sâu và tình trạng chưa bao giờ bi đát như ngày nay: kẻ giàu thì tuôn cả « suối xam banh » trong một đám cưới tốn hàng trăm triệu bạc mà kẻ nghèo thì không có một mái tôn để che mưa, một cái giường để nằm, không có cháo để cầm hơi; sinh viên đại học cũng có kẻ phải đi bán máu để có tiền mua « cua », mua gạo, trong khi có một số giáo sư đại học chỉ bán « cua » mà mỗi năm có thể sắm được một chiếc xe hơi Huê-ki !

Sau thế chiến vừa rồi, các nước Tây Âu thắng trận như Anh, Pháp đều dùng biện pháp này: những kẻ làm giàu trong chiến tranh đều phải tặng một nửa gia sản cho quốc gia để quốc gia có tiền kiến thiết. Đó là những kẻ làm giàu một cách hợp pháp; còn đối với những kẻ phản quốc thì tất nhiên phải có những biện pháp khác. Khi hòa bình trở lại thì bất kì nhóm nào lên cầm quyền cũng phải giải quyết vấn đề đó trước hết, đồng thời với vấn đề tạo công ăn việc làm cho cả triệu binh sĩ sẽ giải ngũ và cả triệu người hiện nay đang bị « khiếm dụng ».

— Cả hai bản Báo cáo của Nhóm La-Mã đều nhấn mạnh vào sự « bộc phát » của nhân số trên thế giới, đặc biệt ở Đông Nam Á và đều nhắc đi nhắc lại rằng phải hạn chế sự sinh sản gấp thì mới cứu nguy được. Có một số người cho rằng

ở nước ta, vấn đề đó không đáng lo: hễ hòa bình rồi, dùng những kĩ thuật (như cách mạng xanh) khai thác các đất đai bỏ hoang thì chúng ta sẽ dư ăn, « có thể nuôi được cả miền Đông Nam Á nữa là khác ». Tôi cho lời đó lạc quan thái quá. Tôi chỉ xin những vị đó nghĩ tới nội một điểm này thôi: các nước như Miến Điện, Thái Lan..., từ 1945 đến nay, được yên ổn để kiến thiết, họ cũng biết áp dụng những kĩ thuật mới về canh tác, mà sau ba chục năm, sự tăng gia về thực phẩm (đặc biệt là lúa) của họ chỉ đủ bù vào sự tăng gia nhân số mấy năm trước họ có dư để xuất cảng đôi chút, bắt đầu từ 1974 họ đã ngưng xuất cảng để dự trữ phòng đói cho họ rồi. Còn Ấn Độ, Bangladesh, Mã Lai Á, Phi Luật Tân... đều mỗi ngày một thiếu, phải nhập cảng thêm gạo mỗi năm một nhiều. Chúng ta đừng nên tự hào quá mà cho rằng chúng ta giỏi gấp mấy Miến Điện và Thái Lan, sẽ vượt họ xa.

Bất kì nhà kinh tế học nào trên thế giới cũng bảo muốn cho sự phát triển kinh tế tiến mau thì phải hãm bớt sự phát triển về nhân số lại. Tôi chắc không ai không nhận luật đó là đúng. Cho nên Trung Cộng tuy phản đối đề nghị hạn chế sự sinh sản trên khắp thế giới do Mĩ đưa ra trong Hội nghị Bucarest năm 1974, mà cũng khuyến khích dân chúng họ đừng sinh đẻ nhiều. Nhiều nước trên thế giới đã áp dụng các phương pháp ngừa thai, từ Mĩ, Anh, Pháp tới Nhật, Ấn Độ v.v... và Nhật đã làm cho sự tăng gia nhân số từ non 3% giảm

xuống 0,9% mỗi năm.

Ở nước ta năm ngoái một số người phản đối kịch liệt sự nhập cảng thuốc ngừa thai, cho rằng đó là mưu mô thâm độc của thực dân muốn cho dân tộc ta bị tiêu diệt lần lần, để chúng dễ nắm đầu, hơn nữa, bị thối loạn cả về sinh lí lẫn tinh thần để chúng dễ thao túng; ấy là chưa kể cái lợi trước mắt của chúng là sẽ bán được nhiều thuốc mà chúng sẽ giàu thêm, ta sẽ nghèo thêm. Ai cũng nhận rằng thực dân thâm hiểm và lí do cuối cùng chắc có một phần đúng.

Nhưng chúng ta nên đặt vấn đề cho minh bạch: phân biệt nguyên tắc và cách áp dụng. Chúng ta đã nhận rằng nguyên tắc đúng rồi, chỉ cần xét xem cách áp dụng phải ra sao.

Tôi chắc không chính quyền nào lúc này dám bắt buộc mọi gia đình phải hạn chế sự sinh sản, chẳng hạn chỉ được có ba đứa con thôi. Mà nếu có bắt buộc được chẳng nữa thì cũng phải hai ba chục năm sau, mức tăng gia nhân số mới xuống, nhiều lắm là được như Nhật Bản, nghĩa là chỉ còn độ 1% mỗi năm, mà như vậy nhân số vẫn còn tăng (đáng lẽ 25-30 năm thì phải 70 năm mới tăng gấp đôi); vậy dân tộc không bị tiêu diệt lần lần đâu, như người ta e ngại. Trái lại điều này mới đáng lo: ngày này sang năm, chính quyền phải kiểm thực phẩm công ăn việc làm cho nửa triệu người nữa ($18.000.000 \times 3\%$) và phải cất thêm nhà cửa, trường học, đường đường cho họ. Gánh nặng đó, ai có tinh thần trách nhiệm nghĩ tới mà không hoảng!

Chính quyền chỉ có thể — và nên — khuyến khích nhân dân giảm sự sinh đẻ, và giúp những gia đình nào muốn bớt sinh đẻ bằng cách chỉ cho họ những phương pháp đỡ tốn nhất, dễ áp dụng nhất mà ít có hại nhất. Tất nhiên phải cấm bán những thuốc có thể làm cho sinh lí và tinh thần con người thối loạn, phải kiểm soát chặt chẽ sự bán thuốc để thanh niên khỏi dùng bậy mà sa đọa.

Dĩ nhiên phương pháp tốt nhất là tự kiểm chế. Gia đình tôi, đời ông và đời cha chúng tôi, cứ đều đều ba năm hoặc hai năm rưỡi mới sanh một người con, nhờ các cụ biết tiết dục. Nhưng chúng ta không nên hi vọng rằng mọi người có đủ nghị lực để tiết dục được, nhất là hạng bình dân. Trong cuốn *Những vấn đề của thời đại*, tôi đã dẫn truyện một người Mi khuyên một giáo sư Ấn Độ dạy cho dân Ấn có kế hoạch trong sự sinh sản. Giáo sư Ấn Độ đáp:

— Ông xét coi, họ thiếu thốn đủ thứ: ăn thì ăn độn, mặc thì rách rưới, ngủ thì ở vỉa hè; họ không có một lạc thú gì cả, ngoài cái thú giao hoan, không có một quyền hành gì cả ngoài cái quyền làm cha. Mà ông lại muốn đem cái lô-gích khả kính của phương Tây ra để truất cái thú duy nhất, cái quyền duy nhất đó có của họ ư?

Cho nên chúng ta phải giúp họ sao cho việc bớt sinh đẻ thành một việc dễ, họ có thể theo nổi.

Vào khoảng 1930, đúng vào lúc nhân số trên thế giới tăng lên dữ

đội, một người Nhật Ogino, và một người Đức (?) Knauss tìm được một phương pháp ngừa thai rất tự nhiên mà tôi chắc rằng độc giả đều biết. Nhưng phương pháp này chỉ một số người có học mới biết cách áp dụng, mà nó lại không chắc chắn, cái có kết quả được khoảng 70% là nhiều. Cho nên các nhà bác học lại phải tìm những phương pháp khác chắc chắn hơn.

Hiện nay đã có nhiều phương pháp mới, và sau này người ta có thể tìm được những phương pháp mỗi ngày một tốt hơn. Bộ Xã-hội và Bộ Y-tế cần phải rút kinh nghiệm của tất cả các nước đã tiến bộ trên phương diện đó mà tìm những phương pháp nào dễ áp dụng, chắc chắn mà ít hại nhất để giảng giải và phổ biến trong đại chúng, nếu không thì những gia đình nghèo không đủ sức nuôi con nhất định phải dùng những cách từ trước tới nay như phá thai, giết trẻ sơ sinh hoặc đem chúng bỏ trên đường, bên các đồng rác, chính quyền không sao cấm nổi. Vấn đề là như vậy. Mà nếu chúng ta không chịu thi hành ngay thì như Nhóm La Mã đã cảnh cáo, tới cuối thế kỉ này, số người chết đói ở Đông Nam Á sẽ gấp đôi số trẻ sinh ra.

— Nhưng theo tôi, điều quan trọng nhất là chúng ta phải thay đổi nhân sinh quan, xét lại quan niệm về hạnh phúc, định lại giá trị và mục tiêu.

Hai chục năm nay chúng ta đã nhiễm khá nặng văn minh Âu Mỹ, cho sự tiến bộ là sản xuất cho nhiều

đề tăng lợi tức lên, có được nhiều tiền rồi hưởng thụ cho thỏa, hưởng thụ một cách điên cuồng, phí phạm một cách vô lí. Tôi chỉ xin kể một thí dụ : Ông cha chúng ta cho bền bỉ là một giá trị, khuyên con cháu "ăn cho chắc, mặc cho bền". Từ ngôi nhà tới đồ đạc, y phục, các cụ cần cho bền trước hết : nhà thì cất đề ở ba bốn đời người, giường tủ, bàn ghế cũng mong dùng hết đời mình rồi để lại cho con cháu, còn quần áo thì mỗi năm chỉ có vài bộ, có thứ như áo lạnh, lễ phục dùng được suốt đời.

Ngày nay giá trị đã đảo lộn : bền không được coi là quý nữa, mà "mới" đã thành giá trị số một. Quần áo tuy vẫn còn bền, nhưng không hợp thời trang nữa là người ta bỏ, may thứ mới. Một cô thư kí lương chỉ được 15 - 20 ngàn một tháng mà tháng nào cũng may một cái áo mới, trong tủ áo lúc nào cũng có cả chục bộ. Chưa cũ đã bỏ đi. Đồ đạc trong nhà cũng vậy, đồng hồ, xác, máy khâu thanh, xe máy dầu, xe hơi, cũng vậy nữa. Đúng là xài theo lối Mĩ : có kiểu 1974 thì không dùng kiểu 1973 nữa.

Nhưng cái kỉ nguyên chưa thai, kỉ nguyên tiêu thụ của Âu Mĩ thật ngắn ngủi, mới được hơn chục năm — từ 1960 đến 1973 — thì đã sắp cáo chung rồi. Họ đã bắt đầu phải thất bại lại, phải chịu lạnh mùa đông, phải dùng xe đạp để tiết kiệm xăng. Và các nhà bác học của họ đã cảnh cáo : "Tối bớt sự phát triển lại", "tài nguyên trên địa cầu sắp khánh

tận rồi". Họ đã đề nghị phải chế tạo những vật gì bền để có thể dùng được lâu, nhiều lần (chẳng hạn trở lại dùng những ve bằng thủy tinh chứ không dùng những hộp bằng nhựa, bằng giấy, dùng một lần rồi liệng đi nữa), lượm những vật sa thải trong các đồng rác để nấu lại, dùng lại (như sắt tại các "nghĩa địa xe hơi" ở Mĩ, giấy và bao ni-lông tại các đồng rác của ta).

Hơn nữa Lynton K. Caldwell trong cuốn *In defense of Earth* (1972) và Victor C. Ferkiss trong cuốn *Technological Man* (1969) đều khuyên chúng ta trở về đời sống thiên nhiên. Caldwell bảo phải tuân theo luật thiên nhiên, hễ làm trái thiên nhiên thì tất gặp tai họa, và chúng ta nên ôn lại thuyết của Lão-tử, của Thánh François (trang 285 bản tiếng Pháp : *La terre en danger* của nhà Editions internationales).

Còn Ferkiss thì đưa ra một triết lí mới, mà ông gọi là Tân chủ nghĩa thiên nhiên. Theo chủ nghĩa đó thì con người là một phần của thiên nhiên hơn là một cái gì cách biệt với thiên nhiên. Toàn thể vũ trụ là một diễn trình biến đổi, một chuyển động không ngừng và con người là một phần của chuyển động đó. Cái chủ nghĩa ông ta gọi là mới mẻ đó sao mà giống thuyết của Lão Trang thế !

Vậy là những nhà bác học danh tiếng của Âu Mĩ đã khuyên chúng ta phải sống bình dị rồi đây. Hạnh phúc của con người không phải ở chỗ có một lợi tức bằng Mĩ hay hơn Mĩ. Không có gì sai và vô lí bằng

lấy lợi tức do sự văn minh và hạnh phúc của một dân tộc. Lợi tức tính theo đầu người ở Mĩ mười năm trước là 1900 Mĩ kim, không biết hiện nay đã tăng lên bao nhiêu; còn lợi tức đó ở nước ta hiện nay là 85 Mĩ kim (theo một tin đăng trên Chính Luận hay Điện Tín tháng trước). Có thể bảo như vậy là Mĩ văn minh và sung sướng gấp hai chục lần chúng ta không? Không

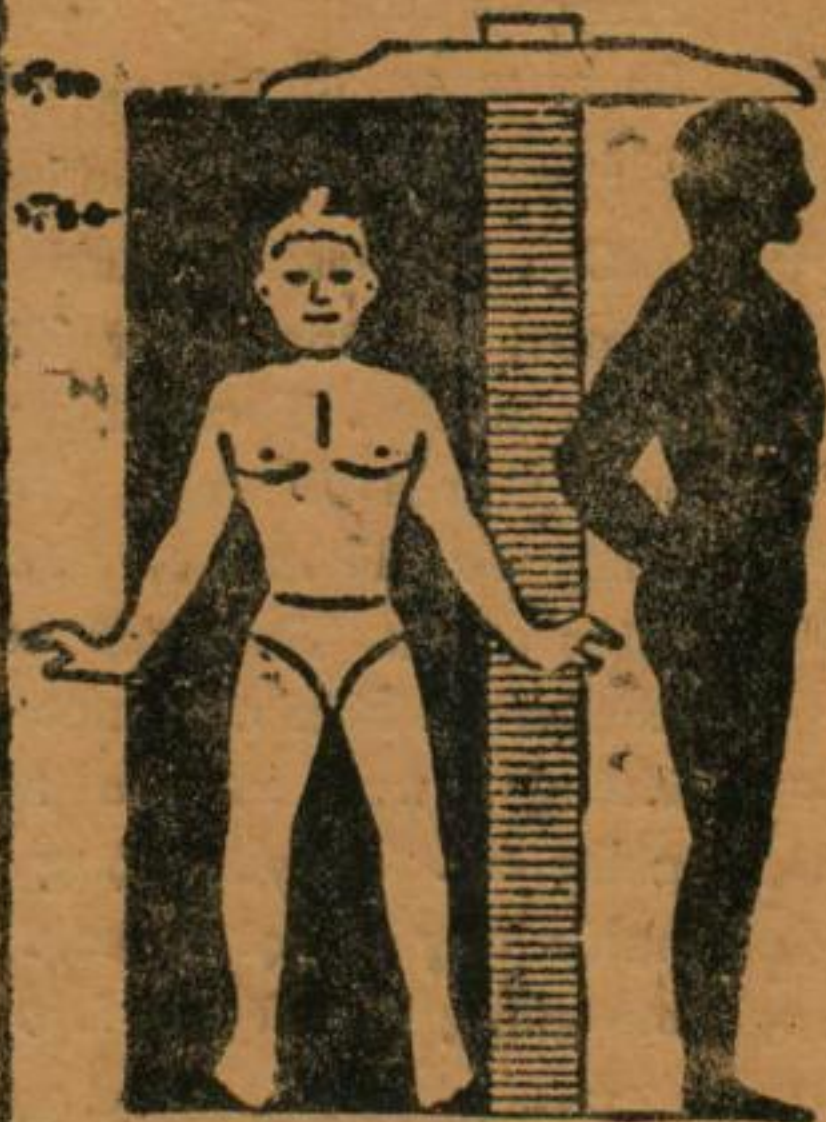
phải cái gì cũng có thể đánh giá được bằng tiền. Vậy chúng tôi xin nhắc lại dân tộc ta cứ tự vạch một đường lối phát triển riêng, chẳng cần phải bắt chước ai hết, chẳng cần phải mong theo kịp nước này hay nước nọ. Đó cũng chính là lời khuyên của Nhóm La Mã.

Saigon ngày 1-1-1975

NGUYỄN HIỂN LÊ

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



• CON NIT MAU
BIẾT ĐI
• CƯỜNG XƯƠNG
• MẠNH KHỎE
• NGƯỜI LỚN
CƯỜNG RĂNG
• ÍT ĐAU RĂNG
• YẾU PHỎI
• MỆT MỎI

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ!

Tư-tướng Việt-nam

Thời-kì III

Nền độc lập tới, thì sự vươn mình của tư-tướng Việt-nam lại phát ra như sấm sét, không khác gì cái hình ảnh huyền thoại của Phù Đổng Thiên Vương, "sinh ra chẳng nói, chẳng cười, tro tro" trong ba năm liền, nhưng chỉ trong phút chốc, đã trưởng thành với một khí-thể hào hùng oanh liệt và một sức mạnh vô úy, vô ngại. Tư-tướng Việt-nam đã đột hiện ra như con rồng hiện thân ở nơi đồng ruộng, và người hiền trong nước, rời bỏ những nơi ẩn náu, rủ nhau ra mắt quốc dân. Như Kinh Dịch nói:

Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân

Ngô Quyền dựng lên nền độc lập với lòng chính trung, Đinh Bộ Lĩnh, nhóm ngọn lửa anh kiệt trong tâm của tuổi trẻ để tạo ra sự thống nhất, Lê Hoàn lấy trí thông tuệ ra mà thắng rồi hòa với địch quốc miền Bắc, đặt thành cái thế vĩnh cửu của quốc gia Việt-nam trong ngàn năm về sau. Đó là những vị anh hùng, đã cùng với các anh em đồng chí-hướng, tạo ra sự phục sinh của tư-tướng Việt-nam. Do đó mà một bài tứ tuyệt của Li Thường Kiệt, vang dội trong nghĩa lí, hùng tráng trong lời thơ, đã chặn đứng hẳn được cái mộng xâm lăng của nhà Tống và mở rộng biên thùy Đại Việt về Phương Bắc. Thời cực thịnh của tư-tướng Việt-nam bắt

đầu. Từ các thiền viện, lời sấm, lời kệ, công án, kinh, sách, thơ, văn phát xuất ra như những dòng suối trong vô tận, từ sườn núi cao chảy xuống để thấm nhuần tất cả cỏ cây người vật. Nếu có một lúc nào mà ta có thể nói rằng tư-tướng bao trùm cảnh vật và đời sống, thì hiển nhiên là lúc này, khi nền độc lập đã vững bền, sự thống nhất đã thực hiện và dân tâm đã an trú.

Về phương diện tư-tướng, mở đầu là ba dòng Thiền-đạo.

Nam-Phương (Tì-ni-đa-lưu-chi)
(Vitamaruci)

Quan-Bích (Vô Ngôn Thông)
Thảo-Đường

Sự khác biệt giữa ba dòng này chính yếu là ở trong sự dạy về bản-thể của Bồ-đề giác-ngộ cùng với phép đốn-ngộ. Thiền-sư Từ Đạo Hạnh, thuộc dòng Tì-ni-đa-lưu-chi nói:

*Có thì có tự mây may,
Không thì cả thế gian này cũng không.*

*Có, không: bóng nguyệt lòng sông
Đừng chấp rằng có không không mới là*

*Tác hữu, trần sa hữu
Vi không nhất thiết không
Hữu, không, như thủy, nguyệt
Vật trước hữu không không*

Và thiền-sư Huệ-sanh giảng:

*Pháp cũng như vô pháp
Phi hữu lại phi không*

*Nếu người biết pháp độ
Chúng sanh với Phật đồng.
Trăng Lãng già lạng chiếu
Thuyền vượt biển rộng không
Biết không không, thấy có
Tam muội chiếu chu thông*

(Pháp bản như vô pháp
Phi hữu diệt phi không
Nhược nhân như thử pháp
Chúng sinh dữ Phật đồng
Tịch tịch Lãng già nguyệt
Không không độ hải chu
Tri không không, giác hữu
Tam muội nhiệm thông chu)

Dòng Vô Ngôn Thông thì dạy, với
Thiền-sư Nguyễn-Học, rằng :

*Đạo không hình tượng
Trước mắt không xa
Trở về mà cầu
Đừng cầu kẻ lạ*

*Đạo vô hình tượng
Xúc mục, phi điều
Tự phản suy cầu
Mạc cầu tha đắc.*

Đó là giải cái tính-nghĩa trong lời
của Bách Trượng Thiền sư, rằng :

*« Tâm địa đã khai thông được, thì
mặt trời trí tuệ sẽ tự nhiên chiếu sáng »*

Cả hai dòng Thiền-đạo, theo Tì-
ni-đa-lưu-chi và theo Vô Ngôn Thông,
đều đã tạo ra những vị Thiền sư :
dẫn thân nhập thế. Trong một thời mà
« Vạn nước như dây quăn » (theo lời
Sư Pháp Thuận : Quốc tộ như đẳng
lạc), sự tham gia của các Thiền sư
cạnh các nhà lãnh đạo dân tộc thực
đã là một yếu tố lớn trong công
cuộc tranh đấu giành độc lập và xây
dựng xã hội của tinh thương. Sư

Khuông Việt, Pháp Thuận, Trí Không,
Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Đạo Hạnh,
Minh Không là những nhà tư-tưởng
đã bước vào hành động, trong đời
Đinh, Lê, Lí.

Trong đời Lí, kiến trúc, điêu
khắc và nói chung là mỹ thuật Việt-
nam đều được thấm đượm triết lý
Thiền Môn. Chùa Một Cột, biểu
tượng cho bông sen nhà Phật, từ
dưới đầm nước thế-gian mọc chồi
lên, thanh thoát, nhẹ nhàng và vững
bền, trong một khung cảnh tao nhã
thoát tục, là một công trình tư
tưởng được đời đời mến yêu bởi
người dân Việt-nam. Lại còn các
chùa Phật tích (1057), Quang nghiêm
(tức Trăm gian, ở Tiên, Lữ, 1185)
các tháp Bình Sơn, Báo Thiên, Linh
Tế... « Hễ chỗ nào có núi cao cảnh
đẹp, thì dựng tháp xây chùa ». Ở mỗi
chùa lại không biết bao nhiêu tượng,
phù điêu và họa bản. Cảnh vật,
quanh chùa cũng được tái tạo để
hợp với tâm thiền. Tư-tưởng Việt-
Nam không phải chỉ biểu hiện ra
trong lời sách, mà bao trùm tất cả
giang sơn văn hóa.

Đời nhà Lí, không phải chỉ có Đạo
Phật. Các thiền sư là những người
tham bác rất lớn. Đó là một truyền
thống để lại từ đời Mậu-tử. Ngay
cả Thiền học Việt nam trong đời
này cũng có mang những sắc thái
khác thường, mà người ta chỉ có
thể giảng được bằng sự tiếp nhận
một vài bí thuật của Mật tông Tây
Tạng và của Phật giáo Nam dương
Chiêm quốc. Nhưng điều quan trọng
hơn hết là thái độ dung nạp của
Thiền đạo Việt-nam đối với đạo

Lão Trang và đạo Khổng Mạnh. Các thiền sư như Khuông Việt, Viên Thông, Vạn Hạnh là những nhà tư tưởng đã tổng hợp được tinh thần của tam giáo làm một và đã lập ý rằng tam giáo đồng nguyên, ba tôn giáo và rộng ra là tất cả các tôn giáo đều do một nguồn mà có. Một bài thơ của Giác Hải thiền sư về sự vô thường có thể là Phật và cũng có thể là Trang :

*Xuân lai hoa điệp thiện tri thì
Hoa điệp ưng tu công ứng kì
Hoa điệp bản lai giai thi huyển
Mạc tu hoa điệp hướng tâm trì*

Xuân sang hoa bướm khéo
quen thì

Bướm liệng hoa cười vẫn đúng kì
Hoa bướm xưa nay đều ảo huyển
Kệ hoa mặc bướm, hướng
lòng chi ?

(phỏng theo Ngô Tất Tố :
Văn học đời Lí)

Và bao gồm cả Phật pháp với Khổng học, là một lời giảng của Viên Chiếu thiền sư, cho một người hỏi về sự khác nhau giữa Phật và Thánh :

*Li hạ, trùng dương cúc
Chi đầu, thực khí oanh*

Cúc trùng dương dưới giậu
Oanh thực khí đầu cành

*Trú tắc kim ô chiếu
Dạ lai ngọc thổ minh (1)*

Ngày thì ác vàng chiếu
Tối lại thổ ngọc soi

(Hoàng Xuân Hãn dịch :
Lý Thường Kiệt)

Trong cái tinh thần quảng dung ấy, Lí Thánh-tông dựng Văn-miếu (1069) và lập ra sự học theo Nho. Nhưng tai hại nhất là sau đó, lại bắt chước theo Trung Hoa mà lập ra Quốc-tử-giám, Hàn Lâm Viện và đặt các khoa thi đề tuyển quan chức.

Thiền-phái Thảo Đường bắt đầu cũng vào khoảng đó. Vị tổ là Thiền-sư Thảo Đường, một người Trung Hoa truyền giáo ở Chiêm quốc bị bắt về Việt nam. Vua Lí Thánh-tông ngả về khuynh hướng này và nhận vào tông-phái, ngay sau vị tổ sáng lập. Đến đời Lí Anh-tông và Lí Cao-tông, vua thuộc phái Thảo-Đường, quan như Đỗ Vũ, Đỗ Thương cũng là phái Thảo Đường. Về tư tưởng, thì ta không được biết gì một cách rõ ràng về Thiền phái Thảo Đường cả, vì không truyền lại. Chỉ biết rằng Thảo Đường Thiền-sư chấp nhận ba phép tu hành là tham thiền, niệm Phật, tu quán, để giải thoát khỏi sự luân hồi sinh tử, và dạy rằng "sự niệm Phật là phép tối vi tiệp kính, mau chóng và tiện lợi nhất." Các thiền sư và cư sĩ Thảo-Đường lại chủ trương dung hợp Nho và Phật, và thiên về văn-học thi ca. Sự phóng khoáng chẳng bao lâu đã thành nếp sống hưởng thụ : phương chí kí-ức của con người ngăn ngủi, những sự đau khổ của dân Việt nam trong thời Bắc-thuộc đã dần dần bị lãng quên. Lí Cao-tông, cư sĩ môn đồ của phái Thảo Đường, lên cầm quyền trị nước, đã bị lôi cuốn bởi cung

(1) Hai câu sau này là dịch theo Pháp Cú Kinh (Dhammapada).

đàn tiếng hát mà thành sa đọa đến nỗi không còn cơ cứu vãn cho họ Lì.

Thời kỳ IV :

Giữa Phật giáo và Nho giáo bắt đầu có một cuộc tranh chấp từ đây.

Khi nhà Trần sắp dấy lên, thì Phật giáo chưa phải là thất thế, nhưng dòng tư tưởng đã bắt đầu giao động vì những ảnh hưởng phức tạp. Nhận thấy cái cơ suy biến của đạo, thiền sư Thường Chiếu thuộc dòng Vô Ngôn Thông, đã hóa thân mà đi sang với phái Tì-ni-đa-lưu-chi để hợp nhất hai truyền thống làm một. Sau đó, lại thu hút được cả phái Thảo Đường. Lúc lâm chung, ông đọc bài kệ rằng :

*Đạo vốn không nhan sắc
Mà ngày càng gấm hoa
Trông ba ngàn cõi ấy
Đâu chẳng phải là nhà*

(Nguyễn Lang dịch)

*Đạo bản vô nhan sắc
Tân tiên nhật nhật khoa
Đại thiên sa giới ngoại
Hà xứ bất vi gia ?*

Đó không những là sự giải thoát mà còn là cái tâm khoáng đạt đã đi tới sự nhất, như trong tuệ-giác. Sự tổng hợp cuối cùng của ba phái Thiền đã được thực hiện bởi Duy-thức-học mà ngài Thường Chiếu thuyết giảng và tạo thành phái Yên tử sau đó. Yên tử thiền môn truyền được năm đời từ Hiện Quang Thiền sư đến Huệ-Tuệ thiền sư. Vua Trần Thái Tông thuộc đời thứ ba của

phái Yên tử. Tới đời thứ sáu là vua Trần Nhân Tông, thì bắt đầu là phái Trúc Lâm, với chủ trương nhập thế. Tất cả những sự biến thiên trong lịch sử tư tưởng ấy đã xảy ra giữa một thời đại vô cùng nguy nan trong lịch sử của đất nước, là thời kháng chiến chống ba cuộc xâm lăng quy mô tàn bạo của nhà Nguyên. Sự đau khổ và hy sinh của quốc dân Việt-nam đã cho Phật giáo đời Trần một ý thức dân tộc mạnh mẽ, và một tư tưởng phụng sự rất đặc thù. Nhưng mặc dầu vẫn còn những vua theo thiền đạo mà Phật học không phải là con đường để đưa người vào hoạn lộ. Do đó, đã mất dần cái ưu thế trong xã hội.

Nho giáo là cái học đề trị dân, và đã trở thành cái cầu cho những người nuôi mộng bình trị thiên hạ, bắt đầu từ đời Trần. Việc khoa cử lúc đầu còn theo tam giáo, nhưng hình thức thì đã bắt chước Trung Hoa. Càng về sau, chế độ thi cử càng được kiện toàn. Sách học được qui định, và bắt đầu đem phú, biểu, chế, chiếu với văn sách và kinh nghĩa vào phép thi. Các thứ bực được lập ra : trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa, hoàng giáp có là từ thời đó.

Sự học Nho tuy thế cũng còn giữ được cái phong thái của một cái học cao thượng và chính trực trong một thời khá lâu. Tuy rằng không truyền lại được một học thuyết nào có thể gọi là tân kì và đặc sắc, nhưng cũng đã tạo được một số kẻ sĩ thành danh, như Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Mạc Đĩnh Chi, Hàn Thuyên,

Chu An. Nhiều người tài trí, mà ta có thể cho là thuộc truyền thống Nho học, như Phạm Ngũ Lão, lại đã có đủ cái khí-tiết và lòng nhiệt thành để bỏ con đường khoa bảng và tự tiến cử một cách hào hùng trong một thời nước biến.

Nhưng chế độ khoa cử càng ngày càng khép chặt, và trí óc của người ta càng ngày càng bị đóng khuôn. Cái học Tống nho được nhập nội từ đó. Bởi vậy mà Chu An đã phải từ quan. Đáng tiếc là cái gương sáng đó, hậu thế chỉ biết đánh bóng mà ít kẻ sĩ về sau biết noi theo!

Sự úy kị Phật giáo cũng tăng dần. *Bắt chước Hàn Dũ ở Trung quốc* một số Nho sĩ của ta như Trương Hán Siêu và Lê Quát lại viết sách đề bài xích Phật-giáo, tạo ra một sự chia rẽ trầm trọng dân tộc.

Cái không-khí suy tàn đó ở cuối đời Trần đã dẫn dắt đến hiện tượng Hồ Quý Li, một bộ óc siêu việt trong một tâm tính gian hùng. Noi theo con đường của Trần Thủ Độ, họ Hồ đã cướp ngôi vua và bắt đầu công việc cải tạo quốc gia đề bài trừ cái nạn Tống Nho hủ bại và thay đổi sự sinh hoạt kinh tế trong nước. Sách *Minh đạo* của Hồ Quý Li được làm ra lúc này, những mong gột rửa được trí thức của sĩ giới. Nhưng cái lầm lớn của Hồ Quý Li là đã không hiểu rằng kẻ sĩ chỉ hiểu chữ *trung* với nghĩa là *trung quân*, và chỉ biết có một quyền tối thượng là quyền hành của Thiên triều Trung quốc. Và thời thế lúc đó lại là thời-thế của Nho giáo theo con đường khoa cử. Nhà

Hồ, không có sự ủng hộ của giới sĩ trong nước, đã thất bại vì thế, và kết quả là Việt nam lại rơi vào tay của Đế quốc Trung Hoa. Các sách vở bị thiêu hủy, các lò gốm bị san bằng, thợ khéo bị bắt đi và những người đề lộ ra sự bất khuất bị thanh trừng cho kì hết trong 20 năm nước ta bị nhà Minh đô hộ.

Thời kỳ V :

Lê Lợi là một vị đại-anh-hùng của dân tộc Việt-nam sau 10 năm gian khổ. Với sự phụ-tá của các bậc đại trí thức như Nguyễn Trãi, Lê Chích, nền độc lập đã được đánh lại và nước Việt-nam lại được tái sinh. Nhưng sau một thời gian ngắn ngủi trong đó con người của Nguyễn Trãi vượt lên trên tất cả thể nhân về sự nghiệp cứu nước cũng như về sự nghiệp văn chương tư-tưởng, thì tình trạng văn học lại bắt đầu ngưng trệ.

Cái nguyên cơ chính của sự ngưng trệ này là óc hướng ngoại của triều đình nhà Lê và nhà Nguyễn. Các định chế cũng như luật pháp được chép theo Trung quốc. Nạn khoa cử nặng nề rập đúng khuôn của Thiên-triều đè chặt trên đầu học giới. Cái học Tống Nho được nhận là sự học chính thống và trở nên độc tôn từ đây, và gần như liên tục trong bốn thế kỷ sau đó, cho tới khi ta mất nước về tay người Pháp. Và tuy rằng chương trình học có bị thay đổi đi từ bấy giờ cho đến bấy giờ, nhưng cái óc học đó vẫn còn được tiếp tục.

Đó là cái hại vạn thế của một chính sách vong bản về văn hóa. Sự

chuyên chế trong tinh thần nô lệ đã coi con rồng châu là con rồng lý tưởng, và tất cả các phép tắc đã được đặt ra, mỗi ngày một hoàn bị thêm, để bắt tư-tướng Việt-nam phải quì xuống và khấu đầu.

Bởi vậy cho nên, mặc dầu là Nguyễn Trãi đã khơi lại nguồn văn chương học thuật quốc âm, nhưng phần lớn bọn sĩ phu trong nước vẫn khinh miệt cái tiếng mà họ gọi một cách rẻ rúng là « nôm » và ta gọi là tiếng mẹ đẻ. Và cái thứ tiếng nôm ấy, họ đã chỉ dùng để làm những công việc sổ siên mách quế, còn những lời dạy của « thánh hiền » thì phải được nói bằng Hán văn.

Tư-tướng bị thuần thực hóa chỉ bò rạp trên mặt đất. Các bậc trí thức lớn nhất trong thời Lê và thời Nguyễn không phải là tư-tướng-gia, mà là học giả, sử gia, thì như Ngô Sĩ Liên, Ngô Thời Sĩ, biên khảo thì như Lê Quý Đôn, Phan Huy Ích. Sự phán xử của người dân cũng rất sáng suốt và công minh đối với những vị này. Người ta cho, trong một chuyện truyền kì, rằng Lê Quý Đôn đã phải chết đi sống lại, mới mở mắt ra mà thấy được rằng cái tài của Nguyễn Trãi vượt cao hơn cái học bách khoa của ông cả trăm trượng. Đó đã là một sự quý mến đặc biệt đối với Lê quý Đôn rồi.

Đã như vậy, mà các học giả uyên thâm này lại còn có những sự hẹp hòi và những thiên kiến lạ lùng đến mức quái dị. Như họ Ngô nói « Đạo chỉ có một, ngoài đạo tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, không còn

có gì gọi là đạo nữa ». Và họ Phan nối tiếp mà bàn rằng : « Đạo Phật, đạo Lão, học gì ả vốn không nên theo vì đạo Thánh lớn rộng, sao lại có đạo khác sánh ngang được ».

Phật-học trong khoảng thời gian này cũng không còn cái hào khí như thời Lý Trần. Nguyễn Trãi ở đây, cũng vẫn là một bậc phi thường ; văn thơ chữ Hán cũng như Quốc-âm-thi của ông chứng tỏ rằng ông hiểu đạo Thiền một cách thâm sâu. Ông không biên soạn gì về Phật pháp, vì cả cuộc đời của ông đã hoàn toàn dâng hiến cho dân tộc. Nhưng nếu coi rằng « vô ngã » là sự giải thoát vô thượng thì Nguyễn Trãi thực là bậc trí giả đã đạt được giác ngộ.

Ngoài ra, trong số các thiền sư của đời Lê, đời Nguyễn, tuy không hiếm bậc đạo đức chân tu, mà cũng không thể nói rằng có những nhà tư tưởng. Ở rất nhiều nơi, ngày cả sự giáo hóa quần chúng cũng bị bỏ hoang, làm cho sự tin ngưỡng trong Phật giáo bị suy đồi đến mức chỉ còn có việc tụng niệm cúng lễ và ma chay là còn được duy trì mà thôi.

May thay là trong cái giai đoạn bi đát của nền tư tưởng Việt-nam này, còn có một vài kẻ sĩ anh tú như Nguyễn Bình Khiêm, Đào Duy Từ, Nguyễn Công Trứ, Phan Thanh Giản, với vài bậc văn tài kiệt tác như Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Cao Bá Quát... Và một thời đại oanh liệt, nhưng quá ngắn ngủi, là thời Tây Sơn với một vị cao sĩ là La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp. Các nhà

Nho hàng-thần của nền học-thuật Trung Hoa đã bài bác cái hoài bão về văn-hóa dân tộc của Vua Quang-Trung, đề sớm được trở về với đời sống vàng lụa và nô dịch mà họ mong muốn. Những sự kiện lịch sử bi thảm cho dân tộc Việt Nam đã ròn rập tới sau đó, nhưng ngoài vài bậc trí thức trong hàng ngũ chi-sĩ hoặc cách mạng ra, hình như vẫn :

*Nước bốn nghìn năm hồn chưa tỉnh
Người hăm nhăm triệu giấc còn say.*

Con rồng tư tưởng Việt Nam còn thích quì gối chăng? Còn phải tiếm ân chăng? Hoặc chẳng lẽ lại vẫn còn đang mê man trong giấc ngủ?

oOo

Ngày mai đây, nền tư tưởng Việt Nam sẽ chuyển mình theo đường hướng nào? Đó là câu hỏi mà tất cả chúng ta đều có quyền hỏi và muốn được trả lời.

Tôi đã trình bày với quý vị những

điều mà tôi hiểu biết. Sự biết của tôi còn rất nông cạn. Sự hiểu của tôi còn nhiều thiên kiến. Tôi được học về Phật rất ít, có lẽ chỉ được có một chữ nhất. Được học về Nho cũng rất ít, có lẽ cũng chỉ có được một chữ thành. Tất cả cái học còn lại của tôi, là ở dân tộc, ở sự đau khổ trên dòng thời gian của dân tộc. Và tôi trình bày trước quý vị những sự suy tư của tôi về niềm đau-khổ của dân ta.

Ngày mai ra sao? Tôi không dám trả lời, nhưng biết rằng cái ngày mai của nền tư tưởng, cái ngày mai của cả dân tộc Việt Nam ấy, tùy thuộc rất nhiều vào sự thức tỉnh của các nhà trí thức trong nước đối với cái chính-nghĩa của dân-tộc.

Các quý vị nghe hay đọc bài này chính là các nhà trí thức của dân-tộc.

TRẦN NGỌC NINH

LỚP DẠY ĐÀN HUẾ

do Bà ĐỐC TRẠI và Cô VĂN HOÀNG OANH hướng dẫn

- ĐÀN TRANH
- ĐÀN NGUYỆT
- ĐÀN TỖ BÀ

dạy theo phương pháp cổ truyền và phương pháp ký âm
DẠY TỪNG KHÓA HOẶC DẠY RIÊNG TỪNG NGƯỜI
THEO GIỜ HẸN.

Xin hỏi tại nhà số 10 Cư xá Kiến Thiết Tân-định
19 đường Nguyễn Hữu Cảnh Saigon — Đ.T 97.854 ngoài giờ làm việc



Bồ máu Chuông vàng
Soluté B₁, B₁₂, Fer

FERAMIN

Mắt máu — Đau mỏi khỏi — Ăn
không tiêu — Bần thần mỗi mệt

Viện bào chế TENAMYD

Đặt kỹ và giữ trong tối

*Công thức mới
Tốt nhất*

hemocalcium

B12

BI SUY YẾU - CHẠM LỚN
KÉM ĂN - THIẾU MÁU

hemocalcium B12

Có chất Sorbitol để giúp cho
sự thẩm thấu sinh tố B12
qua màng ruột mà không bị
tiêu hao.

S

Đặt kỹ và giữ trong tối

Công thức môn
thuốc mới :

HÉMOCALCIUM B 12

BI : SUY YẾU — CHẠM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm
thấu sinh tố B 12 qua màng ruột mà
không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

Những bức thư của Đề-đốc Lê-Trực trả lời Quan Ba Mouteaux

Cần-vương là một trang sử lớn trong Lịch-sử chống xâm lăng của dân tộc Việt-Nam thời cận đại. Nó nổi bật và quan trọng bởi vì bên cạnh thái thế lực đối kháng, xâm lăng, còn có một lực lượng phản động. Chính thế lực này đã là nguyên nhân của bao nhiêu nỗi khổ đau và tủi nhục triền miên của dân ta từ 100 năm qua kéo mãi cho tới ngày nay. Mặt khác nó cũng phơi bày bao nhiêu kinh nghiệm quý báu về các phương diện quân sự, chính trị, văn hóa, xã-hội.

Ở đây chúng tôi xin trình bày một tài liệu nhỏ nhưng không thể không mang tính chất đặc thù cho một trận tuyến đấu tranh: Mặt trận tuyên văn.

Những bức thư này do chính « ông quan ba » (1) Mouteaux ghi chép trong ký-sự-lục và những thư tờ công văn của ông khi đang còn chiến đấu tại Việt-Nam. Một phần lớn đã được giao cho bạn đồng đội, Thiếu tá Charles Gosselin, khai thác và công bố trong chương V « Cuộc khởi loạn ở An-nam từ 1885 đến 1896 » của cuốn *L'Empire d'Annam*, nhà Perrin ấn hành năm 1904.

Nhưng còn một phần lớn khác đã không được Ch. Gosselin đề ý tới, nếu có nhắc qua, thì chỉ trích dẫn mảnh múng, không nêu toàn văn các tài liệu của Mouteaux. Một vài sự kiện và khá nhiều chi tiết quan hệ liên quan tới cục diện ở Quảng-Bình là nơi nhà vua kháng chiến Hàm Nghi đặt đại bản doanh, đã bị gác qua một bên. Người em của Thiếu tá Gosselin, ông Hàn-lâm Lenôtre, thấy tiếc những sử liệu quý,

bèn gởi cho L.Cadière đề cho công bố. Do đó mà chúng đã thấy xuất hiện trên tập-san « Đô-thành hiệu cổ » (BAVH) số 1 Janvier-Février 1944.

Phải nói rằng đây là những sử liệu khá quan trọng, khả tín, bởi vì chúng được người đương cuộc là Mouteaux ghi chép ngay trong nhật ký hành quân từng ngày. Chính bản thân Mouteaux đã xông xáo khắp núi rừng Quảng Bình, dầm mình theo lưu vực con sông Gianh, từng gọi những cơn mưa lũ, áo quần mòn rách do những bàn tay vá víu một cách vụng về... đề rồi khi trở về đồn trại, các thuộc hạ được chứng kiến Mouteaux lôi chiến lợi phẩm từ ba-lô ra phơi: những lá cờ đại « Cờ Nghĩa » của kháng chiến quân giăng dài trên một sợi giây căng theo

(1) Nguyên văn thấy trong bản dịch ra chữ la-tinh của tên thông ngôn của Mouteaux

bờ tường. Và cũng chính Mouteaux đã bắn trọng thương viên cận thần của Hàm-Nghi là Nguyễn-Phạm-Tuân đề sau đó lại ra tay băng bó vết thương cho ông này (1).

Những tài liệu của Mouteaux, một lần nữa, lại được kiểm chứng và xác nhận khi vua Hàm Nghi, mười bốn năm sau ngày bị bắt và lưu đầy, họp mặt tay ba với Mouteaux và Gosselin tại một thị trấn nhỏ của miền núi Vosges (Pháp) trong một chuyến nghỉ mát của nhà vua lưu vong (1).

Nhưng đó là chuyện của ba người...

Ta hãy trở lại những bức thư của đề-đốc Lê-Trực.

Ông quê ở Thanh Thủy, huyện Tuyên Chánh, tỉnh Quảng Bình, thi đậu Tiến sĩ võ đời Tự-Đức. Năm 1882, giữ chức lãnh binh, cùng với Hoàng-Diệu thủ thành Hà-nội. Thành bị quân Pháp công hãm, Hoàng-Diệu treo cổ lãnh trách nhiệm "hộ Long-thành", còn Lê-Trực bị cách chức bỏ về quê nương náu (2).

Năm 1885, ngày 6 tháng 7, tại hàng dịch Văn Xá, Tôn-Thất-Thuyết phụng lệnh vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương. Lê-Trực là người đầu tiên của tỉnh Quảng-Bình đứng ra ứng nghĩa, lãnh chức đề-đốc, cùng với hai con trai Tôn-Thất-Thuyết và Nguyễn-Phạm-Tuân bảo vệ nhà vua. Ông tập hợp được 2.000 người, trang bị lối 7, 8 khẩu đại bác cỡ nhỏ, 3 thớt voi trận, 50 tay súng và nhiều giáo mác cung tên tầm thước độc. Lực lượng tiền phương của ông có

nhệm vụ án ngữ sức tiến quân của Pháp và binh Triều (Đồng-Khánh) nhằm đuổi bắt vua Hàm-Nghi đang trú ẩn trên thượng lưu sông Gianh. Ông đóng đại đồn ở Thanh Thủy, kiểm soát một vùng rộng lớn thuộc trung lưu sông Gianh và cắt đứt con đường cái quan từ Quảng-Khê (cửa sông Gianh) đi Roon. Các trạm không thể hoạt động được, những đoàn vận tải binh lương của quân Pháp thường bị chặn đánh; các làng công-giáo bỏ trống ruộng vườn, chạy về sống đồn quanh các đồn Quảng-Khê, Roon và Chợ đồn. Thanh thế ông vang dội cả miền Quảng Bình - Hà Tĩnh. Người Pháp đã phải tập trung nhiều đơn vị thiện chiến nhất, chia ra nhiều cánh quân do các sĩ quan cấp tá Mignot, Pelletier, Metzinger, Grégoire... chỉ huy nhằm bao vây và khép chặt quân kháng chiến. Nhưng họ đã chẳng làm gì được ngoài việc đốt cháy làng mạc và bắn giết lương dân.

Những cuộc bạo hành của vây cánh quân nhân do De Courcy và Prudhomme cầm đầu đã làm náo động khắp nước Nam đồng thời làm điên đầu nội-các nước Pháp.

Ngày 8-4-1886, Tổng trú sứ dân sự Paul Bert đáo nhậm và De Courcy phải triệt về trước đó.

Cùng cộng-tác-viên bí mật là Trương Vĩnh Ký, Paul Bert cho áp dụng chính sách dân sự mềm mỏng nhằm xoa dịu lòng ái quốc sục sôi

(1) Ch. Gosselin, *L'Empire d'Annam*, tr. 284, 290, 342 và 343.

(2) Xem Bạch Diện, *Tiểu sử cụ Hoàng-Diệu*, phụ trương báo Cựu Âm, t. 22, 23.

của toàn dân Việt-Nam đồng thời về văn kháng chiến quân Cần-Vương bằng cái mối lợi danh (1).

Chính trong chính sách đó mà Mouteaux đã được đưa ra Quảng Bình, song song với sứ mạng của Hoàng-Kế-Viêm ra "an phủ kinh lý" ở Hữu-trực-kỳ.

Ngày 25-10-1886, Mouteaux đến Quảng-Khê với một đoàn vận tải quân nhu từ Đồng-Hới, có nhiệm vụ:

— Tấn công sào huyệt của đề đốc Lê-Trực tại Thanh-Thủy bằng tất cả các đơn vị sẵn có của ba đồn Quảng-Khê, Roon và Chợ đồn;

— Quấy rầy những bộ đội của Lê-Trực ở khắp nơi nào bị chỉ điểm và sẵn sàng cứu giúp khi họ bị đe dọa.

— Rao truyền thiện chí của Bảo-hộ, cưỡng ép các người chống đối qui phục, giải hòa giữa người giáo và lương bằng cách hứa hẹn xóa bỏ tất cả quá khứ, kêu gọi dân chúng trở lại canh tác và đông chợ.

Để bắt tay vào công tác chiến tranh chính trị này, ngày 18-11-1886 Mouteaux cho dịch ra chữ Nho thư niêm yết của ông đưa công bố tại các làng thuộc phủ Quảng-trạch, hai huyện Bố-trạch và Minh-hòa, với nội dung như sau:

"Xứ sở các người chịu đựng cái họa chiến tranh đã lâu, nay hãy trở về làng xóm mà yên ổn làm ruộng.

Bọn tội phạm xúi giục các người vào cuộc nội chiến, bắn giết anh em

giáo dân và tàn phá làng mạc của họ. Người công giáo có quá nhiều tổn hại và tang tóc để mà trả thù, nhưng sự báo cừu của họ chỉ làm tăng thêm nỗi thống khổ mà thôi.

Các người là con dân cùng một nước, có cùng tổ tiên, cùng tập tục, quyền lợi, vậy mỗi người hãy quên đi những mối thù hằn và bắt tay nhau. Cho thanh bình ngự trị khắp xứ sở như đã từng thấy trong quá khứ và để các người tự do trao đổi sản phẩm với nhau.

Hãy qui phục, nghe lời nhà vua (2) và triều đình Huế đã được nước Pháp luôn luôn che chở, như thế ta sẽ đối đãi các người như là bạn vậy. Nhà nước bảo hộ Pháp, kẻ thù của bất công, đã từng đem lại thanh bình và thịnh vượng cho toàn cõi Bắc-Kỳ. Hầu hết trong xứ Trung-Kỳ, những quân cướp và bọn phiến loạn đã bị đánh bại, bị rượt đuổi và lần trốn trong núi.

Người ta nói với các người rằng binh sĩ Pháp chỉ hành quân được khi trời tốt. Hãy bảo với bọn phiến loạn ở Thanh-Thủy và Lệ-Sơn, liệu nếu đêm xuống, mưa lũ, rừng rậm và kênh rạch có ngăn cản được chúng ta chăng? Chỉ tôi chân là có thể giúp bọn họ chạy thoát, nhưng chúng ta sẽ truy tìm bọn họ không thôi.

(1) Khi Hoàng-Kế-Viêm được triệu vào Huế, Paul Bert đã cho lệnh đưa một chiếc xe kéo (hình ảnh của người Việt trị người Việt) để đón Viêm đi. (Xem L. Sogny, *Une page d'histoire: Hoàng-Kế-Viêm*, BAVH số 4 Octobre-Novembre 1943, t, 345).

(2) Đồng-Khánh.

Binh đội của nhà vua An-nam càng ngày càng mạnh thêm. Rồi các người sẽ thấy những đồn bót mọc lên trên thượng lưu con sông Gianh

Nếu các người không muốn bị đối xử như những kẻ thù, cần phải quan sát nghiêm chỉnh các điều sau đây :

1) Mỗi làng phải chịu trách nhiệm về những trọng tội và khinh tội xảy ra trên phần đất của mình ;

2) Phải bảo vệ các trạm, phu phen, các đoàn vận tải cùng là những người do nhà cầm quyền An nam sai phái tới. Phải canh giữ đường giây thép đang được giăng lên ;

3) Trong một làng gồm phần lớn là người công giáo, thì các người này có trách nhiệm về đời sống và tài sản của người lương (1) ;

4) Ngược lại, một làng gồm dân lương cũng phải bảo đảm sự sống và của cải của những gia đình công giáo đã định cư hoặc tạm cư ;

5) Trong những làng do người công giáo bỏ trống, lợi tức thu gặt được phân chia giữa những người có công gieo trồng và các điền chủ ;

Các hương chức lãnh trách nhiệm việc phân chia này. Những người không chịu chia, giành riêng tất cả mùa gặt, thì nhà cửa họ sẽ bị cướp bóc như đã từng xảy ra ở Hòa-bình ;

6) Mỗi khi có binh đội Pháp hay An-nam của Bảo-hộ qua làng, viên Lý trưởng, nếu vắng mặt, thì một hương chức phải đến trình diện vị chỉ huy của phân đội. Dân làng không được lẩn trốn. Nếu vị chỉ huy phân đội

muốn hỏi thăm tất cả các hương chức những người này phải đến trình diện theo lệnh gọi ;

7) Ngoài các sắc thuế, và những đóng góp trích trước cho chính phủ Bảo-hộ dùng vào những nhu cầu của vương triều, không phải nộp bất cứ một khoản trưng thu nào cả ;

Người Pháp thanh toán sòng phẳng những gì họ yêu cầu. Hãy báo cáo cho vị chỉ huy đồn Quảng-Khé để nhờ phân xử những vi phạm do các thường dân hoặc những viên chức chính quyền gây ra ;

8) Kể từ hôm nay tuyệt không nên chỉ danh người giáo hay lương, mà là người An-nam cả. Các người cùng sát cánh phục vụ trong binh đội của nhà vua. Những làng lân cận các nơi bị thiên hủy hoặc tàn phá cần nên giúp dân chúng xây cất lại nhà cửa.

Mỗi làng phải đóng công đường cho bọn phiến loạn xâm nhập nếu không muốn bị đối xử như bọn chúng. Nếu bọn phiến loạn không đông, phải tước khí giới và giải giao chúng cho những đồn binh Pháp gần nhất : sẽ có nhiều món tiền thưởng cho ai bắt được các lãnh tụ.

Nếu quân cướp vũ trang hùng hậu, hãy báo trước cho vị trưởng đồn tiếp cận nhất ; các người sẽ được tiếp cứu ngay bất luận là ngày hay đêm.

Hỡi dân chúng Quảng-trạch, Bố-trạch và Minh-hòa ! Kẻ thù của các

(1) Nguyên văn : bouddhistes. E làm chẵn ? Ở đây chúng tôi dịch người lương là đa số dân chúng Việt Nam thờ cúng ông bà.

người chính là những kẻ xúi giục chiến tranh. Chúng ta hãy giúp nhau tiêu diệt chúng để vãn hồi hòa bình và sự thịnh vượng cho các người.

Nếu các người coi chúng ta như quân thù và lùi trốn trước chúng ta, chúng ta sẽ đối xử các người như là phiền loạn và chúng ta sẽ cho phá phách nhà cửa của các người.

Chắc các người đã thừa biết sự đối xử ấy như thế nào ở La-hà mười tháng trước đây: điều đó cũng sẽ đón chờ các người nếu các người cấu kết với quân cướp. Hãy suy nghĩ kỹ!

Lá thư này mang khuôn dấu của trưởng đồn Quảng-Khê phải được niêm yết tại nơi công cộng của mỗi làng. Các hương chức có trách nhiệm về tờ niêm yết này. Những vị chỉ huy phân đội và những phái viên của quan phủ phải được dẫn trình. Công bố vô thời hạn một bản sao tại Quảng-Khê cho tới khi có lệnh lấy đi.

Ký tên : Mouteaux.

Một luồng gió thương thuyết bay khắp núi rừng Quảng-Bình và Hà-Tĩnh. Hoàng-Kế-Viêm, sau khi thất bại trong việc kêu gọi Lê-Trực về qui phục nhưng đã "chiều hồi" được một số thủ hạ của vị tướng lĩnh Cần Vương, ngày 18-12-1886, ông từ Đồng-Hới đến Quảng-Khê, đóng quân ở Thồ-ngọa gần Chợ đồn, tiếp xúc với Mouteaux, yêu cầu ông này ngưng các cuộc hành binh để kêu gọi kháng chiến quân. Mouteaux khởi sự đưa thư móc nối Lê-Trực. Và Trục đã trả lời. Nội-dung thư Trục lần này không thấy công bố, song qua

thư của Mouteaux gửi kể đó, ta biết rằng Trục đã giữ đúng tư thế của một tướng lĩnh Cần Vương. Trục đưa điều-kiện Mouteaux phải triệt hạ các đồn Mi-hòa, Đan-sa và Hường-phương đồng thời nhấn mạnh đến hoạt động của các giáo dân; một điều khác nữa, chắc hẳn Trục đã nói nhiều đến tân chế-độ do Đồng-Khánh (hay người Pháp?) liệu lý ở Huế. Chính do các lẽ đó mà Mouteaux đã đưa bức thư sau:

Quảng-Khê, ngày 31 tháng 12-1886
(ngày 7 tháng 12, năm thứ 1 niên
hiệu Đồng-Khánh)

Quan ba Mouteaux, chỉ huy các đồn binh thuộc phủ Chợ-đồn và huyện Bồ-trạch, gửi đề-dốc Lê-Trực.

Tôi đã nhận được thư ông. Thật là lẽ độ và lý giải trong lời lẽ đầy tự trọng.

Ông sẽ hữu dụng cho xứ sở của ông trong chế độ tân trào thay vì tìm cách khuynh đảo nó.

Ông trung thành bảo vệ chủ quyền cho tổ quốc của ông, vậy tại sao sau cuộc chiến tranh, ông lại khước từ phục vụ nó?

Không phải vì nước Pháp mà chính là vương quốc An-nam để ông phụng sự.

Tôi rất tiếc phải nói với ông rằng những điều kiện của ông không thể chấp nhận được.

Chiến tranh trong tỉnh Quảng-Bình là do bắt đầu từ cuộc tàn sát các giáo dân. Bồn phận của chúng tôi là che chở họ, không phải vì họ là người

ông giáo, mà bởi họ đã vì chúng tôi mà bị ngược đãi. Tôi thừa hiểu các đồn Mĩ-hòa, Đan-sa và Hường-phương đã làm phiền đến ông, nhưng chúng lại bảo trợ được các giáo dân chạy nạn từ những làng ông đã đốt cháy.

Khi hòa bình vẫn hồi và hận thù lắng dịu, mọi người sẽ giải giới, nhưng không như trước nữa.

Chúng tôi bảo vệ các giáo dân cũng như những người lương một cách đồng đều.

Hoàng-Kế-Viêm, đồng minh của chúng tôi, giúp ông ta chỉ có những người lương.

Tôi lấy làm tiếc đề báo với ông rằng nếu trễ lắm trong tám ngày ông không trở về qui phục, chúng tôi sẽ tái khởi cuộc chiến.

Hãy đến Quảng-Khe, sẽ được tiếp đón trong tình bằng hữu, ông cũng như những thuộc hạ của ông. Tôi từng siết chặt tay nhà cựu lãnh tụ ở Lệ-bắc và nay tôi có thể cam kết cùng ông rằng tôi có lòng quý mến ông hơn ông kia.

Hãy suy nghĩ thêm đi. Không cần đợi hồi âm của ông, tôi thả ngay vô điều kiện Trần-Đế: ông thấy là tôi quá thành thật.

Vậy mong hãy tỏ ngay là bạn hay thù.

Chúng tôi có những đôi chân rất tốt, tôi và thủ túc của tôi, và nếu ông không chịu đến, tôi sẽ không nản chí để săn tìm ông.

Những lời chào chân thành của tôi với hy vọng ông sẽ tự quyết định con đường tốt đẹp cho xứ sở của Ông.

Ký tên : Mouteaux.

Rõ là giọng lưỡi của một tên thực dân nói lời nhân nghĩa. Đối thoại với một kẻ sử dụng thứ ngôn ngữ vừa vuốt ve vừa dọa nạt như thế, viên đề-đốc Cần Vương không thể làm khác hơn là bày tỏ thái độ lấp lửng nhưng cũng không kém cương quyết tuy rằng lúc ấy, nghĩa là từ khi Đồng-Khánh mở cuộc tuần thú ra Bắc và Hoàng-Kế-Viêm lãnh sứ mạng của Đồng-Khánh và Paul Bert ra Quảng-Bình rao truyền cái điệp khúc « chiêu hồi », kháng chiến quân có phần sa sút rất nhiều. Lãnh binh Phạm-văn-Mỹ, cánh tay mặt của Lê-Trực và nhiều thuộc hạ nòng cốt khác đã ra hàng với Hoàng-Kế-Viêm. Nhiều kẻ cũng lục tục ra đầu thú. Trong tình thế ấy, đề bảo toàn danh nghĩa, một mặt Lê-Trực lựa lọc những bộ thuộc kiên định lập trường cùng với ông lập một bộ tham-mưu di động để tránh né các cuộc truy kích của Mouteaux, một mặt khác cho giải giới và giao nạp những người muốn trở về (và biết đâu chẳng là mưu sâu mở con đường về cho đảng nhân ?)

Sử gia Nguyễn-Thiệu-Lâu cho đây là một hành động « láo » (1) của nhà tướng Cần-Vương. Lời sử phê đó đúng hay không, tướng cần xét tới cái chung cuộc của đời Lê-Trực. Có điều đáng ghi là từ năm thứ hai của cuộc kháng chiến Cần Vương, khi mà Nghĩa hội. Nghĩa đảng của các tỉnh Trung-kỳ bị quân Pháp và các lực lượng phản động dồn vào

(1) Xem Nguyễn Thiệu Lân, Quốc sử tập lục Khai Tri xb, t. 279.

thế bí(2), các thủ lĩnh Cần Vương đã nghĩ tới việc giải tán Nghĩa hội cách nào sao cho danh nghĩa được bảo toàn, đảng nhân đừng chết chóc, tù tội.

Với Nghĩa hội Quảng-Nam, Phan-Bá-Phiến đã uống thuốc độc và Nguyễn-Duy-Hiệu đã ra nạp mình lãnh nhận tất cả trách nhiệm cuộc dấy động trong ba tỉnh Nam-Ngãi-Bình để rồi cuối cùng thung dung tự nghĩa trên pháp trường.

Với cuộc Cử nghĩa ở Quảng-Bình, Lê-Trực đã liệu lý ra sao cho những

ngày tàn cuộc, đó là điều chúng ta cần theo dõi con người ông cũng như phương thức ông đem ra thị hành...

(còn tiếp)

Kỳ tới: Những lá thư của Đề-đốc Lê Trực.

NGUYỄN SINH DUY

(2) Chính Nguyễn-Duy-Hiệu đã xác nhận rằng: nếu không có phường gian bên trong, thì bọn giặc cướp nước đã dễ làm gì (Nhược sử gian phòng vô áo viện; Hà nan trung đình thất cường di).



Nhức răng nhức môi đau
keng đau nhức lúc có
Kính Kỳ.

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Cúp tóc trong Phong trào Duy tân tại Miền Nam

Năm 1907 được xem là khúc quanh hệ trọng trong cao trào chống xâm lăng của toàn dân ta. Năm này, phong trào duy tân tiến đến cao điểm với việc thành lập Đông kinh Nghĩa thực tại Hà-nội. Cho tới nay, chúng ta đọc được một số tài liệu liên hệ đến phong trào duy tân tại miền Bắc và miền Trung. Còn miền Nam thì sao? Phong trào duy tân có xảy ra ở ạt tại miền Nam hay không? Và đâu là những sắc thái đặc thù của phong trào duy tân tại miền Nam?

Gần đây, chúng tôi tìm được các phúc trình chánh trị hàng tháng của Toàn quyền Đông dương gửi Bộ trưởng Thuộc địa vào những năm 1906, 1907, 1908, 1909 và 1910. Dựa vào các phúc trình chánh trị

này, chúng ta có thể vẽ lại một cách khá chính xác và đầy đủ tiến trình vận động duy tân khắp ba kỳ, đặc biệt là tại miền Nam với một số bí mật chưa được công bố. Ngoài ra, chúng tôi cũng tìm được bộ *Nông cổ mín đàm* năm 1906, 1907, 1908... Với tài điều khiển của chủ bút Gilbert Chiểu vào ba năm trên, tờ N.C.M.Đ. có thể xem là cơ quan ngôn luận chính thức của phái duy tân tại Nam-kỳ vào đầu thế kỷ 20. Hơn nữa, với các phúc trình chánh trị và tờ N.C.M.Đ., chúng ta có thể nói không ngoa là phong trào duy tân thật ra khởi xướng từ miền Nam chứ không phải từ miền Trung như ông Nguyễn văn Xuân đã cả quyết trong *Phong trào Duy Tân*.

Tình hình chánh trị tại Nam-kỳ trong hai năm 1906 - 1907.

Khi đề cập tới các phong trào kháng Pháp tại miền Nam cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, chúng ta không thể bỏ qua vai trò của hội kín. Hội kín là một phương cách nhằm kết hợp quần chúng, tạo dựng cơ sở cho công cuộc tuyên truyền và chuẩn bị võ trang khởi nghĩa. Đã nhìn thấy tầm mức quan trọng của hội kín, nhà cầm quyền thực dân đưa ra những biện pháp thật gắt gao:

— Những hội kín lập ra mà không

làm lời khai về sự đã lập hội ra, không khai những kẻ làm đầu trong hội và những kẻ vô hội là những người nào, hội lập ra ý gian dùng phương thế nào mà làm ăn, cùng xuất phát số phí trong hội thì sẽ phải bị bắt buộc theo lẽ luật An-nam cấm không cho lập hội kín.

« Phải săn sóc cho nhắc những kẻ giữ đạo Gi-Đà-Phật, vì những kẻ theo đạo ấy thì không đáng lượng thiện.

« Xã trưởng nào không tố cáo những thầy bói, thầy pháp, đặc hiệu là Đoàn Công, Thái Bảo, Sư Bà hoặc lấy hiệu đạo gia nào khác hay là cây phép ma quái, đánh gồng, làm muôn phép phù chú khác, có ý mà làm cho dân sự nhộn nhứt không đặng bằng tạnh, thì sẽ có tội.

« Những thầy bói, thầy pháp, thầy thuốc gia, vân vân... đi vô xứ nhà quê mà dối trá lường gạt thiên hạ, đều phải bị bắt buộc như là quân hoang.

« Những kẻ giảng đạo Lành và những kẻ giữ đạo ấy cũng đều bị bắt buộc nữa. » (Trích Tân thư, tổng lý qui điều của E. Outrey, Kiêu Công Thọ diễn ra quốc ngữ, Imprimerie Aug. Bock, Saigon 1889).

Đạo Lành tức đạo Bửu-sơn kỳ-hương. Những biện pháp trên cho thấy rõ dã tâm của thực dân trong việc chia rẽ tôn giáo cũng như luôn tìm cách tận diệt hội kín trong sinh hoạt yêu nước của quần chúng Nam kỳ.

Trong phúc trình số 2056 ngày 14-9-1906, Toàn quyền Đông dương trình cho Bộ trưởng Thuộc địa biết là tại Nam kỳ, hội kín vẫn phát triển khá mạnh mẽ. Bản phúc trình nhìn nhận hội kín chỉ là một phương tiện để bề tập hợp những người bản xứ có óc bài ngoại. Trong các buổi hội họp, các hội viên hội kín thường khơi dậy cho nhau lòng yêu nước.

Với phúc trình số 259 ngày 7-2-1907 gửi Bộ trưởng Thuộc địa, Toàn quyền Đông dương báo động gần tới

Tết, nhiều tin đồn bất lợi cho nhà cầm quyền, làm xao xuyến dân tâm. Các nhà Nho cho rằng thời cuộc sắp biến chuyển và sự có mặt của người Pháp tại Đông dương không mang lại lợi ích gì cho người An-nam. Toàn quyền Đông dương tiên liệu trong năm 1907 chắc chắn sẽ bộc phát một phong trào chánh trị kết hợp các nhà Nho từ Nam chí Bắc. Phong trào này có hai mục đích rõ rệt: vận động tân học trong nước và lo liệu cho học sinh trong nước xuất dương sang Nhật du học.

Qua phúc trình số 888 ngày 1-5-1907, theo nhận định của Toàn quyền Đông dương, vì quá tin vào sách báo do người Việt lưu vong viết gởi về, các nhà Nho có bằng cấp, đặc biệt là tại Nam-kỳ, không chịu ra làm quan hoặc đi dạy học tại các trường do nhà nước lập ra. Họ tụ họp nhau lại thành các hội nhằm mục đích mở mang thương mại, tương trợ lẫn nhau. Tuy nhiên sự tập hợp này còn có mục đích xa là chuẩn bị cho công cuộc giải phóng người chủ mưu không phải là các nhà Nho trong nước mà trái lại, đó là Cường Đê đang lưu vong tại Nhật với một số nhà Nho « có đầu óc xấu xa ».

Trong bối cảnh lịch sử ấy, phong trào duy tân ra đời tại miền Nam với các tay cự phách trong làng báo, làng văn: Trần Chánh Chiêu tức Gilbert Chiêu, Nguyễn An Khương, Lương Khắc Ninh, Trần Quang Văn, Nguyễn Chánh Sắt, Trương Duy Toàn, Giáo Sỏi... Phong trào này

được manh nha từ năm 1904 trên tờ *Nông cò Mìn đàm* với các bài khuyến nông, khuyến thương, chống hủ tục. Cao điểm của phong trào là những năm 1906 và 1907. Cơ quan chánh thức của phái Duy tân Nam-kỳ lúc bấy giờ là *Nông Cò Mìn Đàm* và *Lục tỉnh Tân văn*. Chủ bút *Nông cò mìn đàm* vào thời kỳ này là Gilbert Chiếu. Đầu năm 1907, đề theo kịp đà tiến của phong trào Duy tân khởi phát rầm rộ khắp Nam-kỳ, kể từ số 273 ngày 8-1-1907, bộ biên tập *Nông cò mìn đàm* thật hùng hậu :

« Chủ nhưn Canavaggio
Chủ bút Gilbert Chiếu
Chủ sự Nguyễn Đồng Trụ

Phụ diễn :

M.M. Tú tài Lê Tịnh lo việc

Thối xưa

— Thái Chiếu Đình - nt -

Điều dưỡng

— Huỳnh Thúc Mậu - nt -

Kỹ nghệ

— Trần Phong Sắc - nt -

Chứng tri

— Nguyễn Liên Phong - nt -

Hiệp bồn

— Trịnh Hoài Nghĩa - nt -

Canh nông

— Nguyễn Minh Triết - nt -

Bảo hiểm phòng cơ

— Nguyễn Quang Trường - nt -

Tạp vụ

— Trần Quang Văn - nt -

Trừ tệ

— Nguyễn Khánh Nhương

- nt - Duy tân

— Tống Hữu Định - nt -

Văn minh

— Nguyễn Quang Hóa - nt -

Các bài thuốc thần diệu

— Nguyễn Hữu Phùng, Long xuyên, Nguyễn Trọng Quyền, Thốt nốt, bao trung biếm nịnh.

Mỗi tuần xin chư vị phụ diễn hãy dò theo đây mà làm bài, mới có thứ tự và gởi đến cho chủ bút luôn luôn. »

(Trích nguyên văn số N.C.M.Đ. đã dẫn).

Phía dưới tên báo có ghi : « Báo ra ngày thứ ba mỗi tuần với giá 1 cắt rưỡi mỗi số. »

Bên phải tên báo, chúng ta đọc được : « Ai muốn mua nhứt trình hoặc rao việc chi về buôn bán, nghề nghiệp thì phải gởi thơ cho chủ sự là ông huyện Trụ ở Sài Gòn đường Bourdais môn bài số 199 mà thương nghị. »

« Còn về bài vở, thi phú, đối đáp, tiểu đàm vân vân thì phải gởi cho ông Phủ Chiếu ở Châu thành Rạch giá. Bài vở không ấn hành thì lưu tại Quán chớ không trả lại. » (Trích nguyên văn số N.C.M.Đ. đã dẫn)

Với một bộ biên tập hùng hậu như trên, *Nông cò mìn đàm* năm 1907 rất dồi dào bài vở gồm nhiều chủ đề đều hướng về công cuộc Duy tân. Nói chung với Chủ bút Trần Chánh Chiếu, tờ báo đã được cải tiến từ hình thức lẫn nội dung và góp công không nhỏ vào Phong trào Duy tân tại miền Nam.

So với Gia định báo vốn là một công báo, Nông cổ mín đàm có nhiều tiến bộ khả quan. Ra đời ngày 1-8-1901 tại Sài Gòn, qua nhiều Chủ bút, trong suốt 20 năm trên diễn đàn ngôn luận tại miền Nam, tờ N.C.M.Đ. đáng xem là chiếc cầu nối liền giữa nền văn học quốc ngữ phôi thai với Gia định báo và nền văn học quốc ngữ thời kỳ rạng rỡ với Thần chung, Phụ nữ tân văn, Ngày nay. Trong suốt 20 năm của N.C.M.Đ., hiện nay chúng tôi chỉ tìm được bộ 1904, 1905, 1906, 1907, 1908, 1917, 1918, 1919. Dựa vào các bộ này, chúng ta có thể quả quyết N.C.M.Đ. cuối năm 1906, trọn năm 1907 và 5 tháng đầu 1908 là trội hơn cả, từ nội dung tới hình thức. Sở dĩ được như vậy đó là nhờ tài quán xuyến của Trần Chánh Chiêu thường được gọi là Gilbert Chiêu, lãnh tụ của phong trào Duy tân tại miền Nam.

Theo Sơn Nam trong *Thiên-địa-hội và cuộc Minh-tân*, Gilbert Chiêu bị bắt cuối tháng 10 năm 1908. Ngày 7-11-1908. Toàn quyền Đông-dương gởi cho Bộ trưởng Thuộc địa một công điện nguyên văn như sau :

« Công điện số 451

« Hà-nội ngày 7-11-1908

« Đã về tới Hà-nội thứ sáu 6 tháng 11, sẽ tiếp tục du hành vào thứ hai tới.

« Phúc đáp công điện số 275. Đã báo bắt Gilbert Chiêu trong các công điện của tôi số 442 và 443. Tên An-nam mang quốc tịch Pháp này bị tội đóng vai trò hoạt động trong mưu đồ tổ chức phiến loạn tại Nam-kỳ cũng như có những hành vi bịp bợm ».

Tới nay, chúng tôi chưa tìm được công điện số 442 và 443 đề biết rõ nội vụ nhà cầm quyền thực dân bắt Gilbert Chiêu. Nhưng có một điểm này khá lạ là trước ngày Gilbert Chiêu bị bắt, tờ Nông cổ mín đàm đã thay đổi Chủ bút. Trong số 341 ngày 26-5-1908, ta thấy ông Canavaggio vẫn là Chủ nhơn tờ báo trong khi Chủ bút được chuyển sang cho Lê văn Trung. Báo vẫn ra ngày thứ ba mỗi tuần. Nội dung không phong phú như thời kỳ trước.

Vậy với tôn chỉ Duy tân, tờ Nông cổ mín đàm trong những năm 1906, 1907 và 1908 đã cò xúy cho những công tác gì được xem là tiến bộ lúc bấy giờ ?

Cúp tóc, một trong những hình thức Duy-tân trong nếp sống của con người Việt Nam.

Người VN chúng ta thường nói : « Cái răng, cái tóc là gốc con người ». Mặc dầu tiếp xúc trước tiên với nền văn minh Âu Tây nhưng người dân Nam-kỳ vẫn tôn thờ những tập tục

cổ truyền. Một trong những tập tục ấy là phái nam để tóc dài.

Kịp đến khi phong trào Đông-du ồ ạt khắp nước, sĩ phu như bừng tỉnh dậy, hô hào duy tân. Người

dân miền Nam vốn nặng lòng với triều Nguyễn. Chỉ nghe lời kêu gọi của Đức Cường-Đề từ Đông-kinh gọi về, họ nô nức gởi tiền sang giúp. Tư tưởng duy tân nhen nhúm từ lâu, lại được bồi thêm với các tân thư của Tàu, với tia tức duy tân ở Tàu, ở Nhật. Trước cuộc sống mới, các thanh niên Nam-kỳ để tóc dài tự thấy mình hủ lậu. Chúng ta hãy đọc trọn bài văn sau đây trích từ Nông cổ mín đàm số 271 ngày 25-12-1906 để thấy rõ dân tình thời ấy đối với công cuộc Duy tân do Nông cổ mín đàm đề xướng:

CÚP TÓC

Tôi là người sẵn dĩ, khi còn thơ ấu theo thói trong xóm, cạo đầu để chóp (theo thói Chệc), sau lần lần lớn, cha mẹ biểu để tóc. Thôi! Nó ra như rừng rậm. Năm mười ngày phải gội một lần, phải chải gỡ, xứt đầu, bằng mất công chuyện mà trễ, thì tóc nó bay tứ hướng, coi ra như bụi thợ rèn, nức nội, ngứa ngứa xót xa, chỉ rận. Lại miệng ăn trầu xỉa thuốc, xem ra cha chả là kỳ!

Khi tôi vào mà học trường Vĩnh long, nhằm năm 1880, nội trường thấy tôi đều cười mà chào rằng: « Chú chẵn trâu đi đâu vậy? »

Tôi khóc, nước mắt như mưa. Chẳng tôi hết râu, chạy lấy kiếng soi mà sánh với người thì thấy khác xa người ta lắm.

Mau mau tôi chạy xin thầy cho người cúp tóc. Tắm rửa rồi, nghe lại ghệt là nhẹ trong mình biết chừng nào, 10 phần nhẹ 5.

Ngày lun tháng qua, học được ít năm kể tới cỡ khóa, lên học trường lớn.

Vài năm thi đậu, bỏ ra từng chánh Phan ty. Thấy các ông, mấy thầy bịt khăn đen, chưng khăn tứ cú, lấy làm đẹp dễ lắm. Bỗng bắt chước để tóc. Thôi! Cực khổ trời chết! Chớ phải nó ra dài cho mau mà bới cho được thì nói gì. Nó bắt xòm xộp tối ngày, khó chịu vô hồi.

Giận quá sức! Bèn chạy xe tuổo xuống chợ cúp tóc phứt cho rảnh.

Người thì cho quấy, kẻ thì cho phải. Song tôi rõ lại thì là nhiều lợi ít hại.

Nay bên Trung quốc, người Tàu đang lo cắt binh ăn mặc theo người Tây. Còn chưa biết chừng nào An-nam mình bỏ đầu tóc hể!

Khi xưa theo Minh thì để tóc, nay mình từng Pháp cũng phải theo thời. Ấy mới là thức tri thời vụ. Không lẽ giữ theo thói dĩ man, hủ lậu hoài mà thua sút thiên hạ.

Trần văn Trại ký

(N.C.M.Đ. số 271 ngày 25-12-1906 năm thứ 6)

Bài báo này chắc chắn gây một tiếng vang không nhỏ đối với dư luận thời ấy. Nhất là các bậc già nua vẫn khư khư nệ cổ. Ngày 22-1-1907 trong Nông cổ mín đàm số 275, Đặng Thúc Liêng, một nhà báo hữu danh thời ấy, gióng thêm tiếng chuông phụ họa:

TIỀN PHÁT (CÚP TÓC) BIỆN

Ai ai cũng ngại phạm tục lệ, thừ nhất sách Hiếu kinh rằng: Thân thể

phát phu, thọ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương. Và cũng có phần nhiều ngại phạm tục lệ thứ hai, không biết tiếng phương Tây, nên không dám cúp tóc cho thông thả, mà còn để một đám nặng nề cực khổ trên đầu.

Chớ chi, cái nghĩa rõ ràng, câu sách ấy chỉ nghĩa không dám để cho tới nỗi động chạm, làm nhục, làm hại, hủy thương thân thể phát phu của mình mà mang tội bất hiếu, chẳng phải cạo đầu là quấy, thiên hạ cúp tóc, khỏi giai phạm bất hiếu chi tội hồ?

Tục lệ thứ nhất miễn nghị. Năm 1411, nhà Minh qua cai trị nước An-nam ta (nhà Trần), thấy đầu trọc, biểu để tóc dài, lúc ấy có phải là người xứ mình đều phải biết tiếng Tàu sao? Hơn 560 năm nay, vua Thuận trị nhứt thống nước Tàu, biểu người Tàu cạo đầu.

Vua Thuận trị là người Mãn châu lúc ấy người Tàu (nhà Minh) có phải là đều biết tiếng Mãn châu hay sao? Ấy vậy sự cúp tóc mà buộc phải biết tiếng phương Tây, chẳng là hẹp chẳng?

Tục lệ thứ 2, diệt thỉnh miễn nghị.

Thấy nhứt trình Nông cổ mìn đàm No/271 năn nỉ về sự để tóc khốn nạn vân vân. Nên xin biện một ít câu trả lời, dụng dĩ thích nghi, quấy quấy phải phải, tự hữu công luận.

Năm ngoái tôi có bài thi Tự trào rằng (đương lúc có bệnh);

Mạnh không mạnh, chết không chết

Lần bần đưa đồ tết lại tết:

Ruộng thất hai mùa muốn ngã lẩn
Đầu còn đám tóc thêm mờ mịt
Học hành đã sút mấy phương Tây
Nghề nghiệp chẳng bằng ba chú Chệc

Thử hỏi ai bày chuyện trước sau
Non mòn biển cạn lời chưa hết.

Lại có một bài Tiễn phát ngâm rằng:

Biết tiếng phương Tây mới cạo đầu

Song mình chẳng biết, biết đau đầu

Hủy thương hai chữ đừng bàn bạc

Cái đoạn trường này, cũng biết nhau.

Nghĩ lấy tình từ thâm thiết. thời sự cúp tóc có cái gì khốn nạn ngổn trở cho mình đâu.

Nan tri nhứt tự, nãi ngã bang nhơn thường dụng tri ngôn. Thỉnh vật nan.

Phù viên thập bát, Đặng Thúc Liêng
(N.G.M.Đ. số 275 ngày 22-1-1907
năm thứ 6)

Với việc cổ xúy của Nông cổ mìn đàm, cúp tóc đã trở thành một phong trào quần chúng. Tờ báo đã dành nhiều số để đăng ý kiến của các thức giả trong Nam. Người chống cũng nhiều mà kẻ đồng điệu cũng không phải ít. Sau trận tuyến chữ quốc ngữ giữa phe nhà Nho yêu nước và phe thỏa hiệp với chế độ tân trào, cúp tóc đã trở thành mặt trận văn hóa thứ hai trong xã hội mất chủ quyền. Giới trẻ nồng nhiệt

ủng hộ việc cúp tóc. Trong Nông cổ mín đàm số 301 ngày 30-7-1907 năm thứ sáu, thầy giáo Nguyễn Thuận Phương hô hào cúp tóc qua bài «Duy tân tam sự». Trước lòng nhiệt thành theo mới của thầy Phương, chủ bút Gilbert Chiếu nhấn nhủ trong phần ghi chú phía dưới: «Xin thầy Nguyễn Thuận Phương chậm chậm đợi bọn duy tân ta lập nhà hàng bán kéo nón dao cạo vân vân trước đã, vì nếu mà hùn nhau mà cúp tóc một lược thì làm sao có đủ nón đầu đến ba triệu mà đội».

Phong trào cúp tóc cứ lan rộng từ thành thị đến thôn quê đề rồi cuối năm 1907, mọi người đều mặc nhiên công nhận đề tóc là một chương ngại lớn cho cuộc sống của bọn mày râu. Từ đó, cái đầu tóc lủng lẳng nơi ót mà người bình dân trong Nam gọi đùa là «củ nừng» đã biến dạng theo ngọn triều Duy tân dao động xã hội miền Nam trong 2 năm 1906 và 1907.

PHẠM LONG ĐIỀN

TỦ SÁCH TÌM VỀ DÂN TỘC

Đã phát hành

- Chữ, văn quốc ngữ thời kỳ đầu Pháp thuộc...
Nguyễn Văn Trung
- Chủ đích Nam Phong...
Nguyễn Văn Trung
- Cuốn sớ bình sanh của Trương Vĩnh Ký...
Nguyễn Sinh Duy và Phạm Long Điền
- Trường hợp Phạm Quỳnh...
Nguyễn Văn Trung
- Giáo dục nô dịch...
Phạm Long Điền

PHÂN ƯU

Vô cùng đau xót khi nhận được tin:

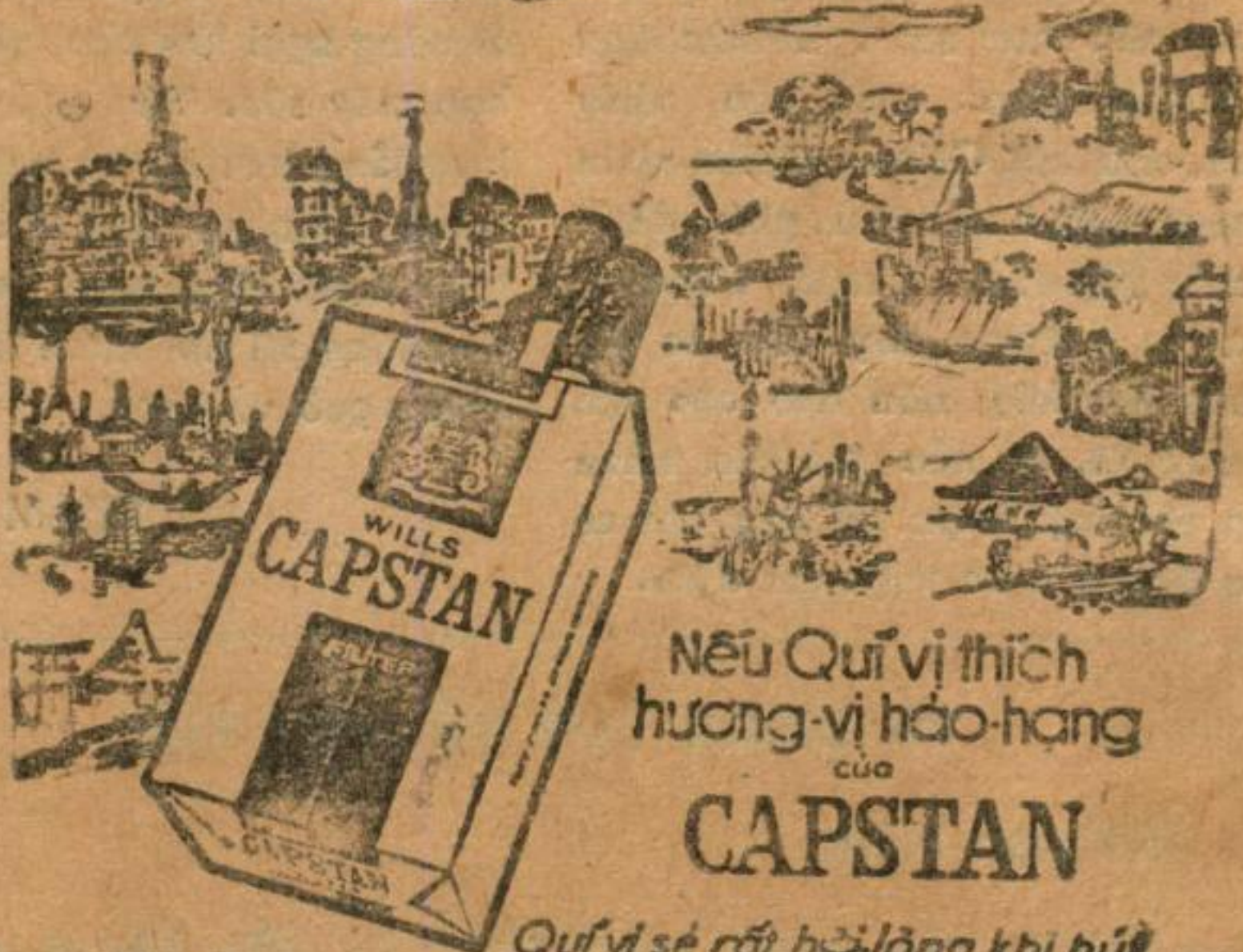
Trưởng Nam của Bà HIỆU TRƯỞNG

Trường Nữ Trung Học Tổng Hợp SƯƠNG NGUYỆT ANH

vừa vắn số ngày 9-02-1975 (tức 29 Tết). Xin thành thật chia buồn cùng Ông Bà Hiệu Trưởng và cầu nguyện cho linh hồn cháu sớm siêu thoát.

- Ông Bà Phạm Tấn Kiệt
- Ông Bà Nguyễn Liên
- Ông Bà Tôn Thất Hàm

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng
của
CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài-lòng khi hút
CAPSTAN điều dài đầu lọc

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tổ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 - 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Độc « Cơ cấu Việt ngữ » của Trần Ngọc Ninh

● DẶNG TIẾN

Cơ Cấu Việt Ngữ của Giáo sư Trần Ngọc Ninh là một bộ sách gồm bảy quyển theo lời nhà xuất bản Lửa Thiêng. Cuốn I in năm 1973 gồm 180 trang cuốn II in năm 1974 gồm 170 trang là một bước đầu, nhiều hứa hẹn (*).

Tác giả là một Giáo sư Thạc sĩ Y khoa, nay khen ông có tinh thần khoa học thì cũng như khen phò mã tốt áo. Nhưng đó là điểm quan trọng thứ nhất làm chúng tôi lưu ý đến tác phẩm của ông : ở hải ngoại đọc các sách biên khảo xuất bản tại Saigon, chúng tôi ít khi được thoải mái như đọc Trần Ngọc Ninh. Tác giả viết văn giản dị, trình bày mạch lạc, lý luận rõ ràng, trích dẫn chính xác, thật là hiếm có. Đức tính thứ hai — có lẽ cũng do tinh thần khoa học mà ra — là sự từ tốn, trong lời văn, trong lý luận : « *tôi bước chân vào ngữ học Việt-nam mà không được hướng dẫn* » ; ngoài ra, việc khảo cứu ngữ học có lẽ chỉ là một hoạt động biên tế đối với một y sĩ cho nên tác phẩm Trần Ngọc Ninh còn chưa được vững vàng : đó cũng là lẽ tự nhiên. Chúng tôi trong việc nghiên cứu về Thi Học, cũng có lưu ý đến bộ môn ngữ học, nên bàn góp vài ý kiến với tác giả.

Trong cuốn I, tác giả trình bày phương pháp « *triết trung* » (tr 45) của mình, dựa trên các lý thuyết về ngữ học cơ cấu hiện hành ở Tây phương, từ de Saussure, đến

Hjelmslev, Chomsky, Jacobson, v.v... các tác giả tiên phong của ngành ngữ học. Sau đó, cả cuốn sách được dành riêng cho giai đoạn « *Phát triển ngôn ngữ ở trẻ con và cơ cấu cú pháp sơ giải* » (tiêu đề cuốn I). Về ngôn ngữ trẻ con, tác giả đã tham khảo đầy đủ các nhà khảo cứu chuyên môn, từ Lewis đến Miller. Đây là một cố gắng vượt bậc của một người « *tự học* ». Trần Ngọc Ninh đã áp dụng các tư tưởng ngoại quốc một cách linh động : thay vì lặp lại lý luận của kẻ khác, ông đã dựa trên các bài đồng dao, các trò chơi của trẻ con VN để nghiên cứu lời ăn tiếng nói của chúng ta khi còn thơ ấu, tức là căn bản tự nhiên nhất của ngữ pháp VN. Đây là một đóng góp đáng kể của tác giả.

Tôi xin đề nghị thêm : Với tư cách Giáo sư Y khoa và Đại học Vạn Hạnh, bác sĩ Trần Ngọc Ninh nên tổ chức sinh viên hai ngành, thành từng nhóm đi nghiên cứu cách phát âm của trẻ con VN từ lúc sơ sinh đến hai, ba tuổi, rồi lập thành bảng thống kê các âm-tổ : việc này sẽ có ích không những cho giới nghiên cứu ngữ học VN mà cho cả thế giới. Hiện nay tại Pháp bà Julia Kristeva cũng đang tổ chức sinh viên Đại học Paris VII làm việc đó.

Những khuyết điểm của cuốn I :

(*) L.BK : « *Cơ Cấu Việt Ngữ* » cuốn III cũng đã được xuất bản vào tháng 10 năm 1974.

Tác giả không nắm vững các lý thuyết (vì nó nhiều quá!) thành ra có lúc lý luận mâu thuẫn: «Ngôn ngữ là kết quả của một sự học tập chứ không phải là một cái gì tiên thiên» (tr. 55); ở phần ghi chú (tr. 51-54) ông còn mỉa mai những người chủ trương thuyết tiên thiên; sau đó ông lại «đồng ý rằng có một khả năng ngôn ngữ mà con người mang sẵn trong những cơ cấu sinh lý khi ra đời» (tr. 69). Thế là thế nào? Sang đến cuốn thứ hai, dường như ông thấy vấn đề rõ ràng hơn: «Sự thụ đắc ngôn ngữ không phải chỉ phụ thuộc vào cái cơ năng bẩm sinh về ngôn ngữ (tác giả Trần Ngọc Ninh nhấn mạnh) của đứa trẻ. Cái cơ năng ấy có, và sự quan trọng của điều này càng ngày càng được thấy là rất lớn» (cuốn II, tr. 11). Như vậy, việc nghiên cứu nguồn gốc ngôn ngữ không phải là một «vấn đề thuộc phạm vi tôn giáo hay triết học» (cuốn I tr. 51) như tác giả đã nói (một cách mỉa mai) mà thuộc vào phạm vi khoa học: ngữ học, sinh lý học... hay ngay cả y học nếu ông Giáo sư Thạc sĩ chấp nhận rằng «phải đập những ranh giới đề cái nhỡn quan của ta khỏi bị che lấp» (I, tr. 46).

Điều thứ hai cần hỏi lại tác giả là: tác giả chủ trương — thật ra ông lặp lại de Saussure — là không có tương quan giữa cái danh (le Signifiant) mà ông gọi là «cái chỉ», tôi gọi là «ngôn ý» và cái thực (le Signifié) ông gọi là «cái được chỉ», tôi gọi là «ngữ thái». «Người lolo nói «tôi hoa hái» khi người Việt nói «tôi hái hoa» chỉ là vì quy ước...

Ngoài ra không có một lý do nào khác... Tính cách chấp định (arbitraire) của ngôn ngữ có nghĩa là quy ước không có lý do. Ngay những tiếng hài thanh, dùng để bắt chúóc tiếng kêu của các giống vật chẳng hạn, cũng là những quy ước phi lý... (I, tr. 26).

Làm sao Trần quân biết được là «không có lý do», làm sao ông chứng minh là nó «phi lý»? Trái đất quay chung quanh mặt trời trong 365 ngày «có lý do» hay là «phi lý»? Trên nguyên tắc, lập luận như vậy là không khoa học. Đó là lý thuyết de Saussure đưa ra hồi đầu thế kỷ, thời bình minh của nền ngữ học mới. Từ ấy đến nay, bao nhiêu lần trái đất đã quay giáp vòng, sao tác giả lặp lại mà không so sánh, kiểm chứng? Tôi chưa vội nói ông đúng hay sai, tôi chỉ nói ông mâu thuẫn; chỉ mấy dòng sau đó, ông lấy ví dụ tiếng gà gáy «Những tiếng hài thanh đó, người mỗi nước đã nhồi vào cả cái nhân sinh quan của dân tộc: con gà Pháp kêu hùng (cocorico) con gà Anh thì thân mật (coo-coo - doo) và con gà Việt thì giục giã (cúc-cù-cu-cu). La quá, một khi đã có tương quan giữa tiếng hài thanh nọ và nhân sinh quan của cả một dân tộc, thì sao ông Trần Ngọc Ninh còn cho là «phi lý»? Thật ra, ngoài một số khám phá cục bộ, chưa ai chứng minh được toàn bộ tương quan giữa một tộc ngữ và tâm thức của dân tộc nói tiếng đó; và có thể là không ai chứng minh được. Nhưng trên lý luận khoa học tác giả không có quyền cho là «không có lý do» hay «phi lý». (Về y

học, vấn đề này còn rõ ràng hơn nữa).

Và nếu quả thật không có tương quan giữa người nói và tiếng nói, thì làm sao có thể có được « cái phần chung của mọi ngôn ngữ... cái ngữ pháp hoàn vũ... cái mẫu chung của âm vị học... và cái mẫu chung cú pháp học » (I, tr. 169) cho cả loài người? Và làm sao tác giả có thể « sung sướng mà nhận thấy rằng trong căn bản, ngôn ngữ của chúng ta cũng không ra ngoài cái mẫu chung của các ngôn ngữ được dùng trong loài người » (I, tr. 31). Không lẽ đó chỉ là sự tình cờ, « không có lý do » hay « phi lý »? Hay chính là vì « sự hiểu biết của ta mới chỉ bắt đầu chớm nở ở hai đầu là âm vị học và cú pháp học » (I, tr. 169). Phần còn lại, từ nghĩa học, mà tác giả gọi là dạng vị học (morphologie) ta còn mò mẫm?

Tôi không đủ thâm quyền để nói là Trần Ngọc Ninh đúng hay sai: tôi chỉ nêu lên hai điểm mâu thuẫn. Tôi chọn hai điểm này, không phải để chẻ sợi tóc làm tư, mà để lưu ý tác giả: vấn đề ngôn ngữ bẩm sinh hay không, và vấn đề tương quan giữa một dân tộc và ngôn ngữ của họ là hai vấn đề lớn của khoa học hiện đại. Anh Võ Phiến lý luận về chúng ta qua cách nói đăng trên báo Văn cũng không ra khỏi phạm trù này.

oOo

Sang đến Cơ Cấu Việt Ngữ tập II, Trần Ngọc Ninh còn mang lại nhiều đóng góp đáng kể. Tác giả đưa ra

nhiều ý kiến độc đáo, bất ngờ, đôi khi vượt quá phạm vi ngữ-học. Toàn bộ tập II chuyên nghiên cứu về « dạng vị học », một từ mới do tác giả đặt ra để dịch chữ morphologie (1). Khoa học này nhằm phân tích cơ cấu của từ ngữ, bằng lối phân tích mỗi chữ thành những dạng vị. Ví dụ chữ đẹp chỉ có một dạng vị, đẹp để gồm có hai dạng vị, chữ hăm bà lằng tuy gồm có ba tiếng, mà chỉ có một dạng vị, vì theo tác giả, thì không thể phân tích được. Lý luận này đưa đến một số thành quả đáng kể: ví dụ như lập lờ gồm có hai tiếng nhưng ba dạng vị l + ập + lờ, hoặc sắp hay sẽ mỗi chữ gồm hai dạng vị là s và ập (hay ẽ). Tác giả quan niệm « Việt ngữ có dạng vị, đó là một điểm có thể khẳng định được một cách chắc chắn. Những dạng vị của Việt ngữ làm thành một hệ thống mà sự phân tích ngữ lí có thể dựng lên được trong toàn thể » (II, tr. 94).

Quan niệm này tương đối mới mẻ (có vờn chắc không lại là chuyện khác) so với sự hiểu biết của chúng ta về Việt ngữ. Mới mẻ so với quan điểm của hai ông Trương văn Chính và Nguyễn Hiến Lê « Việt ngữ thuộc

(1) Ghi chú cho độc giả không sành Ngữ học, một chữ (hay tiếng) gồm nhiều thành phần hợp lại: ví dụ ta bảo cây chuối, là 2 thành phần cây (phụ) và chuối (chính), Pháp gọi là bananier gồm 2 phần banan (chuối) ier (cây); banan là tiếng gốc Phi châu, người Pháp thêm vào phần cuối ier, mỗi phần đều có nghĩa, hoặc chức năng, người Pháp gọi là morphème, ông Ninh gọi là dạng vị, Trương văn Chính, Nguyễn Hiến Lê gọi là ngữ tố, Nguyễn Kim Thành gọi là từ tố.

vào hạng ngôn ngữ cách thê (*langue isolante*) mỗi tiếng lẻ là một ngữ tố (*morphème*) nên tiếng lẻ không phân tích ra phần gốc (*racine*) và phần tiếp (*affixe*). Vậy tiếng lẻ là đơn vị nhỏ nhất của Việt ngữ» (1). Các nhà ngữ học miền Bắc tỏ ra thận trọng hơn: «Sở dĩ chúng tôi không nêu lên mặt ngữ âm là vì sự nghiên cứu ngữ âm của ta còn ít quá, ta chưa có tài liệu đầy đủ về mặt cấu tạo ngữ âm của từ trong tiếng Việt» (2); trong khi chờ đợi, họ quan niệm «âm tiết cũng không phải là đơn vị của ngôn ngữ» (3) nhưng vẫn xem những «dạng vị» theo Trần Ngọc Ninh, là những «từ tố đệm».

Cái quý ở Trần Ngọc Ninh là khả năng — và can đảm — quan niệm vấn đề. Nhưng ông làm việc vội quá, cho nên những ví dụ ông đưa ra phần nhiều rất hồ đồ, cho nên lập luận của ông thiếu phần thuyết phục. Ví dụ ông bỏ ra nhiều nghị lực để phân tích dạng vị trong các chữ *lớn, lắm, chẳng, chưa* và tỏ ra hời hợt với những chữ khác, giản dị hơn.

Tác giả dẫn chứng một loạt ví dụ để chứng minh thuyết của mình; nhưng những ví dụ ấy, hoặc sai, hoặc đáng ngờ. Các chữ *ba rọi, tầm bảy, sở dĩ, chích chòe, tài xế, thồ mợ, ba hoa, ba lớp, tầm vông, tầm thường* mà tác giả xem như là những dạng vị bất khả phân (II, tr. 95 - 98) thì đều là những tiếng ghép có thể phân tích được. *Ba rọi* còn gọi là ba chỉ, là thịt heo có ba lớp nạc xen với mỡ, *tầm*

thường là hai đơn vị đo lường, *tầm thước* là tầm, hai thước là thước theo Từ điển Đào Duy Anh; tiếng Hán Việt này còn tạo ra tiếng nôm xuềnh-xoàng, chữ *sở dĩ* là tiếng Hán Việt, hai ông Trương Văn Chính và Nguyễn Hiến Lê đã giải thích trong 2 trang dài dòng (sđd tr. 572 - 574), ông Trần Ngọc Ninh chỉ cần lật mục lục là tìm thấy. Trong một bài điềm sách, tôi không tiện phân tích các ví dụ khác, chỉ nêu lên một ý nhỏ: chữ *ba* trong *ba lớp, ba hoa* không phải là một «*tiền vận không có cơ năng, lại không có một nội dung nào rõ ràng*» (II tr. 98) như tác giả đã nói. Chỉ cần xét những chữ kép do *ba* tạo nên thì cũng đoán được nội dung, *ba xạo, ba que, ba trợn, ba vạ, ba lơn, ba lia, ba trời, ba búa, ba bà, ba tàu, ba xí ba tú, ba chề ba xôi, lai rai ba sợi*. Chữ *ba* đó còn giúp tiếng Việt tiếp thu được một số tính từ ngoại quốc như *ba gai*, (*pagaille*) (còn có *ba gai ba gốc*) hoặc *ba nhe* (*panier*) tại miền Trung có nghĩa là du côn. Tôi chỉ trích như vậy là đã giúp ông Trần Ngọc Ninh chứng minh thêm thuyết «dạng vị» của ông ta rồi đó!

Lý luận thực nghiệm có ba giai đoạn: quan sát, lập luận và kiểm chứng. Trần Ngọc Ninh đã xem nửa phần cuối: đáng lẽ tôi không nên nêu điềm này lên, vì trên bình diện

(1) Khảo luận về Ngữ pháp VN, Đại Học Huế 1963, tr. 35.

(2) Nguyễn Kim Thân, Nghiên cứu về Ngữ pháp tiếng Việt, tập I 1963, tr. 75.

(3) nt. tr 65.

khoa học thực nghiệm tôi chỉ đáng làm học trò của học trò ông Ninh. Thành ra, công trình của tác giả có độc đáo, mà không vững vàng là vì thế.

Tôi dừng lại ở một nhận xét cuối cùng: Trần Ngọc Ninh trích dẫn nhiều tác giả thời danh ở Âu Mỹ, mà dường như không quan tâm đến tác phẩm của người Việt, công trình của các nhà khảo cứu đồng bào đi trước. Nhất là các tác giả không ở miền Nam. Có thể vì ông Trần Ngọc Ninh không có tài liệu, hoặc không đủ thì giờ, hoặc phải làm việc trong cô đơn. Nhưng vẫn là một

thiếu sót đáng tiếc, vì trong một ông Trần Ngọc Ninh, có một người dân thiết tha với tiếng mẹ, nhưng lại còn có một nhà khoa học, và nhất là một chính khách. Sự thiếu sót — mà tôi mong là vô tình — nói trên, vẫn làm cho chúng tôi suy nghĩ.

Nhưng cảm giác sau cùng của chúng tôi vẫn là: *Cơ Cấu Việt Ngữ* là một công trình khảo cứu quý giá và lý thú.

ĐẶNG TIẾN

Tết Dương lịch 75

Kỳ tới: Bài trả lời của Giáo sư Trần Ngọc Ninh.

Đón đọc:

TIỂU LUẬN

(Về những vấn đề lớn của Văn học Việt Nam)
của Nguyễn Q. Thắng

Với một cái nhìn tổng quát về các vấn đề chính có liên hệ đến nền Văn học "kháng Pháp" của dân tộc từ khi người Pháp đặt nền đô hộ Việt Nam đến thời kì chế độ thực dân bị cáo chung.
Sách dày hơn 200 trang — Phát hành vào thượng tuần tháng 3-1975.

PHÂN ƯU

Được tin **NHẠC PHỤ** của Anh **VÕ TẤN KHANH** từ trần tại *Tuy Hòa*. Thành thực chia buồn cùng anh **Võ Tấn Khanh** và tang quyến. Xin cầu chúc hương hồn cụ sớm siêu thoát về cõi Phật.

Võ Hồng, Trần Huiễn Ân, Khánh Linh, Phạm Cao Hoàng, Đỗ Chu, Thắng, Triều Hạnh, Hoàng Đình Huy Quan, Mang Viên Long, Nguyễn Lệ Uyên, Nguyễn Tường Văn, P.L.C, Minh Quân, Lê Ngộ Châu.

Sách nhận được trước 1-3-75

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gởi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Mạnh Tử** của Nguyễn Hiến Lê do Cảo Thơm xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 98 được xuất bản của tác giả, dày 186 trang, gồm 9 chương, trình bày : Thời đại, đời sống tư tưởng, tâm tính, tư cách và tài năng của Mạnh Tử rất rõ ràng và đầy đủ với nhiều hình ảnh lịch sử, trình bày trang nhã. Bản đặc biệt.

— **Rượu, người và cảnh vật** tập thơ của Phạm Trích Tiên do Khai Phá xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm đầu tay dày 80 trang gồm 60 bài thơ. Bản đặc biệt. Ấn phí bản thường 480đ.

— **Chuyện tình** tập thơ của Trần Hữu Nghiễm, do Nhập Cuộc xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 16 trang, gồm 13 bài thơ.

— **Chủ đích Nam phong** của

Nguyễn văn Trung trong tủ sách «Tìm về dân tộc», Trí Đăng xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 232 trang gồm 2 chương : Phê bình một quan điểm phê bình (quan điểm lịch sử và phi lịch sử). Chủ đích Nam Phong (chủ đích chánh trị và nhận định). Tài liệu : Hồ sơ hành chánh Mật liên quan đến việc thành lập và điều khiển tờ Nam Phong. Giá 800 đ.

— **Triết lý Hy Lạp** thời bi kịch của Nietzsche, bản dịch của Trần Xuân Kiêm, do Tây An xuất bản và gửi tặng. Sách dày 146 trang. Giá 500 đ.

— **Phù Đồng Thiên Vương** tiếng nói của thanh thiếu nhi, số 1, do nữ nghệ sĩ Kim Cương chủ trương, mỗi số dày 64 trang, bài của cô Kim cương và các cây bút quen thuộc : Vũ Hạnh, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn văn Xuân, Xuân Trang, Chu Ngọc, Nguyễn trọng Khanh, Đào Lâm, Nguyễn Anh Khiêm, Thương Thương vv.. Kim Tổ và Lê Trường Đại minh họa, tranh bìa của Duy Liêm. Giá 120 đ.

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dãy nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette) màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Lá thư Trần-văn-Khe

Lời BK : Giáo sư Trần Văn Khê, sau dịp viếng thăm quê nhà, ngót 1 tháng trời (từ 15-8-74 đến 12-9-74) đã trở lại Paris và ông bị đau một lần rất nặng, phải điều trị tại bệnh viện. Liền đó ông có ý định viết một loạt bài cho Bách-Khoa về các chuyến đi dự Nhạc hội của ông ở các nước trong những năm gần đây, dưới hình thức những lá thư gửi cho bạn ông ở Saigon là nhà văn Nguyễn Hữu Ngự — bút hiệu Nguyễn Ngụ Í, — một cây bút rất quen thuộc với quý bạn. Và sau đây là lá thư thứ nhất.

Nói lại đường tơ

Mùa Đông, đầu năm 75

Ngự xa cách,

Đã bảy năm rồi, tôi không viết thư cho bạn kể lại những chuyến đi để đem tiếng nhạc Việt đến xứ người. Không phải vì người lữ hành đã mỏi chân dừng bước, cũng không phải vì công việc quá đa đoan, mà chỉ vì từ xa, hướng về quê mẹ, tôi thấy khói lửa mịt trời, vọng nghe tiếng đồng bào nát thân vì bom đạn. Trong cảnh dầu sôi lửa bỏng mà nói chuyện về nhạc Việt ở xứ người, tôi thấy như bàn việc trồng hoa trong lúc căn nhà đang cháy rụi, và tôi đã nghẹn lời trước khi mở miệng, bao lần nâng bút mà viết chẳng nên câu.

Hè vừa qua, tôi đã được điểm phúc về thăm quê hương sau 25 năm xa cách. Gặp lại bạn, gặp bao người thân, được nói chuyện với các anh chị em văn-ngệ-sĩ, các bạn cũ ở trường Trương-Vinh-Ký, các anh chị em trong làng báo, nhứt là trong nhóm Bách-Khoa, thấy các bạn muốn biết thêm về những phản-ứng của thính giả trên thế giới khi nghe nhạc dân-tộc Việt-nam, thấy các bạn trẻ bản-khoăn muốn thấy rõ hơn chân giá trị của nghệ thuật dân gian mà thêm vững niềm tin nơi sức sống tiềm tàng của dân tộc Việt. Các bạn cũng muốn biết qua những sinh hoạt — nhứt là trong địa hạt văn hóa —

của mấy nước tôi đã được viếng. Tôi có ghi vội vàng trong mấy quyển sổ tay vài nhận xét của tôi nhưng chữ viết tháu, ngoài tôi ít ai đọc được và nhứt là một phần lớn những cảm-xúc tôi chỉ ghi lại bằng trí nhớ của tôi. Tôi tự nhủ, khi Hòa Bình trở lại với quê-hương, sau khi vấn-đề thiết-thực được giải quyết, nước nhà độc-lập, tự-do, dân-tộc đủ cơm ăn áo mặc, thì tôi sẽ bươi lại đồng tro tàn đang bao phủ ký ức của tôi để viết những bức thư dài cho bạn. Nhưng gần đây, có lẽ vì nhiều mối lo — hay là vì tuổi đời chông-chặt mà tôi không hay? — tôi thường quên từ việc nhỏ đến việc

lớn. Tôi bắt đầu mất tin tưởng nơi trí nhớ của tôi. Vừa rồi, sau khi đi hơn nửa vòng trái đất, hai lần bay qua nhiệt đới, tôi bị bệnh khá nặng và ngất đi ba lần. Lúc đó, tôi thấy mình đã mon-men đến quá gần biên giới của hai cõi tử-sinh mà đâm lo. Không khéo, những điều nghe thấy mà tôi muốn đợi sau khi Hòa-bình trở về với đất nước, sẽ chia sẻ với bạn, có thể bị chôn vùi trong quên lãng. Bạn sẽ trách tôi chần chờ để rồi mang cả xuống tuyến-dài.

Sau cơn đau « báo-động » ấy, tôi định cố tìm thì giờ, lần lượt viết cho bạn những bức thư về chuyến đi của tôi, được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Đường tơ đứt đoạn từ bảy năm rồi, tôi xin nối lại từ nay.

oOo

Trước khi gửi cho bạn bức thư về mấy lần tôi tham dự nhạc hội Shiraz (Si-ra) ở Ba-tư, tôi muốn ghi lại đây nhận xét của tôi, cũng về hai nền văn minh Âu-Á, trong dịp « nhập bệnh viện » vừa qua.

Sau khi chữa cho tôi khỏi bệnh máu đặc trong phổi, bác-sĩ gọi tôi đi thử coi sức hô-hấp của tôi như thế nào ; thì họ thấy tôi thở yếu hơn người thường đến 25 phần trăm và số dưỡng khí trong máu của tôi cũng kém. Bác-sĩ liền gọi tôi đến một chỗ để họ dạy tôi thở. Bạn có bao giờ nghĩ rằng mình không biết thở chẳng ? Ấy vậy mà sau khi thở theo cách « tay ngang » của mình từ hơn nửa thế-kỷ, mình bỗng thấy rằng mình không biết thở. Đó cũng tại

lúc nhỏ từ trường tiểu-học, đến trung học và đại-học, các thầy dạy tập thể-tháo đều áp dụng phương-pháp Âu Tây, nghĩa là phồng ngực lên, hót bụng vào, hai cánh tay quynh ra ngoài, mình cứ tự-đắc là như thế mình khỏe, mình mạnh không kém lực sĩ. Nay thì cả bên Âu Tây cũng nhìn nhận rằng thở như vậy sai, vì hót bụng vào, hoành-cách-mô (diaphragme) đè phôi về phía trên, không khí không thể nào vào hết trong hai lá phổi được. Nên mỗi lần tập họ bắt hít hơi vào, thối ra trong một ống cao su mà một đầu chìm trong nước, làm cho bọt tung lên — mình ít thì giờ mà mỗi tuần ba lần phải thối cho bọt nước tung lên trong nửa giờ, cũng ngán thật ! Rồi họ bắt nằm, trước hết họ đè tay lên bụng và bóp hai phía ba sườn của mình lại, bắt mình thối ra cho hết rồi thối vào sâu. Sau rồi họ đè trên bụng mình một bao cát 5 ki-lô, rồi 1 bao 10 ki-lô, mình phải hít hơi vào, phồng bụng đầy mạnh bao cát, rồi lúc thối ra 10 ki-lô cát đè trên bụng trong lúc hai bàn tay của người tập thở cho mình ép hai ba sườn lại. Phải bóp bụng khi thối ra và phồng bụng khi hít hơi vào, tập cho hoành-cách-mô đưa lên đầy không khí trong phổi ra và khi hoành-cách-mô đưa xuống là dồn gan ruột về phía dưới chứa chỗ cho phổi nở ra. Xem kỹ lại, đó là cách thở của những người tập yoga theo Ấn-độ, tập thiền theo Phật-giáo Việt-nam, hay Nhật bản, tập vận khí-công theo Thiếu lâm tự. Phương Đông đã có phương-pháp tập thở, vận khí-công có hiệu quả cho sức khỏe con người,

mà tôi lại bị cách tập thể dục theo Âu châu dạy thờ sai, nay nhận thấy sự hô hấp kém, vừa đi học thờ vừa tìm sách đọc về các lỗi thờ mới thấy rằng đến ngày nay, cả người phương Tây đều nhận là cách thờ của người phương Đông từ ngày xưa là hay, là đúng,

Cũng như hôm tháng bảy năm rồi, tôi lại bị bệnh rỉ khớp xương. Cách đây 2 năm, ròi kiếng xương sống của tôi. Bác sĩ thấy đốt xương sống thứ năm của tôi có mọc xương hình mỏ két, làm kẹt gân, đến ba ngón tay của bàn tay trái của tôi nghe tê như có kiến bò.

Một anh bác sĩ Tây học cho tôi uống thuốc có chất cortisone (cooc-ti-zôn). Bệnh bớt, nhưng tôi đã mập, phải mập thêm 4, 5 kilô nữa vừa mỡ, vừa nước. May mà tôi không bị đau thận trở lại. Lần tháng bảy vừa qua, cũng đau như thế, tôi tìm một

người bạn cũ, B.s. Nguyễn-Trần-Huân, chuyên về khoa châm-cứu; chỉ có hai lần « vô kim » là hết đau lưng, đi đứng được, dự cả hội-nghĩ âm-nhạc ở *Brésil*, rồi sau sang Úc châu trước khi về thăm quê nhà và gặp lại các bạn. Không phải mình bị tự-tôn mặc-cảm, nhưng xét ra, phương Đông có nhiều chỗ đáng cho chúng ta tự-hào.

Sau trận đau vừa qua, một mặt tôi thêm vững niềm tin vào giá-trị cổ hũu của văn-hóa phương Đông, và một mặt khác tôi bớt tin nơi sự hiểu biết của chính mình, vì có những chuyện mình tưởng được biết một cách chắc chắn mà thật ra mình chưa biết, như việc tôi chưa biết thờ chẳng hạn.

Xin hẹn bạn thư sau.

Xa xôi,

TRẦN VĂN KHÊ

CẢM TẠ

Tôi, LÊ THANH THÁI bút hiệu LÊ PHƯƠNG CHI, xin ghi ơn quý vị Bác sĩ chuyên khoa về tim :

- Bác sĩ **ĐOÀN VĂN ĐẠO** (Tổng Y viện Cộng Hòa)
- Bác sĩ **ĐINH HÀ** (Bệnh viện Vì Dân, Triều Châu, Trung tâm Y tế Hàn Việt)
- Bác sĩ **HỒ ĐẮC ĐẰNG** (Bệnh viện Nguyễn văn Học)

và đặc biệt :

- Bác sĩ **TRẦN VĂN TÍCH** (845 Bến Phạm Thế Hiền Chợ lớn)
- Bác sĩ **ĐỖ HỒNG NGỌC** (Bệnh viện Nhi Đồng, Đường Nhi khoa Trần Bình Trọng Chợ lớn).

đã tận tình cứu chữa bệnh *Sưng tim cấp tính* của con tôi là Lê Phương Chi suốt 3 ngày Tết Ất Mão.

Lòng nhân đạo của quý vị làm cho gia quyến chúng tôi rất xúc động. Chúng tôi xin thành kính ghi ơn sâu đậm lương tâm y nghiệp cao quý của quý vị.

LÊ THANH THÁI

Nói với em lớp sáu

Thơ TRẦN BÍCH TIÊN

Này em lớp sáu này em nhỏ
Gặp em rồi không quên em đâu
Chiều nay hai đứa về qua phố
Rất tự nhiên mà mình quen nhau

Em chạy tung tăng không mắc cỡ
Chị thì bước bước chậm theo sau
Tuổi mười hai chị xa vời quá
Chị gọi em chờ, em chạy mau

Này em lớp sáu này em nhỏ
Em hãy dừng chân một chút lâu
Chị vuốt tóc em rồi chị nhớ
Tóc em thơm ngát mùi hương cau
Hương cau vườn chị xa như tuổi
Ba má chị nằm dưới mộ sâu
Vườn cũ nhà xưa tàn với lửa
Chị đi về hai buổi âm u

Gặp em ngoài phố mình như bạn
Thời mộng trong bàn tay nắm nhau
Chị ngắt cho em hoa cúc nhỏ
Em cười cái miệng mới xinh sao
Ngày xưa chị cũng như em chứ
Cũng rất ngây thơ rất ngọt ngào
Chị nhớ mỗi chiều tan học sớm
Bạn bè đuổi bướm thật xôn xao

Những con bướm lượn trên bờ cỏ
Chị cũng như em chạy đuổi mau
Bây giờ bướm biệt trên đường phố
Em đuổi sương mù chơi chiêm bao

*

Này em lớp sáu này em nhỏ
« Gặp em rồi muôn thuở không quên »
Trời ơi câu đó ngày hôm trước
Ai rót vào hồn chị hồi em ?

Sách trên tay chị nghe chừng nặng
Sao cặp em đầy vẫn nhẹ tênh ?
Thôi nhé em về con phố dưới
Giữ hoài cho chị tuổi Hoa Niên.

(Giấy phôi Xuân 15 Trường Bùi Thị Xuân Đà Lạt)

Em về ôm quê hương mình

Thơ MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Em về giữ lửa
Em về giữ anh
Em không đi nữa
Có vui không anh.

Đưa em man rợ, lang thang
Đã trở về dưới mái nhà tranh
Của quê hương nghèo nản
Của mẹ của anh.

Em về với lửa
Em về với anh
Về yêu đôi lửa
Yêu sao long lanh

Ngày mai nếu có thanh bình
Cầm tay hai đứa chúng mình tung tăng
Từ Cà-mau đến Nam-quan : Hoa đăng
Mình sẽ phá tung gông cùm biên giới
Biên giới tình và biên giới kẽm gai chằng

Đề cho vợ gặp chồng
Mẹ thăm con, em hôn anh
Cho núi tràn hoa tím
Rừng trở lá xanh.

Em về yêu lửa
Em về yêu anh
Chúng mình hai đứa
Chung vòng tay bé nhỏ tạo thanh bình
Anh muốn không anh.

Em về ôm lửa
Em về ôm anh
Em không đi nữa
Em về ôm quê hương mình.

TIẾNG ĐÀN BẦU

Thơ ĐÔNG TRÌNH

② Có cái gì sáng nay rất gợi nhớ,
Rất bàng khuâng, như một thoáng mây trời.
Có phải ngoài kia theo lá thu bay
Tôi cũng ứa hết một thời trai trẻ ?

Không, có lẽ nào tâm hồn tôi ủy mị,
Tôi thanh xuân và tôi rất yêu đời.
Tôi làm thơ để vẽ mặt tương lai,
Anh em đọc và mừng thơ có lửa.

Có cái gì sáng nay rất gợi nhớ...
Tôi hiểu rồi. Chính tiếng khóc đêm qua,
Tiếng khóc mẹ tôi, bà khóc tình cờ
Khóc giữa tiếng đàn trên Đài... Tiếng nói.
Mẹ tôi là người, đầu nghiêng bên gối
Và tiếng đàn bầu là mũi nhọn kim tiêm
Ăn rất sâu vào tận mỗi đường ven,
Len thật nhẹ như một niềm thồn thức.

Tiếng đàn bầu ? Tôi không tin có thật,
Rất xa xăm và quá đổi mơ hồ
Như tiếng muôn đời tan giữa hư vô...
Nhưng mẹ tôi, bà nghe bằng linh giác,
Và giữa tiếng đàn, tôi bỗng nghe tiếng khóc !

Thôi hết rồi, tôi không còn nhạy cảm,
Không hiểu mẹ tôi đã khóc vì đâu.
Có gì gọi ta trong tiếng đàn bầu
Mà giữa đêm khuya buồn hoen mắt lệ ?

Ôi chiếc đàn bầu vô cùng giản dị,
Trên mặt gỗ bằng chỉ kéo một đường dây,
Phím đàn thần là đầu mỗi ngón tay,
Mỗi tiếng rung làm thay mưa đời gió.

Một đời nhìn nhưng tôi chưa thấy rõ
Tiếng nỉ non đã bật khóc từ đâu ?
Mặt gỗ bằng mà hun hút chiều sâu,
Dây tơ lẽ sao có ngàn cung bậc ?

Và từ đó bay lên hồn Dân tộc...
Tôi lắng nghe lịch sử bốn ngàn năm :
Thoảng động trên tơ tiếng khóc dân Chàm,
Có bước quân ta mở đường Nam tiến.
Ao ạt gió rừng, vi vu sóng biển,
Bát ngát đồng bằng, cao ngất Trường sơn.
Khúc xôn xao là lưu lượng sông Hồng,
Tiếng khoan thai là giọng hò Đồng Tháp...
Và lời đàn bắt lên tiếng hát :
« A ơi ! Nước non là nước non trời,
Ai chia được nước, ai dời được non.
Dù cho sông cạn đá mòn,
Còn non còn nước vẫn còn thề xưa »
Đất nước ta là đất nước thơ ;
Cha mẹ dạy con cũng thành thi sĩ :
« Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ,
Đói cho sạch, rách cho thơm.
Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,
Những phường giá áo túi cơm ra gì ? »
Đất nước ta dù chia trăm họ,
Nhân dân ta chỉ có một lòng :
« Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn »
Và từ đâu trong mỗi tiếng đàn
Mẹ tôi đã nghe một thời nhỏ dại :
Bến nước chiều mưa, con thuyền nằm đợi...
Quê hương tôi không có nhiều Tư-Mã Giang-Châu,
Những người ra đi quyết lập công đầu
Thiếu phụ Tâm-dương ôm con hóa đá...
Ôi những tấm lòng vô cùng cao cả
Thề nhập vào đâu trên trúc, trên tơ
Chỉ thoảng qua tai một tiếng rất hò
Đã thấy ngàn năm hình sông đáng núi.
« Chim xa rừng còn thương cây nhớ cội... »
Tôi xa quê từ lúc lên mười.
Hai mươi năm đất nước chia đôi
Tiếng đàn trong đêm bỗng nhiên đánh thức.

Chỉ có mẹ tôi ghen ngào bật khóc.
Thôi mẹ ơi, con đã hiểu vì đâu.
Con hiểu tại sao sau mỗi miếng trầu
Mẹ nhìn ngu ngơ như một người mất trí.
Mẹ nhìn rất xa, cuối hai dòng lệ
Chân trời ký ức heo hút rêu phong...
Mẹ nhìn rất xa về những cánh đồng
Thấp thoáng trong tre khói ôm mái rạ,
Có tiếng chim chiều gọi nhau về tổ
Vọng giữa bầu trời bàng bạc thủy ngân
Và cụm hương tàn trên mồ mã cha ông...
Dù muốn thêm một dây trên cây đàn Dân-tộc,
Núp dưới tay người tấu khúc xâm lăng
Tiếng ĐỘC HUYỀN CẦM, tiếng gọi muôn Năm

ĐÔNG TRINH

Đà-nẵng tháng 10.1974

Bữa rượu cuối năm

Thơ VŨ HỮU ĐỊNH

Gửi em trai tôi.

Gần Tết, bỗngưng sầu niu rượu
Anh em không hẹn, gặp nhau hoài
Xa lắc thời em khoe áo mới
— Tết này e chú đã hai mươi

Em ta : mới đó hai mươi tuổi
Đời mọc râu mọc tóc ngang tàng
Ta ba mươi một đầu tóc bạc
Vẫn một đời công mộng lang thang

— Chú vô một cốc, anh một cốc
Đời chỉ còn anh với chú thôi
Chớ nhắc quê xa thêm ái ngại
Mềm lòng khi rượu chưa mềm môi

— Long lanh mắt chú sao đầy rượu
Mắt có quê xa với bóng thầy
Chú ạ ! vô tình anh mới khóc
Vô tình vuốt mắt để nghe cay.

Đêm giao thừa của gã giang hồ

● LÊ MIÊN TƯỜNG

Họ gồm hai vợ chồng và ba đứa con. Nét mặt dễ thương và cái tên thơ mộng của đứa con trai đầu lòng như đề đánh dấu thời kỳ lãng mạn nghệ sĩ của người chồng ngoài ba mươi tuổi. Người vợ gầy cao, mang kiếng trắng, lênh đênh và mơ hồ. Họ đều là giáo sư.

Bây giờ là chín giờ đêm ba mươi. Lúc tôi băng mình trong cái lạnh căm căm đến khu xóm tịch liêu gõ cửa vào căn nhà thì đúng lúc hai vợ chồng anh Lãng và chị Yến Châu đang hát một bài ca phản chiến. Giọng người vợ ngưng ngập, cứng, thiếu tự nhiên. Học trò đứng dậy chào. Năm nào cũng thế, hễ cứ tới ba mươi là tụ họp, là Tết niên, là bánh kẹo, đàn hát, ngâm thơ, nói kể dăm chuyện dấn thân.

Tôi vào mang theo cái lạnh lẽo cuối mùa. Chị Yến Châu bỏ vào tay tôi một nắm hạt dưa. Tiếng anh Lãng :

— Hơi muộn đấy nhé. Phải bị phạt nhé. Rồi anh xây qua phía bên học trò đang ngồi đầy trên các băng ghế. Các em muốn phạt ông khách muộn cái gì ?

— Ngâm thơ, ngâm thơ.

Bọn học trò đồng một loạt, sau câu nói, vỗ tay đốp đốp. Và cười la. Tôi ôm đàn, ngồi xuống. Không ai chơi sáo. Tôi đệm đỡ đàn.

« ... Ba đồng một mớ trâu cay

Sao anh không hỏi những ngày còn không

Bây giờ em đã có chồng... »

Không dẫn đo, tôi ngâm bài ca dao, tuy biết anh Lãng sẽ không mấy hài lòng. Anh Lãng nhé. Phải hiểu. Phải hiểu rằng bài ca dựng nước, những tấm thân trai gầy vụn dưới cờ, những giọt máu hy sinh đời chẳng tiếc, những hồn đã điếc đã câm, những đời đã đi khỏi đời, đã bay cao, lẻ loi, những đời đã biến biệt nổi trôi bây giờ, bây giờ, chỉ góp lại làm cho túi con buôn chính khách mập thêm ra, hả hê, no dư, túi chất đầy tiền và óc não nuôi đặc mưu ý lợn heo. Phải hiểu như vậy. Phải hiểu rằng đêm ba mươi ngâm bài ca dao, sâu thẳm tự đáy lòng mình, là một cái gì quá dân tộc đi rồi. Phải hiểu.

Nhưng anh Lãng đã không muốn hiểu. Sau lúc tôi ngâm xong bài ca dao, túi học trò vỗ tay và anh Lãng hơi khó chịu, nhăn. Chị Yến Châu thì nhìn tôi đăm đăm, khác lạ. Cái nhìn đăm, đầy biết ơn. Tôi nhìn lại chị, cho bớt lạnh. Cuộc vui vẫn tiếp tục. Tiếng hát, lời ngâm đầy giả tạo, phù phiếm, thiếu tự nhiên, và đầy ảo tưởng. Những khuôn mặt, ngay cả khuôn mặt xinh trai của anh Lãng, đều say sưa, tự mãn trong một thứ hào quang tự cho rằng mình là anh hùng -- thứ anh hùng cá nhân, do họ tự tạo ra, khoác lấy, phủ chụp xuống đầu, xuống đời họ.

Tôi uống hớp cà-phê. Ngủ rồi. Chị Yến Châu nói và chúc đầu cái bình thủy xuống tách tôi. Bậy thật. Bắt đầu từ đứa con thứ hai, bằng vào mấy ngày bị cầm tù tình cờ, anh Lãng đổi hướng đời mình. Sự đổi hướng, không những chỉ khắc dấu vết lên đời anh thôi mà còn lên cả đứa con một cách khắc nghiệt: da nó đen, mặt quăm, lăm lỳ, cái miệng dữ (không dễ thương và xinh trai như thằng đầu), và tên nó, nó mang tên dây núi thiêng nơi ông cha ta xưa đã hào hùng ôm chính nghĩa chết gục dưới màu cờ đuôi Tầu đánh Pháp...

Rồi họ bỏ về hết, lúc tôi đang nghĩ miên man, đúng mười giờ đêm. Cửa cửa mong manh hé mở ra cho cái lạnh được dịp len vào, thấm ướt. Nỗi vắng im cảm sưng chộp xuống ngồn ngang những đồ đạc. Sau mỗi phút vui mau, là bất tận nỗi buồn. Chị Yến Châu gom một vài chiếc tách, cười vu vơ. Tôi ôm bé Tiêu Tương vào lòng. Tuy hơi khó chịu, nhưng là người lịch sự, như lời dặn tôi hồi chiều, anh Lãng nói về nồi bánh tét đang sôi sùng sục dưới bếp.

— Thôi giờ mình xuống canh nồi bánh nhé.

Tiếng chị Yến Châu:

— Lát nữa chắc mấy cái bánh chưng chín trước. Lạnh như thế này ăn bánh chưng nóng với dưa món, với bếp lửa hồng, Tết chán!

Tiếng anh Lãng:

— Mơ mộng dữ! Ăn Tết, nghỉ, để nuôi một ý tưởng gì chứ! Ăn Tết như em nói thôi còn chi là Tết nữa!

Tiếng tôi:

— Mình ăn trước ông bà!

Tiếng bé Tiêu Tương:

— Cho con ăn bánh xong rồi ngủ nghe bố. Ăn bánh xong rồi bố để cho con ngủ với mẹ nghe bố. Bố đừng giành mẹ của con nghe bố!

Tiếng chị Yến Châu:

— Ẽm cho hai thằng nhỏ kia ngủ trước.

Chúng tôi đang ngồi quanh bếp lửa. Bếp lửa hồng. Chị Yến Châu vô buồng trong. Anh Lãng nói với tôi về Huế, về cái lạnh, về nồi bánh tét năm nào của thời sinh viên xinh như mộng của anh. Rồi anh nói về chị Yến Châu:

— Châu còn lang bang, lập trường chưa vững. Đôi khi tôi cũng bức. Nói mãi, lái mãi, cái tính trẻ con mơ mộng cũng vẫn không bỏ.

Tôi không góp ý, ngồi tĩnh lặng đưa khúc cây còi đốt than hồng một màu rất lạ. Tôi cũng có một người mẹ, những đêm giao thừa đã xưa, những nồi bánh tét đã xưa, những bếp than hồng đã xưa, một mái ấm đã xưa, đã cũ, đã trở thành những giấc mơ đau từ cái lúc tôi chấp nhận một lên đường đi vào cái vô định bấp bênh của cuộc đời. Đi vào cái gió bụi phiêu linh của đường xa dặm thẳng. Đi, nhớ buồn. Bây giờ đó

một đêm giao thừa nữa, một bếp hồng nữa, của người, xa lạ. Bếp hồng rất thơm, rất dễ gây mùi thương nhớ. Lạ, nhưng trong đêm ba mươi lạnh căm ngoài trời, ngoài đời, thì bếp than hồng ấm là một cái gì quá quý giá đối với một kẻ chưa bao giờ biết đến mùi vị ấm êm của một mái nhà là gì? Anh Lãng vẫn tiếp tục nói, giọng tiếc nhớ. Bé Tiêu Tương cặp mắt to đen, liu liu, ngồi chú chú trong lòng tôi. Chị Yến Châu đã dỗ con ngủ được rồi, xuống bếp, đang ngồi trước mặt tôi, góp chuyện yên bình. Chị hỏi tôi Tết này không đi đâu sao. Anh Lãng nói thay tôi rằng chú ấy đi Đà-lạt mới về. Chị nói sao về nhanh thế. Tôi nói tại đi đâu rồi cũng làm một kẻ không nhà chỉ bằng về đây chơi với rừng đồi với núi thác với bé Tiêu Tương, với... chị trong ba ngày Tết, vui hơn.

Chị cười, mắt chớp chớp, mãnh liệt. Anh Lãng có một việc làm đủ để nuôi sống một người vợ, ba đứa con, một mái nhà và ngày tháng. Có một kẻ chọn lấy sự thường xuyên làm người thù, nên không sở hữu gì ngoài chính bản thân và đời hẳn yêu làm sao những cái nổi trôi biến biệt. Chú lấy vợ quách đi? Chị Yến Châu làm sao biết được. Chú không thích lấy hả? Tôi cười, chỉ vào nồi bánh: nước sôi tràn ra ngoài kia. Cái gì đây thì tràn. Chắc bánh chưng chín trước rồi đó.

Anh Lãng nói chắc, xong loay hoay dỡ nắp thùng. Mùi nếp mới, mùi lá tươi bay phụt ra theo làn khói ấm, thơm quanh, buồn rưng rức,

tươi mát nhưng gây mùi nhớ. Anh Lãng đang vớt chiếc bánh chưng, gói thật khéo. Chị Yến Châu sửa soạn đĩa muống và dưa món ra mâm. Cái lạnh như ứa ra từ ngoài đêm bí bùng mênh mông tối, ứa ra, cũng trong những khe đêm huyền bí, cái lạnh truyền đi, len qua các khóm cây, len qua các chòm sương trắng đặc mờ hồ, qua rừng, qua đồi, qua núi thác, thật xa và thật gần, đây đó tiếng chim lạc loài kêu đêm cô đơn, đây đó hiu hắt tiếng gà rừng âm thầm gáy vọng, qua đi, rồi len lỏi, rồi tới đây, ứa nhập vào, ứa nhập vào rồi chợt dừng sững lại ngấm ngấm, ngấm ngấm và dừng lại trước cái ấm nóng của bếp than hồng, ngấm ngấm dừng lại và ngấm ngấm bỏ ra ngoài đêm, lại ứa đi, lại len, lại ngấm, lại bám, ghé thăm những căn nhà tối tăm, những đìu hiu quán gió bên đường mái nghiêng phen lệch, lạnh lẽo không bóng đèn không bếp lửa, ghé thăm những kẻ không cửa không nhà, những người gái giang hồ cong queo nằm ôm chần đệm mốc thiu, đời bỏ ngỏ, chết giá lạnh rồi, thăm nhau rồi đi, mùa sang mùa, chờ đến sang năm, cũng cái lạnh này và đêm khuya se thất này, phải không?

Phải không chị Yến Châu? Bánh chưng ngon nồng quá với những củ hành chua mặn phải không? Với cốc rượu thơm ngát hương đời phải không? Nhưng sao thằng bé gói đầu lên lòng tôi mà ngủ? Nhưng sao tôi gói đầu lên trắng sao mà thức? Phải thức bé Tiêu Tương dậy cho nó ăn chứ.

Tôi cho con mèo liếm vào mặt Tiêu Tương. Chị Yến Châu đã cắt bánh sắp ra đĩa. Nhột, thẳng bé choàng thức dậy, ú ớ. Anh Lãng rót rượu ra cốc. Tôi bung cốc. Lửa củi than nỏ, tí tách reo. Chúng tôi cùng ăn.

— Ngon thật. Thế cũng hạnh phúc chán! Anh Lãng nói. Cần gì phải món cao lương!

— Miên là gì hả bố? Bé Tiêu Tương hỏi bố.

— Là giấc ngủ đấy. Chị Yến Châu nói thay.

— Phải không chú? Bé Tiêu Tương hỏi. Phải tên chú là giấc ngủ không chú?

Tôi nói phải, biết rằng với nét mặt và nụ cười man mác buồn của chị Yến Châu, không lần chị đã hạnh phúc như lời anh Lãng vừa nói. Nét chị nhìn còn ngơ ngác, lưu luyến, còn với trông về hướng những chân trời biển biệt.

— Sướng thật. Tên chú là giấc ngủ chắc chú ngủ suốt đời. Chị Yến Châu nói. Bình yên ghê! Phải không chú?

— Không đâu. Tôi nói. Tên tôi là giấc ngủ nhưng đời tôi sóng gió.

— Sao lạ vậy! Chị Yến Châu nói.

— Phải là kẻ gối đầu lên trái tim của người mẹ hoặc người tình mới đời đời ngủ yên được. Còn tôi, đời đời gối đầu lên tảng sao và bụi dặm đường, đời đời tôi thức.

— Ít thế thôi sao. Anh Lãng nói. Chỉ có hai hạng người ngủ suốt đời và thức suốt đời thế thôi sao? Còn chúng tôi, hạng có lý tưởng và hạng có gia đình, chú nghĩ sao, đời đời chúng tôi thức hay ngủ?

— Vào loại ngủ. Nhưng ngủ để mà ngủ. Tôi không chơi chữ đâu nhé—Tôi cười nói—Nhưng đây là ý của riêng tôi thôi. Ngủ không bình yên và không mộng mị. Không bình yên mà là bình thường. Không mộng mà là huyền mộng. Họ có đó, vui sướng. Rồi họ không đó, buồn rầu. Họ thừa mứa, thiếu thốn, gây vụn và hoàn toàn. Họ.. Nhưng họ bình thường. Quá đời bình thường.

— Nghe chú nói tôi không hiểu. —Anh Lãng nói—Có lẽ chú có lý và tôi thì không. Muốn nói với chú một cái gì nhưng buồn ngủ rồi. Phải đề khi khác tôi nói riêng với chú. Em với chú ấy — anh quay qua nói với chị Yến Châu — ngồi cạnh nồi bánh đợi Giao thừa kêu au. dậy nhé. Anh cho thằng nhỏ ngủ luôn. Giao thừa kêu anh dậy, anh canh hộ cho mà ngủ nhé.

Nói xong anh Lãng mỉm cười bồng Tiêu Tương từ trên hai tay tôi đang đưa sang, ngáp dài, bỏ vào buồng. Chị Yến Châu ôm con mèo mun vào lòng:

— Thế chú nói tôi như thế nào? Thức hay ngủ? Đố chú biết:

— Chịu thôi. Tôi nói. Phải... là chị tôi mới biết được chứ.

— Bộ chú ở vậy suốt đời hả? Lầy

vợ đi chứ! Trái tim của người vợ cũng như trái tim của người tình! Khi đó chú tha hồ gối đầu lên mà ngủ! Phải tìm đi chứ!

Chị Yến Châu nói với về giễu cợt dễ thương cùng nụ cười điệu vợ. Khác lắm chứ. Trái tim người vợ khác với trái tim người tình chứ! Rồi tìm như tìm... chim hả? Tôi hỏi, nhìn chị, nghĩ rằng ở chị là tổng cộng một khuôn mặt vừa của người mẹ vừa của người tình. Một khuôn mặt Nữ Nguyên Thủy. Tôi thấy ấm lòng với ý nghĩ đó. Chị Yến Châu thả con mèo mun ra nói rằng cái tìm kiếm là cái ý nghĩa hơn cả. Phải tìm đi chứ. Bếp than hồng vẫn tí tách nổ reo. Tìm như tìm trăng sao ấy à? Tôi lí nhí, vươn tay ôm lấy con mèo nóng ấm, mí mắt sụp xuống không ngờ. Một đốm than hồng nổ xoẹt ra khỏi bếp. Chị Yến Châu nói nóng quá xong bỏ sang ngồi trên cùng một tấm ván với tôi. Chị gầy cao, lênh đênh và mơ hồ. Mơ hồ tiếng gà rừng đêm khuya gáy vọng âm thầm. Đêm khuya có bầy vạc lẻ loi kêu sương. Cái lạnh lan truyền đi trong đêm có sương có mù. Đêm ba mươi Tết có gã giang hồ không nhà không cửa. Con mèo nóng lạnh. Chị Yến Châu mơ hồ và lênh đênh. Lênh đênh tôi gục đầu xuống. Mắt tôi nhắm kín. Mơ hồ tôi mơ thấy bếp lửa hồng ở quê nhà xưa ấm nồng như lòng người thiếu phụ hăm lăm. Mơ hồ tôi nghe tiếng gọi. Tiếng gọi của người mẹ. Tiếng gọi của người tình. Một cõi êm đềm. Đời đời tôi thức trên bãi hoang cùng trăng sao và mộng寐. Tiếng gọi gọi

tôi về. Về, tôi bình yên nằm dựa đầu trên vai, trên trái tim người tình có khuôn mặt giống hệt chị Yến Châu mà ngủ. Miên là giấc ngủ. Tiếng gọi gọi tôi về gối đầu trên trái tim người mẹ ngủ giấc bình yên. Rồi chị Yến Châu, trong chiêm bao, mỉm cười khẽ đưa tay xuống vuốt bờ tóc rối của tôi. Ngủ ngon nhé. Rồi tôi nghe thấy tiếng pháo giao thừa vang vọng đâu đây. Vang vọng từ xa rồi tới gần. Tới gần, nổ lộp độp quanh tai. Tôi rùng mình. Rồi hình như có tiếng gọi của chị Yến Châu. Dậy đi chứ. Giao thừa rồi. Giật mình tôi choàng thức dậy ngỡ thấy đầu mình đang gối lên vai chị Yến Châu. Vừa lo ngại vừa sung sướng, tôi nhấc đầu lên khỏi vai chị, xong nhìn chị chờ chị... la cho. Nhưng, trái với điều tôi nghĩ, chị Yến Châu dịu dàng nhìn tôi, sung sướng, nửa như âu yếm, nửa như trách móc, nói:

— Hư... lắm đấy nhé! Chú làm chị... đau tê cả vai rồi đây!

Sung sướng, không nói được gì, tôi cúi đầu lắng nghe lòng mình reo vui như than củi nổ tí tách trong bếp lửa hồng, như tiếng pháo giao thừa đang đi đùng lan truyền đi theo cùng cái lạnh ngoài đêm.

— Chú sướng hơn chị rồi đấy nhé! Chú... thắng chị rồi đấy nhé! Chú đã ngủ được một giấc!

Chị nói, mơ hồ. Chị Yến Châu gầy cao, dịu dàng, mang kiếng trắng, mơ hồ và lênh đênh.

LÊ MIÊN TƯỜNG
(Blaos 17-11-1974)

Lá thư Minh Đức Hoài Trinh

Vị Ương mừng 1 ●

Anh Ch.

Mùng mạt Tết. khai bút, viết thư cho anh đây. Nói dối đấy, mừng một mà nói dối chắc quanh năm nói dối; thôi để nói thật, từ sáng sớm tôi đã làm bao nhiêu là việc trước khi lấy giấy, ngồi vào bàn viết thư gửi anh. Anh và các bạn, mà có kẻ vừa viết thư ganh chuyện đi Huế ngủ đò của tôi. Người bạn ấy dọa cũng sẽ về kỳ hè này và sẽ ngủ đò chớ không chịu thua Minh Đức đâu.

Lần này có thể gọi là lần thứ nhất trong đời mà tôi được ở ăn Tết rất đầy đủ. Nhà có gián đôi câu đối, gián bùa ở cửa, ai có gì tôi cũng chẳng thua, chưa kể hai ba chiếc bánh chưng bánh tét ăn đến già chưa hết. Buổi sáng có đi chùa, đêm có thức dậy cúng giao thừa. Không thiếu món gì, sáng còn có mấy đứa cháu đến chúc Tết mừng tuổi sớm.

Với con người bị sao "Lang thang" chiếu, mệnh cọt vào cánh chim, mà năm nay như thế này phải nhận là có một sự thay đổi quá lớn, phải không anh.

Cái nhà Vị Ương của tôi cũng có hoa lá như ai, và xin thừa « vị ương » là chưa sáng chớ không phải chờ sáng đâu. Nhân tiện phải nói qua về hai chữ « Vị Ương » cho anh nghe. Trong Kinh Thi, Tiểu Nhã, thơ Định Liệu có câu « dạ vị ương »; trong Sở từ Ly Tao cũng có câu « Thời diệc do kỳ vị ương ». Vị Ương cũng là tên của một cung điện nhà Hán và trong bài văn tế của Ngọc Hân công chúa khốc Quang Trung cũng có câu :

« Đèn Vị Ương bóng đuốc bừng bừng »

« Lòng cần-miến vừa khi đóng dĩa ».

Vị ương có nghĩa là chưa hết, chưa sáng.

Mỗi người nghe âm thanh của hai chữ « vị ương » rồi tự cho phép mình chọn lấy một nghĩa phù hợp với tâm

trạng, với ý thích của mình. Tôi thì tôi thích cái lúc trời còn vị ương, dậy vào lúc đó mà làm việc khỏi bị những tiếng động ô trọc phá rối.

Độ này tôi về đây và tự thấy mình hoàn toàn là người, không còn là chim nữa rồi, cõn trả lại bộ cánh cho định mệnh. Nhận làm những công việc dài như việc dạy học cũng như nhận trồng mấy thứ cây. Một cây trúc, hai cây quỳnh, cây phong lan và mẫu đơn. Anh xem như vậy tức là mỗi sáng và mỗi chiều phải có bồn phạn với chúng nó chứ đâu có thể bỏ bê chúng được. Nhất là mỗi thứ đòi hỏi một sự chăm sóc riêng. Anh có biết cây mẫu đơn vẫn được mấy ông làm vườn từ thời cổ đại bên Trung quốc tôn làm Hoa vương không, mỗi sáng người làm vườn phải ra làm lễ vái chào, nếu không thì hoa giận không thêm nở. Mẫu đơn được thời ấy phong làm Quốc hoa, nhưng sau này người ta muốn chọn hoa mai, bảo rằng hoa mai có

ba nụ và năm cánh, biểu tượng cho tam dân ngũ quyền.

Có nhiều người hỏi tôi có bao giờ nhớ xứ người không? Tôi chưa thấy nhớ, ở xứ người có gì vui mà nhớ. Chỉ có mỗi sáng nghe nhạc mở đầu của đài BBC thì nhớ lại hồi ở bên ấy cũng buổi sáng nằm nghe tin tức và lo lắng chờ xem có gì xảy ra ở quê nhà, có ông nào bà nào tuyên bố cái gì động chạm đến xứ mình không, thế thôi. Anh có đồng ý là mùi hương và âm nhạc là hai thứ dễ gây nhớ nhất không?

Anh biết không, Tết này tôi chẳng làm gì, chẳng đi đâu, còn bị ốm vặt vờ. Có một căn bệnh mà nói ra chắc anh sẽ cười, đó là bệnh bực-mình-thì-ốm. Có gì đâu tôi « được-bị » mời đi ăn Tết ở một gia đình. Tôi ngại ngủng mãi và đúng ngày ấy thì phát ốm, như bị ai đá ngay vào chỗ dạ dày, cứ ức ức làm sao. Cố gắng ngồi làm việc một lúc, sau chịu hết nổi tôi lần xuống bếp tìm nước sôi và thứ gì uống. Nằm ôm nước sôi cả tiếng đồng hồ, uống thuốc mà vẫn không thấy bớt. Dây điện thoại đến nhà người đã có lòng mời, bảo cho họ biết rằng nếu tôi có đến cũng chỉ là một sự có mặt của tượng đá chứ chắc sẽ chẳng ăn uống gì được đâu. Họ thương tình nên tha cho, khỏi đi, thế là mười lăm phút sau tôi cũng khỏi bệnh, vớt túi cao-su nước nóng xuống sàn. Anh thấy sao? Ai không biết chắc sẽ ngỡ rằng tôi giả vờ ốm để khỏi đi.

Một người bạn là bác-sĩ đến thăm, nghe tôi than, đã chứng nhận là có

thứ bệnh đó thật và kể chuyện ông Benjamin Disraeli, tiểu thuyết gia và chính trị gia Anh quốc (1874), mỗi lần phải họp báo là ông ta lên cơn và ốm đến nỗi không thể đi họp được. Báo chí ngỡ rằng ông nói dối, giả vờ ốm để trốn cuộc họp báo. Điều này tôi thật kinh nghiệm đầy mình. Lâu lắm rồi tôi bị cái chứng ấy, chẳng biết là bệnh gì: nhõng nhẽo, ngoại giao, hay là ưu tư vật.

Thôi, đầu năm không nói chuyện ốm đau để kể chuyện khác cho anh nghe. Tết này tôi không thất nghiệp đâu, được cử làm Trưởng ban chấm thi báo Xuân của các trường Trung học, từ 30 Tết đã lo đọc vì đến 12 tháng Giêng là phải giao kết quả. Thật là một ý kiến đáng khen của Nha Sinh-hoạt học-đường. Nhìn chúng mấy chục tờ báo, từ Saigon đến các tỉnh, thấy một sự cố gắng của tuổi trẻ. Có những bài thơ, tuy thơ rất ít, nhưng rất hay, tin chắc rằng tác giả sẽ phải thành một nhà thơ nổi danh trong tương lai, và khi các mầm non ấy mà xuất hiện thì mầm già coi như là về vườn hết, nếu mầm già không chịu khó học hỏi thêm.

Một điểm nhận xét là tuổi trẻ một phần khá lớn bị đầu độc vì những loại tiểu thuyết tình cảm, ủy mị. Hay đó mới chính là căn bệnh của tuổi trẻ chẳng.

Điều thứ hai, khai với anh, những sáng tác nào đọc được, làm xúc động độc giả đều là những sáng tác mà đề-tài được đào trong cuộc sống thực tế, trái với những thiên tùy bút vắn

vơ « vô bệnh thân ngâm » than mây khóc gió.

Hình thức cũng là cả một sự cố gắng, nếu quả thật không có người lớn « gà vịt » vào, thì phải xin cất mũ chào những nhà nghệ sĩ tài hoa mồm non ấy.

Tuy vậy trong số các đặc san, tôi, cô ký gàn của các anh, đã tìm được một đặc san nghèo nàn nhất nhưng súc-tích nhất, cố nhiên là tôi đã cho nhiều điểm nhất. Biết chắc rằng đặc san này sẽ không được giải, trừ phi trong Ban Giám khảo, phải có ít nhất là 5 người gàn giống tôi. Con số hơi nhiều phải không anh, nhưng tôi chỉ sợ ánh đèn điện bao giờ cũng lôi cuốn người ta hơn ánh nến.

Thôi, đề hạ hồi phân giải, hôm nào phát phần thưởng, nghe đâu sẽ có cả triển lãm về báo cũ nữa, anh cố mà đi xem cho vui. Lâu lâu ông chính phủ cũng có được cái sáng kiến đáng khen đấy nhỉ.

Tết nhất của tôi xem như là xong rồi, mấy năm trước mà vào dịp này là còn lang thang ở mấy vùng trời tuyết. Tôi còn bỏ lại một đôi thiết hài trượt tuyết, một bộ quần áo mặc trong mặc ngoài có cả mũ đội đầu, bao tay, bít-tết dày cộm chỉ có thể dùng trượt tuyết mà thôi. Cũng ngã lên ngã xuống nhiều lần nhưng chưa vào bó bột là may lắm. Người Âu hay có câu « Ba ngày trong tuyết, ba tháng trong bột ». Bạn bè tôi, đứa nào cũng có nếm cái cảnh ấy, vì thế mà tôi ngại, ai làm việc cho, ai nuôi sống trong những ngày tháng ấy.

Tôi có một kỷ niệm khá đẹp, một trong những mùa đông đi trượt tuyết

là ở bên Áo. Cả ngày ở trên núi cao không trượt thì ngồi phơi nắng, chiều về trước khi ăn tối, còn đi đến hồ tắm có nước suối nước nóng của thiên nhiên. Bơi từ trong hồ có mái lán ra hồ lộ thiên, bên trên tuyết vẫn rơi nhưng cả thân người tắm dưới nước ấm, hai sự đối phản nhau thật thích và công nhận là con người rất biết khai thác thiên nhiên. Thỉnh thoảng nhồi mình lên cho tuyết phủ ngập vai để rồi chịu hết nổi thì lại chìm xuống cho nước nóng làm tan đi.

Chỉ có một điểm là những người đi trượt tuyết càng nhanh càng giỏi bao nhiêu thì đầu óc họ càng rộng bấy nhiêu, họ không nghĩ gì ngoài cái « piste » đang trước, nếu có một lỗ trũng, một khối đá lồi lên mà không nhìn thấy là ngã rất dễ.

Vì vậy mà về đến nhà họ vẫn còn dần, đừng mong đưa những câu chuyện triết lý cao siêu ra mà nói với họ. Ai muốn khỏi suy nghĩ cho trí não nghĩ xả hơi thì nên trượt tuyết. Tuyết cũng cố gắng hiển cho con người được một nghề mà xứ ta không thể có, hay phải dăm bảy thế kỷ nữa may ra mới có : đó là nghề huấn luyện cho người đi trượt tuyết. Các ông huấn luyện viên này trượt tuyết rất đẹp, thân hình rất đẹp, ăn mặc rất đẹp. Cái gì cũng đẹp chỉ có cái óc là một cục tuyết vắt lại như cục đất sét nhà mình, nhồi ở bên trong, nghĩa là dần độn vô cùng.

Nhưng đây là một nghề dễ kiếm ăn vì Âu Mỹ hay có mấy bà bắt chồng ở nhà làm việc, còn mình đi dưỡng xác. Đến những vùng nổi

tiếng hào hoa có nhiều tuyết, bà học trượt tuyết. Ông huấn luyện viên trượt tuyết cho bà xem, thế nào là Chasse-neige để trượt chậm, Télémark, Christiania, Saut tournant để xoay chiều hoặc ngừng hãm.

Dưới ánh mặt trời chiếu lên màu tuyết trắng xanh, thân hình ông «mô-ni-tơ» uốn lượn. Các bà tha hồ thán phục, thấy ông vừa tài hoa vừa đẹp đẽ, ăn mặc đúng điệu, chẳng bù với đấng lang quân ở nhà, kéo cái bụng đi trước con người cả nửa thước... Thế là bà vui lòng trả tiền học giờ rất đắt (ngày tôi học mà đã mấy chục quan, bây giờ chắc còn cao nhiều). Học xong còn phải có tí tiền nước và nhiều bà giàu, ăn cơm một mình trong quán hay buồn, nên mời ông đi ăn luôn. Cuộc đời các ông ấy chỉ có thể, cần nhất là đừng thông minh mà chân tay nhanh nhẹn, sinh trưởng ở xứ lạnh là coi như có ăn.

Anh có ham không? Chắc là không, mình dân xứ mặt trời chịu không nổi. Nhưng trên một cái piste rộng đủ màu sắc, lắm khi ngồi nhìn cũng thấy đẹp mắt. Đôi thiết hại năm chờ tôi ở Âu châu chắc là mòn mỏi và ức lắm vì nó thuộc loại tốt mua ở Áo là cái lò sản xuất chính cống. Nếu anh hà tiện mua thứ xấu mà nó gãy lúc anh đang trượt là hết đời.

Dân Âu mà sang xứ mặt trời lâu thì thân thể sẽ đòi hỏi một ít tuyết, vì vậy nên cứ hai năm phải về đi tìm tuyết. Có những vùng tuyết mùa hè phải lên mấy nghìn thước núi mới gặp, kẻ cũng thích, ở độ hai tuần thôi

rồi trở về với mặt trời.

Nhưng nói gì thì nói, xứ ta vẫn thích hơn, anh tin tôi đi, nhất là gặp cái nạn khủng hoảng dầu hỏa này. Nhà nghèo ở xứ lạnh run lên; ngay cả nhà không nghèo, mọi năm người ta cho đốt lò từ vào thu, thì năm nay chủ nhà đợi đến lúc nào hàn-thử-biêu xuống 7, 8 độ mới chịu nhen lò.

Bức thư đầu năm mà chẳng nói gì đến Tết Saigon, các bạn ở hải-ngoại sẽ nhăn mặt, viết thư rầy rà đúng là làm đau mấy cửa.

Thôi thì cũng xin phác họa mấy nét. Tết năm nay hoa nghe nói rẻ, thế là Minh Đức hí hửng mang hoa về, ai ngờ người ta cắt hoa cắm xuống giỏ, lúc về thay vào chậu thì ra không phải cây có rễ ở dưới mà chỉ là một cành suông!

Đáng cái đời, ai bảo đại. Nhưng mình vui khi làm cho người khác vui, phải không anh. Người bán hoa ấy chắc Tết về nhà vui lắm. Cầm tiền cho họ chưa chắc họ đã vui bằng đề họ xí gạt mình. Họ cảm thấy sáng kiến, trí thông minh của họ đã đưa lại kết quả và... mọi người cùng vui.

Tết năm nay Saigon không bị pháo kích. Hôm nay là mừng ba rồi, nói thế mà tối nay có pháo kích chắc buồn lắm.

Thôi phải ngừng. Hết khôn đồn đến đại, đầu năm phải kể chuyện gì cho hấp dẫn mà rốt cuộc nói gì đâu đâu.

Anh chị mạnh và Bách-Khoa vui.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

SINH HOẠT

Cảm tưởng vụn ngày Xuân

Năm nay, quân, công được lãnh trước bốn ngàn đề ăn Tết. Bốn ngàn chỉ vừa đủ mua một kí mứt sen, cho nên quân, công nào lương thiện chắc không dám rớ tới món đó, đề tiền mua một trái dưa hấu, hai đòn bánh tét, nửa kí thịt và đèn nhang, trà Blao, rượu đề cúng Ông Bà. Như vậy còn là may đấy. Rất nhiều người ngay ở Saigon nay chỉ mong khỏi phải cúng ông bà bằng cháo trắng như cúng cô hồn. Nhưng nghe nói cũng có kẻ ăn Tết cả chục triệu bạc. Có lẽ họ còn mừng tuổi nhau, chứ ăn gì dư vậy. Mà cái chuyện mừng tuổi thì biết mấy trăm triệu cho đủ. Đa đa ích thiện mà! Đó là cái hậu quả của ba trăm tỉ Mĩ-kim đổ vào Việt-nam chúng ta trong hai chục năm nay.

Dĩ nhiên, tôi cũng phải tiết giảm tối đa, chỉ định bỏ ra ngàn đồng mua báo thôi — ăn Tết cách đó rẻ nhất — Còn đương do dự chưa biết lựa tờ nào thì có ông bạn cho số *Sử Địa* 29, đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa, Ba trăm rưỡi trang khổ lớn, đặc những bài vờ, hình ảnh, bản đồ. Tốt quá rồi. Qua được cái Tết rồi. Vì tôi cũng theo các quân, công chỉ ăn Tết có một ngày rưỡi. Mà lại đỡ được 1.000đ. đúng hơn là 980đ.

Mới coi bìa sau tôi đã ngạc nhiên. Mau quá nhỉ. Thế mà *Sử Địa* đã ra được đến năm thứ 10 rồi à! Mười năm hi sinh của một nhóm học giả, một nhóm sinh viên, với sự bảo trợ

của nhà sách Khai Trí.

Tôi không có đủ bộ, nhưng cũng có được gần đủ những số đặc biệt, và tôi thấy không số nào công phu như số 29 này. Hết thấy là 15 bài và một bảng thư mục đầy đủ, bốn bản đồ in trên giấy giầy, rất tốt, và không biết mấy chục hình và trang sách cò phải làm bản kẽm. Phí tổn tất phải nặng. Bài nào cũng bổ ích, và có năm sáu bài rất súc tích, khảo cứu rất kỹ lưỡng, nhất là những bài chứng minh rằng các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về ta đã từ lâu, Trung Cộng đã đưa ra những lí không vững chút nào cả đề xâm chiếm Hoàng Sa. Bài *Hoàng Sa và Trường Sa lãnh thổ V.N* của ông Lãng Hồ chẳng hạn, là một công trình khảo cứu mất nửa năm chứ không ít. Rồi những bài của các ông Hoàng xuân Hãn, Hãn Nguyên, Quốc Tuấn, Lam Giang, Nguyễn Nhã... nữa.

Đó là về phần *Sử*. Về phần *Địa* cũng có năm sáu bài khảo sát về địa hình, địa chất, thảo mộc, nguồn lợi thiên nhiên... của quần đảo Hoàng Sa.

Cuối cùng là một thiên hồi kí của một người đã mục kích cuộc hải chiến giữa mình và Trung Cộng ngày 18-1-74.

Thật là điều đáng mừng. Khi quốc gia bị ngoại xâm thì các học giả cũng như các chiến sĩ, một lòng hi sinh để bảo vệ danh dự của dân tộc.

Tết này tôi vui, chính nhờ món quà đó của ông bạn.

Khi cảm ơn ông, tôi hỏi :

— Phí tiền in mất bao nhiêu ?

Ông đáp :

— Khoảng trên một triệu đồng, kể cả tiền in bản đồ làm phụ bản.

Tôi lại hỏi :

— Chính quyền có "bảo trợ" cho một phần nào không.

Ông chỉ mỉm cười, nhún vai, lắc đầu.

Tôi lại hỏi : — Có những bài rất giá trị, Bộ Văn hóa có tính dịch ra Hoa, Anh, Pháp ngữ để phổ biến ở ngoại quốc không.

Ông đáp : — Xin anh hỏi chính quyền. Lúc này chưa có ai làm gì.

— Như vậy là chính quyền nhường cho các anh độc quyền làm thứ văn hóa ái quốc ; họ giữ độc quyền làm thứ văn-hóa khác.

NGUYỄN HIẾN LÊ

O BK.— Nghe tin Tập san Sử Địa, vào tháng 12-75, sẽ lại ra một số đặc khảo quan trọng nữa về : « *Chiến thắng Sầm Giang* » là trận Nguyễn Huệ đại phá quân Xiêm năm 1785 và sẽ hợp tác với một số hội đoàn tư nhân để, nếu có thể được, lập một Đài kỷ-niệm Sầm Giang. Ô. Chủ nhiệm Tập san Sử Địa kính mời quý vị có tài liệu về chiến thắng trên đây, xin gửi bài về Tòa soạn Tập san Sử Địa, ở 221 Cộng Hòa Saigon, hoặc Hộp thư 380 Saigon, trước tháng 10 năm nay.

Tâm sự cuối năm của một số anh chị em văn nghệ sĩ

(Tiếp theo BK số Tết)



● BẠCH TUYẾT

Cải lương chỉ bảo Bạch Tuyết vẫn khiêm tốn và duyên dáng như những ngày còn đi hát, khác một chút là nàng để mặt tự nhiên không son phấn, mặc chiếc kimono có những chấm vuông đen trắng. Cử chỉ nói năng cũng ôn tồn, cười và nghe nhiều hơn tranh luận sôi nổi như trước kia.

Nghe tôi hỏi về sự đổi khác đó, Bạch Tuyết cười nhẹ, không đáp liền câu hỏi, nàng mời tôi uống nước ngọt giải khát, hỏi thăm qua về báo chí, gởi lời nhờ tôi chuyển lại với Minh-Đức Hoài-Trình, là Bạch Tuyết rất thích những *Lá thư nước*

ngoài mỗi kỳ trên Bách-Khoa (Bạch Tuyết là độc giả dài hạn của BK).

Sau đó, Bạch Tuyết mới cho biết sở dĩ nàng tuyên bố với bạn bè và với báo chí là nàng thôi đi hát, bớt sự giao thiệp ở bên ngoài là vì từ sau ngày nàng « vào thất » (có nghĩa là nhịn đói liên tục 7 ngày, mỗi tháng 1 kỳ) và tập « dịch cân kinh » bỗng nhiên tánh tình thay đổi, không còn thấy ham thích gì nữa, ngay như bệnh ghiền sân khấu, xa vài hôm là nhớ, thế mà bây giờ, xem cải lương trên truyền hình hoặc đi ngang rạp Quốc Thanh gặp lúc bên trong có diễn tuồng, nàng cũng thấy dừng dừng. Nhất là vấn đề tình cảm cũng thay đổi nhiều lắm.

Trước kia, mỗi tuần ít nhất Bạch Tuyết cũng may vài chiếc áo hợp thời trang, thích đi phố để chọn mỹ phẩm, những loại mới nhất. Còn hiện nay, nàng thích để da mặt tự nhiên, không đánh móng tay móng chân, cảm thấy rất thoải mái, mà trước kia thì ngược lại, không trang điểm, dường như thiếu thiếu cái gì.

Tôi hỏi sự thay đổi này có ảnh hưởng gì đến việc đi sắm Tết và ăn Tết năm nay không ?

Bạch Tuyết vẫn trong dáng điệu hòa nhã ôn tồn vui vẻ cho biết sẽ ăn Tết rất đơn giản. Chẳng hạn như mấy năm trước, mỗi lần sinh nhật của Bạch Tuyết là dịp qui tụ bạn bè thân thiết đầy nhà, yến tiệc linh đình, vì Bạch Tuyết sinh vào đêm Giáng sinh. Nhưng năm nay chỉ có hai người, Bạch Tuyết và chồng trong một lễ sinh nhật nhiều kỷ niệm hơn. Như vậy, Tết năm Ất Mão này, chắc Bạch Tuyết cũng tổ chức thật đơn giản, tuy cũng giữ theo tập tục ông bà, cũng về thăm cha mẹ bà con ngày mồng 1 và thăm viếng một vài người thân, thế thôi. Còn hiện giờ, đã hai mươi mấy tháng Chạp rồi, Bạch Tuyết vẫn chưa nghĩ đến chuyện đi sắm Tết như mấy năm trước đã làm.



● BÍCH THỦY

— Trời ơi ! Đồng bào chiến nạn Phước Long đang chờ cứu trợ, quân nhân công chức nghỉ Tết có mấy ngày, mồng 2 đã phải đi làm. Sinh hoạt đất đỏ. Vui sướng gì mà hỏi chuyện ăn Tết năm nay, anh ?

Mới hỏi qua mấy câu, Bích Thủy tuân một hơi dài như vậy làm tôi cut hứng chưa biết xoay xở làm sao để khơi tiếp câu chuyện. Tôi ngó ra ngoài hiên nhà, thấy mấy rổ củ cải, củ kiệu đang phơi nắng. Bích Thủy nhìn theo, rồi chợt cười :

— Đó là theo cô tục ông bà mình để lại,

năm nào Thủy cũng làm mấy món để dành cho ông xã nhắm lai rai với vài người bạn thân đến thăm.

— Bích Thủy có mua sắm gì cho mấy cháu chưa ?

Nàng lắc đầu :

— Chúng tôi có lệ là sắm cho các cháu vào dịp Noel, vì đó mới là Tết của chúng nó. Còn mấy ngày Tết, chúng tôi chỉ dắt các cháu về thăm bên nội, bên ngoại trong ngày mồng Một, để các cháu chúc tuổi ông bà.

— Bích Thủy có giữ tập tục xông nhà không ?

— Thường thường, năm nào trước giờ giao thừa, ông xã Thủy cũng đi chơi một lát, chờ quá 12 giờ đêm, tức là vào lúc 0 giờ của ngày mồng 1, ông về xông nhà luôn, năm nay chắc cũng vậy.

— Ông xã và Bích Thủy có thích chơi cảnh đào hay hoa mai trong ngày Tết không ?

— Mặc lắm, mua gì nời. Thích thì ai mà không thích ngày Xuân có cảnh đào hoặc cảnh mai trong nhà...

Bỗng như chợt nhớ ra, Bích Thủy cười cười :

— Nhờ trời, năm nào vợ chồng Thủy cũng nhận được một cảnh đào nho nhỏ của một bậc đàn anh gửi cho. Năm nay thời cuộc gang thép này không biết có hay không nữa...

■ VÔ PHIẾN



Năm 1973 tôi có ba cuốn sách được xuất bản, năm 1974 không có cuốn nào. Hiện thời, cũng có chừng ba cuốn khác, để dành cho năm 1975, đang chờ đợi các nhà xuất bản... Từ mấy năm nay, tôi đã không tự mình xuất bản sách mình nời nữa.

Về đời sống vật chất thì tôi cũng đại khái như phần nhiều anh em văn nghệ khác : ai nấy vẫn sống, nhưng phải múa đủ tứ chi mới kiếm đủ cái sống. Mỗi người phải làm năm bảy nghề (văn thua cô Kiều tám nghề), trong đó nghề Văn càng ngày càng trở thành phụ thuộc, thì giờ dành cho văn chương mỗi lúc một rút bớt, một thu ngắn.

Làm nghề cầm bút ai cũng muốn cầm bút bằng tay phải. Nếu hoàn cảnh bắt buộc chuyển cây bút qua tay trái (để dành tay phải cho sinh kế), e viết lách sẽ nguệch ngoạc, chẳng ra làm sao.

LÊ PHƯƠNG CHI ghi

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Giải thưởng Đặc-san Xuân học đường

Năm trước đây, Trung tâm Giáo-dục Thanh niên do Giáo sư Trần Minh Xuân làm Quản đốc, đã có sáng kiến tổ chức 3 giải thưởng nhất, nhì, ba dành cho 3 Đặc san Xuân xuất sắc nhất của các trường Trung học trong toàn quốc. Năm nay, Nhà Sinh hoạt học đường lại tổ chức giải thưởng cho những Đặc san Xuân của các trường Trung học như vậy, với một ban Giám khảo gồm các nhà văn nhà thơ và họa sĩ tên tuổi, nhà văn : Bình-Nguyên-Lộc, Minh Quân Lê Tất Điều, Võ Phiến, Nguyễn-Mộng Giác, nhà thơ Minh-Đức Hoài Trinh, nữ họa sĩ Tổ-Oanh vv...

Kết quả là : Giải nhất về Đặc-san Xuân của Trường Nữ Trung Học Gia Long, Giải nhì về Đặc san Xuân của Trường Nữ Trung Học Bùi Thị Xuân (ĐàLạt) và Giải ba về Đặc san Xuân của Trường Trung học Võ-Trường Toàn.

Một giải nữa dành cho bài viết về «Hiệu-Tổ» của trường như viết về Gia-Long, Bùi-Thị-Xuân, Võ Trường Toàn vv... thì giải này đã về Trường Trung Học Chu Văn An.

Theo một vài Giám-khảo nói trên tiết lộ, thì rất nhiều sáng tác — nhất là thơ — trong các Đặc san học sinh đã làm ngạc nhiên những cây bút đàn anh, đàn chị. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác sẽ ghi lại những nhận xét của mình trong một bài trên Bách Khoa số tới đây, và Bách Khoa số này cũng giới thiệu một bài thơ của Trần Bích Tiên « Nói với em lớp 6 » rút từ Đặc san Xuân trường Nữ Trung học Bùi Thị Xuân Đà Lạt.

Giải thưởng của Hội Thân-hữu Văn Khoa

Ngày 16 tháng 01 năm 1975, Hội Thân-hữu Văn-khoa đã tổ chức lễ phát giải thưởng dành cho Sinh viên Việt-nam biên khảo về «Thơ văn ái quốc cách mạng thời Pháp đô hộ», tại Thư viện Quốc gia Saigon.

Giải thưởng này đã dành cho hai tác phẩm biên khảo :

— Giới thiệu sách «Chứng diệt đư ngôn» của Phan Bội Châu của ông Trúc Đình Đình Tấn Tuấn.

— Đường vào «Giai Nhân kỳ ngộ» của Phan Chu Trinh của ông Nguyễn Trần Hoàng tức Nguyễn Chín.

Trong diễn văn khai mạc, Giáo sư Phạm Việt Tuyền, Hội trưởng Hội Thân hữu Văn-khoa, đã nêu rõ mục đích của Giải thưởng đặt ra là đề thể hệ trẻ hôm nay cấp bách sưu tầm nghiên cứu về những áng thơ văn ái quốc cách mạng quý giá mà có lẽ một số người trong các thế hệ tiền bối còn may mắn giữ được, e rằng càng đề lâu càng sưu tầm nghiên cứu khó khăn hơn, và một số thơ văn ái quốc cách mạng sẽ bị mai một.

Sau đó Giáo sư Nguyễn-Đăng-Thực, đại diện Hội đồng Giám khảo, đã trình bày và phê phán về hai tác phẩm trúng giải. Và sau khi nhận giải, hai sinh viên trúng giải đã lần lượt phát biểu cảm tưởng bày tỏ nỗi xúc động của mình.

Lễ phát giải thưởng đã được bế mạc bằng một tiệc trà thân mật.

THU THỦY

Với mục đích vừa giải trí vừa giáo dục

Nhà sách KHAI TRÍ
XUẤT BẢN LOẠI SÁCH NHI ĐỒNG
TUỔI THƠ

Một loại sách lành mạnh dành cho trẻ em Việt-Nam

Tương lai nước Việt Nam sau này hay hay dở đều do sự giáo dục hiện tại của lứa thiếu nhi, mầm non của đất nước.

Chúng ta, cũng như hầu hết các phụ huynh học sinh, từ lâu hằng ao ước có một tủ sách giáo dục lành mạnh dành cho con em, để tránh cho các trẻ khỏi phải đọc loại sách nhảm nhí hiện đang tràn ngập trên thị trường sách báo.

Chúng ta đã từng xót xa đau đớn nhìn thấy đám trẻ thơ ngây say mê đọc loại sách trình thám và kiếm hiệp rẻ tiền,

những loại sách đầu độc trí óc non nớt của con em chúng ta.

Để góp phần nào vào sự giáo dục trẻ em, Nhà sách Khai Trí cộng tác với một số nhà văn, nhà giáo, tha thiết đến tương lai con em, cho xuất bản loại sách nhi đồng **TUỔI THƠ**, một loại sách giải trí lành mạnh viết đúng chánh tả, văn phạm, ấn loát rõ ràng, giá bán phổ thông, đáng được hãnh diện trưng bày trong mọi tủ sách gia đình.

Chúng tôi hy vọng loại sách nhi đồng **TUỔI THƠ** sẽ giúp ích cho các em và là món ăn tinh thần cần thiết cho thiếu nhi Việt Nam.

Loại sách nhi đồng **TUỔI THƠ** hiện nay được giáo giới, phụ huynh học sinh và trẻ em Việt Nam hoan nghênh nhiệt liệt và đã xuất bản trên ba trăm tựa khác nhau, do nhiều nhà văn, nhà giáo danh tiếng toàn quốc cộng tác như : Nhật Tiến, Lê Tất Điều, Bửu Kế, Phan Du, Nguyễn văn Xuân, Thăm Thệ Hà, Cấn Huy Tăng, Hoàng Trúc Ly, Lưu Nghi, Bửu Mạn, Trần Tuấn Kiệt, Nguyễn Vỹ, Lan Thảo, Trương Vạn Năng, Phong Sơn, Triều Lương Chế, Tô Kiều Ngân, Ái Lan, Thu Mai, Nguyễn Hải, Tô Nguyệt Đình, Nguyễn Hữu Bào, Chu Tháo, Nguyễn Tử Quang, Huy Vũ, Thanh Phương, Minh Quân, Nguyễn Viễn, Thanh Ròn, Nhật Chương, Thụy Uyên, Phan Trần Nguyễn, Chính Yên, Xuân Quang, Sông Hồng, Nguyễn Nguyên, Đỗ Quân, Vũ Minh Thiều, Việt Dũng...

Giá sách hết sức phổ thông, mỗi quyển 32 trang chỉ bán 50đ. bằng tiền một nắm xôi nhỏ, rẻ hơn tờ báo hàng ngày.

Nhà sách KHAI TRÍ

62, Đại lộ LÊ LỢI — Saigon. ĐT 20.348

LOẠI SÁCH NHI ĐỒNG

TUỔI THƠ

Một loại sách lành mạnh dành cho
trẻ em VIỆT NAM

- | | | | |
|--------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------|
| 1. Đứa bé mù | Bừu Kê | 46. Hai bà cháu | Lưu Nghi |
| 2. Dinh Thầy | Phan Du | 47. Đôi cánh vàng | Mỹ Lệ |
| 3. Hai chiếc nhẫn thần | Lương Nhân | 48. Những ngày thơ ấu | Tô Kiều gân |
| 4. Con đĩa thần | Nguyễn văn Xuân | 49. Tượng đá đầu non | Hoàng Trúc Ly |
| 5. Thần điều và hoa hồng | Thăm Thệ Hà | 50. Anh em thắng Việt | Tô Nguyệt Đình |
| 6. Lòng quảng đại | Cần Huy Tăng | 51. Tài không đợi tuổi | Thăm Thệ Hà |
| 7. Những người tí hon | Lê Tất Điều | 52. Trao quà ngày Tết | Minh Quân |
| 8. Người bạn mới | Nhật Tiến | 53. Sao Trời | Nguyễn Vỹ |
| 9. Giấc mơ Hoàng tử | Hoàng trúc Ly | 54. Cậu bé Phan Châu Trinh | Nguyễn Văn Xuân |
| 10. Bến đò Bà Một | Lưu Nghi | 55. Thắng bạn anh hùng | Phong Sơn |
| 11. Linh Miêu | Bừu Kê | 56. Con khỉ kỳ diệu | Tô Nguyệt Đình |
| 12. Cửa báu nhà họ Vương | Phan Du | 57. Thỏ Nọc | Thu Mai |
| 13. Con nước đột | Lương Nhân | 58. Hiệp sĩ Lục Kỳ | Tô Kiều Ngân |
| 14. Cái quái chèo | Nguyễn văn Xuân | 59. Một cơn ác mộng | Lưu Nghi |
| 15. Đoàn quân áo đen | Thăm Thệ Hà | 60. Áo vải lòng vàng | Hoàng Trúc Ly |
| 16. Thần đồng | Anh Huy | 61. Giấc mộng hải hùng | Ái Lan |
| 17. Dũng võ sĩ | Lê Tất Điều | 62. Bọn cướp Đặng Tôn | Tô Kiều Ngân |
| 18. Hoàng tử Anh Đào | Tiêu Sử | 63. Tý đười dơi | Nguyễn Vỹ |
| 19. Cô bé Rừng Xanh | Hoàng trúc Ly | 64. Làng súc vật chống bầy heo rừng | Anh Đào |
| 20. Người tham hóa đá | Trương vạn Năng | 65. Tiếng hát bày thiếu thân | Phong Sơn |
| 21. Con kỳ khuyển | Bừu Kê | 66. Trong rừng U Minh Thượng | Lưu Nghi |
| 22. Những quả cà chua | Phan Du | 67. Anh hùng Trịnh Kiềm | Hoàng Trúc Ly |
| 23. Con gái bác tiên phu | Lương Nhân | 68. Con quạ bắt kẻ trộm | Thảo Nhiên |
| 24. Cõi Rừng | Nguyễn văn Xuân | 69. Nỗi lòng thầy giáo | Cần Huy Tăng |
| 25. Tình mẫu tử | Bừu Mạn | 70. Bạch hầu Hoàng Đế | Bích Lệ |
| 26. Trở về đất Việt | Anh Huy | 71. Hiệp sĩ bốn chân | Hoàng Trúc Ly |
| 27. Trung thu của bác đèn xếp | Lê T. Điều | 72. Oan tình bà Phi Yến | Ái Lan |
| 28. Ở ác gặp ác | Tiêu Sử | 73. Phò mã mù | Huy Vũ |
| 29. Một ngày học khôn | Hoàng Trúc Ly | 74. Rửa tay gác kiếm | Thăm Thệ Hà |
| 30. Ở hiền gặp lành | Lan Thảo | 75. Chiếc gương thần | Minh Loan |
| 31. Con phi mã | Bừu Kê | 76. Con ngựa của vua Lê | Hoàng Trúc Ly |
| 32. Thắng bõm và mụ chần tinh | Trần Tuấn Kiệt | 77. Con ông Bá Hộ | Anh Huy |
| 33. Ba quả chanh | Lương Nhân | 78. Phương Còm | Thu Mai |
| 34. Con ngựa và nàng công chúa | Nguyễn Văn Xuân | 79. Ba cánh hoa thần | Thảo Anh |
| 35. Cô gái câm | Nguyễn Vỹ | 80. Ông Tồn Phê | Lưu Nghi |
| 36. Đèn sáng đêm khuya | Lưu Nghi | 81. Mùa hè của bé Chuột | Lê Tất Điều |
| 37. Tên trộm nguy hiểm | Lê Tất Điều | 82. Anh hùng vô danh | Hoàng Trúc Ly |
| 38. Thiên tài lạc lối | Thăm Thệ Hà | 83. Chuột bạch phiêu lưu | Tiêu Sử |
| 39. Đôi mắt mẹ hiền | Hoàng Trúc Ly | 84. Lê Hùng làm trinh thám | Phong Sơn |
| 40. Ông hoàng què | Tiêu Sử | 85. Sơn thần Khai trưởng | Triều Lương Cnê |
| 41. Tâm sự một quyển sách | Anh Huy | 86. Thắng Hui | Tô Kiều gân |
| 42. Chiếc áo thần | Lệ Lan | 87. Mạo hiểm phi thường | Ái Lan |
| 43. Cây đèn của Phò mã | Hoàng Trúc Ly | 88. Bữa tiệc mừng | Cần Huy Tăng |
| 44. Đám mây hình lá sen | Nguyễn Văn Xuân | 89. Tình thương trong xóm nhỏ | Lưu Nghi |
| 45. Ông già tí hon | Bừu Kê | 90. Thần nư tướng quân | Phong Sơn |
| | | 91. Mài kiếm dưới trăng | Hoàng Trúc Ly |
| | | 92. Cọp đi tu | Thu Mai |
| | | 93. Con nuôi của quỷ | Nguyễn Hải |
| | | 94. Nhà vu quýt lời hứa | Sơn Vương |
| | | 95. Người mẹ Việt Nam | Anh Huy |
| | | 96. Chị cùng em | Hoàng Trúc Ly |
| | | 97. Cọp, thỏ và người | Bừu Mạn |
| | | 98. Anh hùng Thạch Bi Sơn | Ái Lan |
| | | 99. Con bướm trắng | Tô Nguyệt Đình |

100. Cô bé quay tơ Nguyễn Vỹ
101. Mùa xuân thứ nhất Hoàng Trúc Ly
102. Tai nạn lưu thông Cấn Huy Tăng
103. Con chó Yippi Nguyễn Vỹ
104. Đôi mắt thần Ái Lan
105. Con gấu hung dữ Lê Tã Điều
106. Nàng công chúa kiêu căng Thảo Nhiên
107. Thắng Tựa Triều Lương Chế
108. Thần mặt trời Bửu Mạn
109. Giết lợn đầu xuân Minh Quân
110. Đời phiêu lưu của Tô Vũ Hoàng Trúc Ly
111. Chưa tròn tuổi mộng Thâm Thệ Hà
112. Kim và Tô Tô Nguyên Viễn
113. Sự tích cây lúa Vĩnh Thuận
114. Con chim mỡ côi Nguyễn Vỹ
115. Sơn tinh Thủy tinh Tô Nguyệt Đình
116. Hai ông vua nước Tấn Tiêu Sử
117. Bức tranh cứu mạng Phong Sơn
118. Hầm bí mật giữa rừng sâu Anh Huy
119. Nàng tiên trong quả cau Thảo Anh
120. Chúa đảng Sát Hồ Bửu Kế
121. Viên tướng bịt mặt Phong Sơn
122. Đứa con ngoan Cấn Huy Tăng
123. Đôi bạn thơ ngây Hoàng Trúc Ly
124. Công chúa con vua Long Vương Lương Nhân
125. Sau cơn thử thách Triều Lương Chế
126. Nhân Ngư công chúa Thâm Thệ Hà
127. Đôi cánh hạc thần Lệ Hoa
128. Công chúa Thu Lan Minh Loan
129. Thủy tiên nương Nguyễn Vỹ
130. Thương yêu và hối hận Phong Sơn
131. Lời trối của bà Tư Lưu Nghị
132. Con mèo ba mắt Tô Kiều Ngân
133. Ông Trúc Lâm Bửu Kế
134. Vị sứ thần của bà Tiên Chu Thao
135. Bà chúa ong Bửu Mạn
136. Chuột cù phiêu lưu Tô Nguyệt Đình
137. Hộp ghĩa anh hùng Cấn Huy Tăng
138. Lý Công Uẩn Hoàng Trúc Ly
139. Con Bạch Mao Tiêu Sử
140. Năm chàng kỳ tài Nguyễn Tử Quang
141. Luật giang hồ Cấn Huy Tăng
142. Tháp bà Lưu Nghị
143. Thám hiểm đền ông Hoàng Tô Kiều Ngân
144. Máu chảy ruột mềm Hoàng Trúc Ly
145. Ngọc Tuyên thám sử Thâm Thệ Hà
146. Vợ trả thù con Bửu Mạn
147. Sau pho tượng thổ địa Lương Nhân
148. Vụ mất cắp bí mật Phong Sơn
149. Con chó cứu chủ Lệ
150. Ông thổ đế Anh Huy
151. Con cánh cam vàng Tô Nguyệt Đình
152. Liều thuốc thần tiên Hoàng Trúc Ly
153. Một kinh đô dưới đáy biển Tiêu Sử
154. Con rồng và hạt kim cương Tô Vũ
155. Nàng tiên xứ mọi Cấn Huy Tăng
156. Chú chồn khôn quý Nguyễn Tử Quang
157. Học nghề Bửu Kế
158. Ông cụ non Hoàng Trúc Ly
159. Đa trâu biết nói Bửu Mạn
160. Sự tích Nhà Bè Lương Nhân
161. Cây tóc Bửu Kế
162. Hai giọt nước Hoàng Trúc Ly
163. Hồn ma cô Bạch Huệ Cấn Huy Tăng
164. Một vụ bắt cóc Lương Nhân
165. Chồn đeo lục lạc Bửu Mạn
166. Ba trâu ba cột Tô Nguyệt Đình
167. Một đêm sơn cước Anh Huy
168. Kiếp không nhà Hoàng Trúc Ly
169. Ông nghề Dê Thâm Thệ Hà
170. Gã hành khất tàn tật Tiêu Sử
171. Đường gươm diệt ác Phong Sơn
172. Người chết xuất hiện Lương Nhân
173. Săn cá voi Hoa Tường Dung
174. Lòng không oán thù Hoàng Trúc Ly
175. Thần thiên lôi Bửu Kế
176. Sơn lang Cấn Huy Tăng
177. Cậu Phấn Tiêu Sử
178. Đôi bạn chăn dê Tô Kiều Ngân
179. Con búp bê thần Bửu Mạn
180. Bàn thắng quyết định Phong Sơn
181. Con vịt mộng năm Lương Nhân
182. Bóng đen trong đêm trăng Phong Sơn
183. Như kiềng ba chân Hoàng Trúc Ly
184. Chí hy sinh Cấn Huy Tăng
185. Những chuyến buôn Bửu Kế
186. Mùa xuân ấp trứng Bửu Mạn
187. Ngô Quyền Hoàng Trúc Ly
188. Hộp thuốc nhiệm màu Tiêu Sử
189. Con chim vàng anh Thâm Thệ Hà
190. Tiền tướng họ Đinh Tô Kiều Ngân
191. Lá thư của chuột Anh Huy
192. Nùng Trí Cao Hoàng Trúc Ly
193. Ký ức ngày xanh Phan Trần Nguyễn
194. Căn nhà vô chủ Lưu Nghị
195. Một lần du ngoạn Nguyên Viễn
196. Buổi học đầu xuân Thanh Rộng
197. Ánh gươm đêm Dạ Trạch Phong Sơn
198. Những ngày đã qua Hoàng Trúc Ly
199. Giấc mộng ngày xuân Tô Nguyệt Đình

- | | | | |
|--|-----------------|--|--------------------------------|
| 200. Cặp cừu người | Cần Huy Tăng | 251. Tâm lòng của bé Huyền | Thụy Uyên |
| 201. Ngọn lửa giữa đồng | Lưu Nghi | 252. Gương kiên nhẫn | Hoàng Trúc Ly |
| 202. Con ngựa Thần Phong | Phong Sơn | 253. Luyện sắt thành vàng | Lương Nhân |
| 203. Một chuyến đi rừng | Cần Huy Tăng | 254. Tiếng hát ngày xưa | Bừu Mạn |
| 204. Tàng hình | Bừu Kế | 255. Ngôi nhà hoang | Nhật Chương |
| 205. Thiên đường tuổi nhỏ | Hoàng Trúc Ly | 256. Con khỉ đột trong gành xiếc | P. Sơn |
| 206. Kê Hàng Sơn | Tô Nguyệt Đình | 257. Chuyện lạ trên sông | Bừu Kế |
| 207. Con nai tơ trong gành xiếc | Tô Kiều Ngân | 258. Nhật ký Thanh Bình | Nguyễn H. Bào |
| 208. Thăm tử ti hon | Nguyễn Hữu Bào | 259. Chiếc nhẫn thần | Bừu Mạn |
| 209. Ông Lê Như Hồ | Ái Lan | 260. Dưới ánh trăng sao | Thanh Phương |
| 210. Tiếng tiêu huyền diệu | Nhật Chương | 261. Con trâu có nghĩa | Sông Hồng |
| 211. San vu tự tử | Anh Huy | 262. Tình mẹ con | Thu Mai |
| 212. Con Rồng lửa và viên ngọc Vạn Bảo | Thanh Roòn | 263. Thiếu nhi anh hùng | Tô Kiều Ngân |
| 213. Ngôi nhà ma | Bừu Kế | 264. Con đường hạnh phúc | Bừu Kế |
| 214. Có công mài sắt | Bừu Mạn | 265. Thành Thăng Long khỏi lửa Đ. Quân | |
| 215. Đứa trẻ bơ vơ | Hoàng Trúc Ly | 266. Đứa con của biển | Nhật Chương |
| 216. Hai ngọn lá | Tiên Sử | 267. Đi vào vùng đất lạ | Tô Kiều Ngân |
| 217. Gồng thân | Lưu Nghi | 268. Em bé mồ côi | Hoàng Trúc Ly |
| 218. Giọt lệ nhiệm mầu | Nguyễn Hữu Bào | 269. Tiên dược | Nguyễn Hữu Bào |
| 219. Pho tượng thẳng hồ bí ẩn | Phong Sơn | 270. Chú chồn đi tu | Nguyễn Tử Quang |
| 220. Chiếc Hải Phòng | Lương Nhân | 271. Bức điện tín | Vũ Minh Thiệu |
| 221. Người bạn tốt | Thụy Uyên | 272. Cây nhân sâm | Nhật Chương |
| 222. Những cánh chim lạc loài | T. Phương | 273. Thăng ở đợ | Đỗ Quân |
| 223. Con chim vàng | Hữu Hoàng | 274. Giao nhân | Bừu Kế |
| 224. Vụ bắt cóc 102 | Cần Huy Tăng | 275. Vuốt mắt kẻ thù | Tô Kiều Ngân |
| 225. Ngọn núi thần | Nhật Chương | 276. Mặt trời sẽ mọc | Thu Mai |
| 226. Chó sói cứu con | Bừu Mạn | 277. Giấc mơ kỳ diệu | Việt Dũng |
| 227. Cuộc đời mai sau | Anh Huy | 278. Hai bác phó | Bừu Kế |
| 228. Con ngựa gỗ | Sông Hồng | 279. Chúa Chồm | Nguyễn Tử Quang |
| 229. Trở về mái nhà xưa | Tô Kiều Ngân | 280. Giờ tan học | Bừu Mạn |
| 230. Từ quái | Lương Nhân | 281. Quán nhậu thú rừng | Xuân Quang |
| 231. Con chim sâu | Nguyễn Hữu Bào | 282. Cậu bé can đảm | Nguyễn Hữu Bào |
| 232. Danh dự trên hết | Hoàng Trúc Ly | 283. Nước mắt mẹ già | Nhật Chương |
| 233. Trời có mắt | Tiên Sử | 284. Ngựa đá qua sông | Nguyễn Tử Quang |
| 234. Hai chuyện trinh thám | Bừu Mạn | 285. Lời ru êm ái | Hoàng Trúc Ly |
| 235. Thăng người máy phản bội | P. Sơn | 286. Con voi thần | Sông Hồng |
| 236. Thăng Ớt | Lưu Nghi | 287. Châu châu đá xe | Nguyễn Nguyên |
| 237. Em bé bán bông bóng | Thụy Uyên | 288. Sự thích đồ của chị Hoa | N. Chương |
| 238. Hoàng tử Thái Lan | Lương Nhân | 289. Gái Việt hùng anh | Cần Huy Tăng |
| 239. Cáo trả ơn | Bừu Mạn | 290. Gấu trắng phiêu lưu | Ái Lan |
| 240. Con mèo Hồng Ngọc | Nhật Chương | 291. Vàng trong tháp đá | Nhật Chương |
| 241. Con khỉ Thông Thả | Nguyễn Tử Quang | 292. Bảo kiếm của Hoàng đế H. Trúc Ly | |
| 242. Mụ ác ôn | Bừu Kế | 293. Chuyện đi kỷ niệm | Xuân Quang |
| 243. Ba anh em | Nguyễn Hữu Bào | 294. Một vụ đốt nhà | Phong Sơn |
| 244. Người tạc tượng | Nhật Chương | 295. Người thợ săn và cạp ba chân | Đỗ Quân |
| 245. Khu vườn linh dược | Lương Nhân | 296. Tao hóa chí công | Nguyễn Hữu Bào |
| 246. Thương về quê mẹ | Thanh Phương | 297. Võ đề | Sông Hồng |
| 247. Chiếc lá cuối cùng | Việt Dũng | 298. Bồn vụ xử án lý thú | N. Tử Quang |
| 248. Nàng Bạch Hạc | Tiên Sử | 299. Người họa sĩ khác thường | Nhật Chương |
| 249. Bát cánh hoa lý | Bừu Mạn | 300. Kim Sơn huyền bí | Ng. Hữu Bào |
| 250. Mèo Hồng Ngọc tử chiến | Nhật Chương | | Và còn rất nhiều tựa sách khác |

Giấy phép KD số 270/75 BDVCH/PHBCNT/ALP/GP ngày 28-02-1975.

Phát hành ngày 03-03-75 — Số lượng 3.000.

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chỉ có



NƯỚC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai "HÒA TIÊN"!

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài-lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc